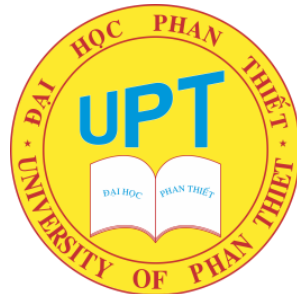


**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT**



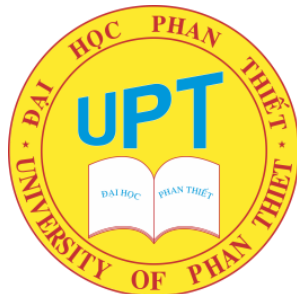
NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG
TÍN DỤNG TẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN MA LÂM,
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN**

**ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
LUẬT KINH TẾ**

Bình Thuận, tháng 5-2025

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT**



NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG
TÍN DỤNG TẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN MÀ LÂM,
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN**

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ

MÃ SỐ: 8380107

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. TRƯƠNG THỊ TUYẾT MINH

Bình Thuận, tháng 5-2025

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Tiến sĩ Trương Thị Tuyết Minh, người đã tận tình hướng dẫn, hỗ trợ tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành đề án này. Với sự hướng dẫn tận tâm, những góp ý quý báu cùng sự động viên từ cô, tôi đã có thêm động lực và định hướng đúng đắn để hoàn thành nghiên cứu một cách khoa học và hiệu quả nhất.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Trường Đại học Phan Thiết, nơi đã cung cấp môi trường học tập thuận lợi, nguồn tài liệu tham khảo phong phú và những kiến thức quý báu trong suốt quá trình học tập và thực hiện đề án. Bên cạnh đó, tôi xin gửi lời cảm ơn đến các thầy cô trong khoa, những người đã truyền đạt cho tôi những kiến thức chuyên môn và kỹ năng quan trọng, giúp tôi có nền tảng vững chắc để thực hiện nghiên cứu này.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn Quỹ Tín Dụng Nhân Dân Ma Lâm, Ban lãnh đạo và các cán bộ, nhân viên của Quỹ đã tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp thông tin cần thiết và hỗ trợ tôi trong quá trình thực tập, khảo sát thực tế. Đồng thời, tôi cũng xin gửi lời tri ân đến gia đình, bạn bè đã luôn động viên, ủng hộ và đồng hành cùng tôi trong suốt thời gian thực hiện đề án này.

Mặc dù đã nỗ lực hoàn thành nghiên cứu với tinh thần trách nhiệm cao nhất, nhưng do hạn chế về thời gian và kinh nghiệm, đề án không tránh khỏi những thiếu sót. Do đó, tôi mong nhận được sự góp ý quý báu từ thầy cô, bạn bè và những người quan tâm để có thể hoàn thiện hơn nghiên cứu của mình.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

LỜI CAM ĐOAN

Tôi tên: Nguyễn Thị Ánh Tuyết

MSSV: 2318380107014.

Lớp: Cao học Luật kinh tế - MEL2.1

Tôi xin cam đoan rằng đề án “Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng tại Quỹ Tín Dụng Nhân Dân Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận” là kết quả nghiên cứu độc lập của tôi, được thực hiện trên cơ sở nghiên cứu lý luận, khảo sát thực tiễn và thu thập thông tin từ các nguồn tài liệu có độ tin cậy cao.

Toàn bộ nội dung trong đề án là trung thực, không sao chép từ bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác. Các số liệu, dữ liệu và thông tin trong đề án đều được thu thập và xử lý một cách khách quan, đúng với thực tế tại QTDND Ma Lâm. Nếu có bất kỳ sai sót nào hoặc vi phạm quy định về đạo đức nghiên cứu, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Nhà trường và các cơ quan có liên quan.

Tôi xin cam đoan những điều trên là hoàn toàn đúng sự thật!

Người thực hiện đề án

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

TÓM TẮT TIẾNG VIỆT

Hoạt động tín dụng của Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) giữ vai trò quan trọng trong hỗ trợ vốn cho thành viên, thúc đẩy kinh tế địa phương. Tuy nhiên, thực tế cho thấy hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt trong tuân thủ pháp luật về thẩm định tín dụng, quản trị rủi ro và xử lý nợ xấu. Việc thực thi chưa đầy đủ có thể dẫn đến mất an toàn tài chính, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của Quỹ. Từ thực tế đó, đề án tập trung nghiên cứu khung pháp lý điều chỉnh hoạt động tín dụng tại QTDND, đánh giá bất cập trong thực tiễn áp dụng tại QTDND Ma Lâm, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng, đảm bảo tuân thủ pháp luật.

Đề án triển khai trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, gồm ba nội dung chính: hệ thống hóa các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động tín dụng của QTDND; phân tích thực trạng hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm, tập trung vào thẩm định tín dụng, tuân thủ pháp luật trong quản lý rủi ro và xử lý nợ xấu; và đề xuất các giải pháp pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả tín dụng như hoàn thiện quy trình thẩm định, sửa đổi quy định về xử lý tài sản bảo đảm, tăng cường năng lực pháp lý cho cán bộ tín dụng và cơ chế thanh tra, giám sát.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, dù QTDND Ma Lâm đã đạt một số kết quả trong hoạt động tín dụng, nhưng vẫn còn nhiều bất cập pháp lý cản trở phát triển bền vững. Quy định về giới hạn cho vay, trích lập dự phòng và xử lý thành viên chậm trả nợ chưa phù hợp thực tiễn, gây khó khăn trong kiểm soát rủi ro và thu hồi nợ. Do đó, việc hoàn thiện khung pháp lý và tăng cường tuân thủ là yếu tố then chốt để đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả và bền vững trong thời gian tới.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	i
LỜI CAM ĐOAN	ii
TÓM TẮT TIẾNG VIỆT	iii
MỤC LỤC.....	iv
DANH MỤC BẢNG.....	viii
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu	3
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	5
3.1. Mục tiêu tổng quát:	5
3.2. Mục tiêu cụ thể:.....	5
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu	5
4.1. Đối tượng nghiên cứu	5
4.2. Phạm vi nghiên cứu.....	6
5. Phương pháp nghiên cứu.....	6
6. Ý nghĩa Đề án.....	7
PHẦN II: NỘI DUNG	8
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN VÀ PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN	8
1.1. Khái quát về Quỹ tín dụng nhân dân.....	8
1.1.1. Khái niệm hoạt động tín dụng của quỹ tín dụng nhân dân.....	11
1.1.2. Quản trị và điều hành của Quỹ tín dụng nhân dân.....	13
1.2. Khái quát pháp luật về hoạt động tín dụng của Quỹ tín dụng nhân dân	15
1.2.1. Khái niệm pháp luật về hoạt động tín dụng của QTDND.....	15
1.2.2. Nội dung pháp luật về hoạt động tín dụng của QTDND	17
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	20

Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN MA LÂM, HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN	21
2.1. Giới thiệu về đơn vị nghiên cứu.....	21
2.1.1 Lịch sử hình thành QTDND	21
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ:	21
2.1.3 Sản phẩm, dịch vụ:.....	23
2.1.4. Cơ cấu tổ chức	24
2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật trong hoạt động tín dụng tại Quỹ tín dụng nhân dân Ma Lâm	27
2.2.1. Hoạt động cấp tín dụng.....	27
2.2.2. Hoạt động thu hồi nợ	30
2.2.3. Dư nợ cho vay	32
2.2.4. Những khó khăn và vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật.....	33
2.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến thực tiễn áp dụng pháp luật trong hoạt động của QTDND Ma Lâm	35
2.3.1. Yếu tố khách quan:	35
2.3.2. Yếu tố chủ quan:	37
2.4. Đánh giá tổng quan về hiệu quả hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm.....	39
2.4.1. Những ưu điểm của hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm	39
2.4.2. Những hạn chế của hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm.....	40
2.5. Kết quả khảo sát thực tiễn về hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm	41
2.5.1. Mục tiêu và phương pháp khảo sát	41
2.5.2. Đánh giá của lãnh đạo và nhân viên QTDND Ma Lâm	42
2.5.3. Đánh giá của khách hàng vay vốn	42
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	43
Chương 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN MA LÂM	44
3.1. Định hướng giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của QTDND Ma Lâm	44

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm	46
3.2.1. Tăng cường tuân thủ quy định pháp luật trong hoạt động tín dụng và tài chính	46
3.2.2. Nâng chất lượng thẩm định tín dụng và quản lý nghiệp vụ cho vay	49
3.2.3. Hoàn thiện cơ chế xử lý nợ xấu và quản lý rủi ro tín dụng	52
3.2.4. Nâng cao năng lực quản trị và kiểm soát nội bộ của QTDND.....	56
3.2.5. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực của QTDND Ma Lâm.....	59
3.2.6 Nâng cao uy tín và năng lực cạnh tranh của Quỹ tín dụng	64
3.2.7. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tín dụng.....	68
3.3 Tầm nhìn chiến lược dài hạn và lộ trình triển khai các giải pháp.....	73
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	76
PHẦN III KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	78
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	81

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Diễn giải
1	AI	Trí tuệ nhân tạo
2	BKS	Ban kiểm soát
3	CAR	Tỉ lệ an toàn vốn
4	CIC	Trung tâm thông tin tín dụng
5	CNTT	Công nghệ thông tin
6	HĐQT	Hội đồng quản trị
7	NĐ-CP	Nghị định Chính phủ
8	NHHT	Ngân Hàng Hợp tác xã
9	NHNN	Ngân Hàng Nhà nước
10	QTDND	Quỹ tín dụng nhân dân
11	ROA	Tỷ số lợi nhuận ròng trên tài sản (Return on total assets)
12	ROE	Tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (Return on common equity)
13	TT-NHNN	Thông tư Ngân hàng nhà nước
14	VCSH	Vốn chủ sở hữu
15	VNĐ	Việt Nam đồng

DANH MỤC BẢNG

<u>Bảng 2.1</u>	Kết quả hoạt động kinh doanh của QTDND Ma Lâm (2019-2023).....	22
-----------------	--	----

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 2.1	Mô hình tổ chức của QTDND Ma Lâm.....	24
----------	---------------------------------------	----

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) là tổ chức tín dụng do các pháp nhân, cá nhân và hộ gia đình tự nguyện thành lập dưới hình thức hợp tác xã để thực hiện một số hoạt động Ngân hàng theo quy định pháp luật, nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ nhau phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống. Hệ thống QTDND được xem là một kênh dẫn vốn quan trọng đến với nông dân ở khu vực nông thôn và người dân nghèo ở thành thị, đóng góp quan trọng trong công tác xóa đói, giảm nghèo, hạn chế tệ nạn “tín dụng đen”, tham gia tích cực vào sự phát triển kinh tế và xây dựng nông thôn mới của các địa phương. Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc áp dụng các quy định pháp luật trong hoạt động tín dụng tại các Quỹ tín dụng nhân dân vẫn còn nhiều bất cập. Một số Quỹ tín dụng có tốc độ tăng trưởng tín dụng nhanh nhưng chưa đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn, dẫn đến nguy cơ phát sinh nợ xấu, mất khả năng thanh toán.

Hoạt động tín dụng là nghiệp vụ cốt lõi và quan trọng nhất trong cơ cấu tài sản cũng như cơ cấu thu nhập của các tổ chức tín dụng, bao gồm hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND). Tuy nhiên, đây cũng là lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro pháp lý và tài chính lớn nhất, đòi hỏi việc áp dụng các quy định pháp luật một cách chặt chẽ để đảm bảo tính an toàn, hiệu quả và minh bạch trong hoạt động tín dụng. Những năm gần đây, tình trạng nợ xấu trong hệ thống tổ chức tín dụng, bao gồm QTDND, có xu hướng gia tăng mặc dù Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và các cơ quan chức năng đã ban hành nhiều chính sách và biện pháp xử lý. Báo cáo tổng kết năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam chỉ ra rằng một số QTDND có tốc độ tăng trưởng tín dụng nhanh, nhưng chưa đảm bảo các nguyên tắc an toàn theo quy định pháp luật, dẫn đến nguy cơ vượt ngoài tầm kiểm soát.

Một trong những nguyên nhân chính của tình trạng này là sự vi phạm pháp luật trong hoạt động cấp tín dụng và quản lý tài chính tại các QTDND. Một số lãnh đạo và cán bộ QTDND đã lạm dụng quyền hạn, thiếu minh bạch trong quản lý tài chính, vi phạm quy trình nghiệp vụ về thẩm định tín dụng và xử lý nợ xấu, gây ảnh

hưởng tiêu cực đến hoạt động của Quỹ. Đặc biệt, công tác kiểm tra, giám sát nội bộ chưa phát huy hiệu quả, khiến các sai phạm không được phát hiện và xử lý kịp thời. Điều này cho thấy khả năng tự giám sát của QTDND cũng như hiệu quả giám sát từ các cơ quan quản lý nhà nước còn nhiều hạn chế, dẫn đến nguy cơ rủi ro pháp lý và tài chính trong hoạt động tín dụng của hệ thống QTDND. Những vấn đề nêu trên phản ánh bất cập trong việc áp dụng pháp luật điều chỉnh hoạt động tín dụng tại các QTDND, đặc biệt là trong các khía cạnh cấp tín dụng, kiểm soát rủi ro, xử lý nợ xấu và thanh tra, giám sát tuân thủ pháp luật. Do đó, việc nghiên cứu việc áp dụng pháp luật trong hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm nhằm đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật, nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro, đồng thời xây dựng chiến lược hoạt động tín dụng phù hợp là yêu cầu cấp thiết.

QTDND Ma Lâm có vị trí quan trọng tại trung tâm hành chính và kinh tế của huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, nơi tập trung nhiều ngành kinh tế như nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Điều này tạo ra nhu cầu tín dụng lớn và đa dạng, đồng thời đặt ra yêu cầu cao về việc áp dụng các quy định pháp luật một cách hiệu quả trong hoạt động cấp tín dụng nhằm đảm bảo an toàn tài chính, hạn chế rủi ro và phát triển bền vững.

Xuất phát từ thực tiễn này, việc nghiên cứu và đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật trong hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm là cần thiết, không chỉ giúp nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng tại Quỹ, mà còn góp phần bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên liên quan, đảm bảo sự ổn định của hệ thống QTDND và hoàn thiện cơ chế pháp lý về tín dụng trong lĩnh vực này.

Từ những lý do trên, cùng với mong muốn vận dụng những kiến thức đã được trang bị vào thực tiễn, tác giả đã chọn thực hiện đề tài: ***“Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng tại Quỹ tín dụng nhân dân Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận”*** làm Đề án tốt nghiệp thạc sĩ của mình tại Trường Đại học Phan Thiết (UPT).

2. Tình hình nghiên cứu

Trong thời gian qua, tại Việt Nam, đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về hoạt động tín dụng tại các Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) từ nhiều góc độ khác nhau, một số nghiên cứu tiêu biểu như:

- Công trình *“Quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng tại các tổ chức tín dụng nhỏ”*, của tác giả Nguyễn Văn Tuấn, xuất bản năm 2021. Nội dung của công trình đã cung cấp những phân tích tổng quan về những vấn đề liên quan đến quản lý tín dụng tại các tổ chức tín dụng nhỏ như QTDND. Công trình cũng phân tích các giải pháp nâng cao hiệu quả của tổ chức tín dụng quy mô nhỏ, bao gồm tối ưu hóa quy trình cho vay, cải thiện việc quản lý rủi ro và sử dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả hoạt động. Tác giả đã phân tích được các yếu tố bên ngoài và bên trong đối với hiệu quả tín dụng, đề xuất các phương pháp mang tính thực tiễn, từ việc đánh giá tín dụng đến quản lý nợ xấu.

- Sách *“Tín dụng và phát triển khu vực nông thôn”*, của tác giả Trần Thị Hương, xuất bản năm 2020. Nội dung của công trình đã nghiên cứu về vai trò của tín dụng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, với trọng tâm là các QTDND, cung cấp chiến lược cụ thể và phương pháp để tối ưu hóa hoạt động tín dụng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển khu vực nông thôn. Trong nội dung tác giả cũng kiến nghị những giải pháp để cải thiện hiệu quả hoạt động của QTDND, bao gồm các mô hình quản lý và chương trình hỗ trợ nông dân.

- *“Hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân ở Việt Nam”*, Luận án Tiến sĩ của Nguyễn Thị Kim Oanh, năm 2020, Trường Đại học Luật Hà Nội. Trong luận án tác giả đã nghiên cứu chuyên sâu về cơ sở lý luận điều chỉnh tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân, tập trung vào quy định về quản lý rủi ro tín dụng và xử lý nợ xấu. Tác giả đã đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật để nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng và đảm bảo sự phát triển bền vững của các quỹ tín dụng nhân dân.

- *“Phát triển bền vững hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân Việt Nam”*, Luận án Tiến sĩ của Phạm Văn Đức, năm 2018. Trong luận án tác giả đã nghiên cứu về vai

trò của pháp luật trong việc phát triển bền vững hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân, tác giả đã chỉ ra những bất cập trong các quy định pháp luật hiện hành để đề xuất các giải pháp pháp lý để đảm bảo sự an toàn và hiệu quả trong hoạt động tín dụng của các Quỹ tín dụng nhân dân.

- *“Pháp luật về quản lý rủi ro tín dụng tại quỹ tín dụng nhân dân cơ sở- thực trạng và giải pháp”*, Luận án Thạc sĩ của Lê Hồng Quân, luận án tập trung phân tích thực trạng pháp luật về quản lý rủi ro tín dụng tại các quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Tác giả đánh giá việc thực thi các quy định pháp luật liên quan và đề xuất giải pháp pháp lý để giảm thiểu rủi ro, nâng hiệu quả hoạt động tín dụng của các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

- *“Nâng cao chất lượng tín dụng tại các Quỹ tín dụng nhân dân dưới góc độ pháp lý”*, Luận án Thạc sĩ của Trần Minh Huy. Trong luận án tác giả đã nghiên cứu thực trạng áp dụng các quy định pháp luật trong hoạt động tín dụng của các Quỹ tín dụng nhân dân. Tác giả đã chỉ ra các điểm hạn chế trong chính sách pháp luật và thực tiễn áp dụng, đồng thời đưa ra các giải pháp pháp lý để nâng cao chất lượng tín dụng tại các quỹ tín dụng nhân dân.

- Bài nghiên cứu *“Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng tại quỹ tín dụng nhân dân miền Nam Việt Nam”* của Nguyễn Thị Thanh Thảo đăng trên Tạp chí Kinh tế và Phát triển, năm 2022, số 8. Trong Bài báo này, tác giả đã phân tích các giải pháp cải thiện hiệu quả hoạt động tín dụng tại các quỹ tín dụng nhân dân ở miền Nam Việt Nam. Nghiên cứu dựa trên khảo sát và phân tích các số liệu từ các QTDND, đề xuất các biện pháp như cải thiện cơ cấu tổ chức, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tín dụng và tăng cường đào tạo nhân viên.

Các công trình trên đã nghiên cứu sâu sắc về các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động tín dụng tại QTDND, đánh giá những yếu tố chính ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động tín dụng và đề xuất nhiều giải pháp thực tiễn,...

Tuy nhiên, những nghiên cứu trên còn mang tính tổng quan và chưa có sự khảo sát thực tiễn cụ thể tại tỉnh Bình Thuận cũng như những đặc thù của địa phương. Vì vậy, tác giả lựa chọn đề tài này với mục đích khảo sát, làm rõ thực tiễn

áp dụng pháp luật về hoạt động tín dụng tại Quỹ tín dụng nhân Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, qua đề xuất những giải pháp phù hợp với đặc thù địa phương, góp phần làm phong phú hơn lý luận pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về hoạt động tín dụng tại tỉnh Bình Thuận.

3. Mục tiêu nghiên cứu

3.1. Mục tiêu tổng quát:

Mục tiêu tổng quát của nghiên cứu này là nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật trong hoạt động tín dụng của QTDND, từ đó đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

Hệ thống cơ sở lý luận về hoạt động tín dụng; xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động tín dụng tại quỹ tín dụng nhân.

Phân tích quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về hoạt động tín dụng tại Quỹ tín dụng nhân Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Trên cơ sở của việc nghiên cứu các cơ sở lý luận, quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật, kết hợp với phân tích thực trạng hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm để đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng tại Quỹ tín dụng nhân dân.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu là những vấn đề lý luận, quy định về hoạt động tín dụng của QTDND và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động tín dụng tại QTDND.

- Những quy định pháp luật về hoạt động của QTDND trong các văn bản pháp luật: Luật Các tổ chức tín dụng; Luật hợp tác xã 2023; *Nghị định 86/2024/NĐ-CP, ngày 11/7/2024 của Chính Phủ quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái; Thông tư 29/2024/TT-NHNN, ngày 28/6/2024 của Ngân*

hàng Nhà nước quy định về quỹ tín dụng nhân dân; Thông tư 36/2024/TT-NHNN, ngày 30/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước quy định về phân loại tài sản có của tổ chức tín dụng là hợp tác xã; Thông tư 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;...

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: QTDND Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.
- Về thời gian: Hoạt động tín dụng của QTDND Ma Lâm từ tháng 01/2019 đến 12/2023 theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để đảm bảo tính khoa học và thực tiễn, đề án được thực hiện bằng cách kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu nhằm phân tích toàn diện hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm dưới góc độ pháp lý.

Trước hết, phương pháp phân tích và tổng hợp lý luận được sử dụng để hệ thống hóa các khái niệm, nguyên tắc về hoạt động tín dụng của QTDND, đồng thời nghiên cứu các quy định pháp luật điều chỉnh lĩnh vực này. Các văn bản quan trọng như Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã, Thông tư của Ngân hàng Nhà nước về hoạt động của QTDND được xem xét, phân tích để làm rõ những yêu cầu pháp lý đối với hoạt động tín dụng và quản trị rủi ro tại Quỹ.

Bên cạnh đó, phương pháp điều tra thực tiễn được áp dụng thông qua việc thu thập số liệu tài chính và hồ sơ tín dụng tại QTDND Ma Lâm, đồng thời khảo sát ý kiến từ cán bộ tín dụng và khách hàng vay vốn nhằm đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật trong hoạt động tín dụng, nhận diện những khó khăn trong thực tiễn triển khai.

Phương pháp so sánh pháp luật cũng được sử dụng để đối chiếu các quy định hiện hành với thực tế áp dụng tại QTDND Ma Lâm, từ đó xác định những điểm bất cập cần điều chỉnh để phù hợp hơn với hoạt động thực tế của Quỹ.

Cuối cùng, phương pháp tổng hợp và đề xuất giải pháp được thực hiện trên cơ sở kết quả phân tích, giúp xây dựng các giải pháp mang tính khả thi nhằm nâng

cao hiệu quả hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm theo hướng đảm bảo tuân thủ pháp luật và kiểm soát rủi ro chặt chẽ hơn.

6. Ý nghĩa Đề án

Chất lượng, hiệu quả hoạt động tín dụng có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với các tổ chức tín dụng, là yếu tố sống còn của tổ chức tín dụng. Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) là tổ chức tín dụng, ngoài mục tiêu tương trợ nhau phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống còn phải tuân thủ và thực hiện một số hoạt động kinh doanh Ngân hàng theo quy định pháp luật. Vì vậy, việc nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận về hoạt động tín dụng của Quỹ tín dụng nhân dân, các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động tín dụng của Quỹ tín dụng nhân dân có ý nghĩa về lý luận sâu sắc.

Ngoài ra, việc nghiên cứu còn xác định được những bất cập, vướng mắc ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động tín dụng của quỹ tín dụng để đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng trong bối cảnh hiện nay cũng có ý nghĩa quý giá về thực tiễn, là nguồn tài liệu để QTDND tham khảo, vận dụng góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

7. Cấu trúc:

Đề án gồm 03 chương, được bố trí như sau:

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN VÀ PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN MA LÂM, HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

Chương 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN MA LÂM, HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

PHẦN II: NỘI DUNG

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN VÀ PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

1.1. Khái quát về Quỹ tín dụng nhân dân

Theo Tổ chức Hiệp hội các Liên hiệp tín dụng thế giới (WOCCU), “Quỹ tín dụng - được gọi dưới nhiều tên gọi khác nhau tại các nước trên thế giới - là các hợp tác xã tài chính được sở hữu bởi chính khách hàng của mình, nhằm cung cấp các dịch vụ tiết kiệm, tín dụng và các dịch vụ tài chính khác cho thành viên. Thành viên của các quỹ tín dụng có mối liên kết chung với nhau, dựa trên các mối quan hệ chung về cộng đồng, nghề nghiệp, tổ chức hoặc tín ngưỡng”¹.

Khoản 30 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng 2024 quy định: “Quỹ tín dụng nhân dân là tổ chức tín dụng do các pháp nhân, cá nhân và hộ gia đình tự nguyện thành lập dưới hình thức hợp tác xã để thực hiện một hoặc một số hoạt động Ngân hàng theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ nhau phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống”².

Khoản 7 Điều 4 Luật hợp tác xã năm 2023 thì: “Hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân, do ít nhất 5 thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội của thành viên, góp phần xây dựng chung công

¹ World Council of Credit Unions (WOCCU). “What is a Credit Union?” (định nghĩa Quỹ tín dụng, truy cập 2025). (Nguồn: định nghĩa chính thức của WOCCU).

² Luật số 32/2024/QH15 (Luật Các tổ chức tín dụng 2024), Khoản 3 Điều 4 quy định rõ khái niệm Quỹ tín dụng nhân dân.

đồng xã hội phát triển bền vững, thực hiện quản trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ”³.

Như vậy, theo quan điểm của tác giả *Quỹ tín dụng nhân dân là một tổ chức tín dụng hoạt động theo mô hình hợp tác xã, do các cá nhân, hộ gia đình và tổ chức trong cộng đồng tự nguyện thành lập. Mục tiêu chính là tương trợ lẫn nhau trong sản xuất, kinh doanh và đời sống trên nguyên tắc tự chủ, dân chủ và bình đẳng.*

QTDND là mô hình tổ chức tín dụng đặc thù, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm, và vì lợi ích cộng đồng⁴. Vai trò và mục tiêu của QTDND được thể hiện qua các khía cạnh sau:

Cung cấp nguồn vốn cho phát triển kinh tế địa phương: Hoạt động tín dụng của QTDND tập trung vào việc hỗ trợ vốn cho các cá nhân, hộ gia đình và doanh nghiệp nhỏ tại địa phương, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và thương mại nhỏ lẻ. Đây là nguồn lực quan trọng giúp phát triển kinh tế ở vùng sâu, vùng xa, nơi các tổ chức tín dụng thương mại khó tiếp cận⁵.

Tạo điều kiện tiếp cận tài chính cho các thành viên: QTDND mang lại cơ hội tiếp cận các dịch vụ tài chính với chi phí hợp lý cho các thành viên, đặc biệt là những người có thu nhập thấp hoặc chưa đủ điều kiện vay vốn từ ngân hàng thương mại⁶. Các sản phẩm tín dụng linh hoạt và phù hợp với nhu cầu thực tế của thành viên, từ vốn kinh doanh nhỏ đến vay tiêu dùng.

Góp phần ổn định xã hội và phát triển bền vững: Với mục tiêu phi lợi nhuận, QTDND không chỉ hướng đến lợi ích tài chính mà còn đóng vai trò thúc đẩy sự đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau trong cộng đồng. Việc tạo điều kiện phát triển kinh tế địa phương thông qua tín dụng góp phần giảm nghèo, ổn định đời sống và nâng cao chất lượng cuộc sống của các thành viên.

³ Luật số 17/2023/QH15 (Luật Hợp tác xã năm 2023) tại Khoản 7 Điều 4 quy định rõ khái niệm Hợp tác xã.

⁴ Luật số 32/2024/QH15 (Luật Các tổ chức tín dụng 2024), Điều 80 tính chất và mục tiêu hoạt động.

⁵ Luật số 32/2024/QH15 (Luật Các tổ chức tín dụng 2024), Điều 126 hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.

⁶ Luật số 32/2024/QH15 (Luật Các tổ chức tín dụng 2024), Điều 84 quyền của thành viên.

Ngoài việc cung cấp tín dụng cho thành viên, QTDND còn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế tại địa phương như:

Hỗ trợ tài chính cho hộ gia đình và doanh nghiệp nhỏ: Với đặc điểm hoạt động trong phạm vi địa phương, QTDND tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh, hợp tác xã và doanh nghiệp nhỏ tiếp cận nguồn vốn với chi phí hợp lý.

Thúc đẩy phát triển nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp: Các khoản vay từ QTDND giúp mở rộng sản xuất nông nghiệp, đầu tư vào máy móc, công nghệ, từ đó nâng cao năng suất và thu nhập cho người dân.

Tạo công ăn việc làm và giảm nghèo: Nhờ vào hoạt động tín dụng, nhiều lao động địa phương có thể tiếp cận vốn để khởi nghiệp, tạo việc làm, góp phần nâng cao đời sống và giảm thiểu tình trạng thất nghiệp.

Hỗ trợ thực hiện các chính sách của Nhà nước: QTDND là kênh quan trọng để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước, như các chương trình hỗ trợ nông nghiệp, khởi nghiệp, hoặc xóa đói giảm nghèo. Qua đó, QTDND không chỉ góp phần phát triển kinh tế mà còn tăng cường sự gắn kết giữa các tổ chức tín dụng với mục tiêu phát triển chung của quốc gia.

Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện để QTDND phát triển bền vững thông qua các chính sách hỗ trợ như: Tái cấp vốn từ Ngân hàng Nhà nước: QTDND có thể tiếp cận các khoản tái cấp vốn với lãi suất ưu đãi để tăng cường khả năng huy động vốn và mở rộng tín dụng⁷. Chính sách miễn, giảm thuế: Một số chính sách ưu đãi thuế giúp QTDND giảm chi phí hoạt động, từ đó cung cấp dịch vụ tài chính với lãi suất cạnh tranh hơn cho thành viên. Đào tạo và nâng cao năng lực quản lý: Nhà nước thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo, hội thảo nhằm nâng cao kỹ năng quản trị, quản lý rủi ro cho các QTDND, giúp họ vận hành hiệu quả hơn trong môi trường tài chính ngày càng cạnh tranh.

⁷ Luật số 32/2024/QH15 (Luật Các tổ chức tín dụng 2024), Điều 10 Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong việc bảo vệ quyền lợi của khách hàng.

1.1.1. Khái niệm hoạt động tín dụng của quỹ tín dụng nhân dân

Hoạt động tín dụng của các Quỹ tín dụng nhân dân là quá trình cấp vốn dưới dạng tiền tệ hoặc tài sản có giá trị cho khách hàng, với cam kết hoàn trả theo thời gian thỏa thuận. Hoạt động này dựa trên nguyên tắc có hoàn trả, đảm bảo an toàn vốn, sinh lợi cho QTDND trên cơ sở tương trợ giữa các thành viên. Về mặt pháp lý, theo khoản 4 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 định nghĩa “cấp tín dụng là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng, thư tín dụng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác”. Như vậy, hoạt động tín dụng của quỹ tín dụng nhân dân về bản chất tuân theo các điều kiện và nguyên tắc chung của hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, nhưng đồng thời phải đảm bảo tuân thủ mục tiêu-cũng là đặc trưng của QTDND là tương trợ các thành viên của quỹ.

Dưới khía cạnh chất lượng của hoạt động, có nhiều định nghĩa khác nhau tùy thuộc vào đối tượng nghiên cứu và môi trường nghiên cứu, như: theo Parasuraman và cộng sự (1985, 1988), chất lượng của hoạt động tín dụng là khoảng cách giữa sự mong đợi của khách hàng và nhận thức của họ khi đã sử dụng qua dịch vụ⁸; theo Lehtinen (1982), chất lượng dịch vụ phải được đánh giá trên hai khía cạnh, (1) quá trình cung cấp dịch vụ và (2) kết quả của dịch vụ⁹; Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Thu Thủy (2014), đưa ra khái niệm, chất lượng tín dụng là các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh mức độ đáp ứng yêu cầu vay vốn hợp lý của khách hàng, phù hợp với

⁸ Parasuraman, A., Zeithaml, V.A., & Berry, L.L. (1985). “A Conceptual Model of Service Quality and Its Implications for Future Research.” *Journal of Marketing*, 49(4), 41-50; Parasuraman, A., Zeithaml, V.A., & Berry, L.L. (1988). “SERVQUAL: A Multiple-Item Scale for Measuring Consumer Perceptions of Service Quality.” *Journal of Retailing*, 64(1), 12-40. (Nguồn: các bài báo khoa học gốc của Parasuraman và cộng sự).

⁹ Lehtinen, U., & Lehtinen, J.R. (1982). *Service Quality: A Study of Quality Dimensions*. Service Management Institute. (Nguồn: nghiên cứu của Lehtinen về các thành phần chất lượng dịch vụ).

chính sách tín dụng, bảo đảm an toàn và mang lại hiệu quả kinh tế cho Ngân hàng đồng thời góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội¹⁰.

Hiệu quả là thuật ngữ dùng để chỉ mối quan hệ giữa kết quả thực hiện các mục tiêu hoạt động của chủ thể và chi phí bỏ ra để có kết quả đó trong điều kiện nhất định. Hiệu quả tín dụng của QTDND không chỉ đánh giá qua tỷ lệ nợ quá hạn, mà còn thông qua mức độ tăng trưởng dư nợ, khả năng huy động vốn, tỷ lệ sinh lời trên vốn và mức độ hài lòng của khách hàng.

Theo Lương Hữu Phúc và Lê Nguyễn Đoan Khôi (2021), hiệu quả tín dụng là một trong những biểu hiện phản ánh hiệu quả kinh tế trong lĩnh vực Ngân hàng và cụ thể chính là phản ánh chất lượng các hoạt động tín dụng Ngân hàng. Hiệu quả hoạt động tín dụng là một phạm trù rộng, bao hàm nhiều nội dung trong đó có nội dung quan trọng và có tính lượng hóa nhất là tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng dư nợ. Theo thông lệ quốc tế, nếu tỉ lệ nợ quá hạn dưới 5% và tỷ lệ nợ khó đòi trong tổng nợ quá hạn thấp thì được coi là tín dụng có chất lượng tốt, trên mức 5% được coi là nợ có vấn đề. Cho tới nay, hiệu quả tín dụng thường được xem xét trên ba góc độ: Ngân hàng, khách hàng và nền kinh tế. Hiệu quả tín dụng cả ba góc độ này có quan hệ mật thiết với nhau, không thể tách rời nhau¹¹.

Như vậy, hiệu quả hoạt động tín dụng của QTDND thể hiện ở phạm vi, mức độ, giới hạn tín dụng phải phù hợp với khả năng, thực lực theo hướng tích cực của bản thân QTDND và phải bảo đảm được năng lực cạnh tranh trên thị trường; bảo đảm nguyên tắc hoàn trả đúng hạn và có lãi. Chất lượng tín dụng phải thể hiện các chỉ tiêu lợi nhuận hợp lý và gia tăng dư nợ ngày càng tăng trưởng; tỷ lệ nợ quá hạn đảm bảo đúng quy định và hợp lý, bảo đảm cơ cấu nguồn vốn giữa ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

¹⁰ Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Thu Thủy (2014), Quản trị ngân hàng thương mại, NXB Tài chính, Hà Nội, tr. 226.

¹¹ Lương Hữu Phúc, Lê Nguyễn Đoan Khôi (2021), “Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam”, Tạp chí Ngân hàng, Số 21, tr. 45–52.

1.1.2. Quản trị và điều hành của Quỹ tín dụng nhân dân

Quản trị và điều hành đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của QTDND. Một cơ cấu quản trị chặt chẽ, minh bạch giúp đảm bảo sự ổn định tài chính và tăng cường khả năng cạnh tranh của quỹ. Vì vậy, việc làm rõ những vấn đề về quản trị và điều hành của QTDND có ý nghĩa nhất định, tác động đến hiệu quả hoạt động tín dụng của QTDND.

Tương ứng với hình thức pháp lý, cơ cấu tổ chức quản trị của QTDND bao gồm ba bộ phận chính: Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được tổ chức theo mô hình hợp tác xã tín dụng, điều này được quy định tại Khoản 1 Điều 82 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

Đại hội thành viên: Đây là cơ quan có quyền lực cao nhất trong QTDND, bao gồm tất cả các thành viên có tư cách pháp nhân tham gia. Đại hội thành viên có trách nhiệm đưa ra các quyết định quan trọng liên quan đến chiến lược hoạt động, bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, thông qua các báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận. Mỗi thành viên trong QTDND đều có quyền biểu quyết ngang nhau, không phụ thuộc vào số vốn góp, thể hiện nguyên tắc dân chủ trong hoạt động của quỹ.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý cao nhất giữa hai kỳ Đại hội thành viên, do Đại hội thành viên bầu ra, chịu trách nhiệm quản trị, định hướng mọi hoạt động của quỹ, thực hiện các nghị quyết của Đại hội thành viên và chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao (Khoản 2 Điều 88 Luật Các tổ chức tín dụng 2024). Hội đồng quản trị bao gồm Chủ tịch và các thành viên được bầu từ Đại hội thành viên. Các nhiệm vụ chính của Hội đồng quản trị gồm: xây dựng kế hoạch kinh doanh, ban hành các quy chế nội bộ, quyết định các vấn đề lớn như huy động vốn, cấp tín dụng và xử lý nợ xấu. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm tuyển dụng và giám sát hoạt động của Giám đốc điều hành.

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát được thành lập nhằm đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong hoạt động của QTDND. Nhiệm vụ chính của Ban kiểm soát là kiểm tra, đánh giá tình hình tài chính, giám sát việc tuân thủ pháp luật và quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các phòng ban¹². Báo cáo của Ban kiểm soát thường xuyên được trình bày trước Đại hội thành viên, giúp các thành viên có cái nhìn toàn diện về tình hình hoạt động của quỹ.

Việc điều hành hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân: Đứng đầu bộ phận điều hành của QTDND là Giám đốc, người chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý hoạt động hàng ngày của quỹ. Giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và trực tiếp báo cáo cho Hội đồng quản trị.

Vai trò của Giám đốc: Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội thành viên và Hội đồng quản trị. Điều hành hoạt động kinh doanh của quỹ, bao gồm huy động vốn, cấp tín dụng và quản lý các khoản vay. Đảm bảo sự tuân thủ các quy định pháp luật trong hoạt động tài chính, tín dụng và kế toán.

Các bộ phận hỗ trợ: QTDND thường được tổ chức theo các phòng ban chuyên môn như phòng tín dụng, phòng kế toán, phòng hành chính, mỗi bộ phận phụ trách một mảng hoạt động cụ thể. Mỗi bộ phận đều phối hợp chặt chẽ để đảm bảo tính hiệu quả trong quản lý và sử dụng nguồn lực của quỹ.

Quản trị của QTDND mang đặc thù của một tổ chức hợp tác xã, trong đó các thành viên vừa là chủ sở hữu, vừa là khách hàng. Điều này tạo ra sự gắn kết chặt chẽ giữa quỹ và cộng đồng địa phương, nhưng cũng đặt ra những thách thức trong việc cân bằng giữa lợi ích thành viên và hiệu quả hoạt động của quỹ.

Nguyên tắc dân chủ: Mỗi thành viên có quyền biểu quyết bình đẳng, không phụ thuộc vào mức độ vốn góp. Nguyên tắc này tạo điều kiện cho các thành viên tham gia vào quá trình ra quyết định và giám sát hoạt động của quỹ.

¹² Quốc hội (2024), Luật Các tổ chức tín dụng, Luật số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024, Khoản 1 Điều 92.

Tính tự chủ và trách nhiệm: QTDND hoạt động tự chủ về tài chính, nhưng phải đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật và sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên và cơ quan quản lý nhà nước về mọi hoạt động của quỹ.

Kiểm soát rủi ro: Một trong những nhiệm vụ quan trọng của quản trị và điều hành là xây dựng các cơ chế kiểm soát rủi ro hiệu quả, bao gồm cả rủi ro tín dụng, thanh khoản và pháp lý.

Ngoài rủi ro tín dụng, hoạt động của QTDND còn đối mặt với nhiều loại rủi ro khác như:

- Rủi ro thanh khoản: Do đặc thù hoạt động với quy mô nhỏ, QTDND thường có nguồn vốn hạn chế, dễ gặp khó khăn trong việc đảm bảo khả năng thanh toán khi nhu cầu rút tiền tăng cao.

- Rủi ro đạo đức: Một số thành viên có thể vay vốn nhưng không sử dụng đúng mục đích hoặc không có trách nhiệm trong việc trả nợ, gây ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng.

- Rủi ro pháp lý: Việc thay đổi các chính sách tín dụng, quy định pháp luật có thể tác động đến hoạt động cho vay, buộc QTDND phải điều chỉnh chiến lược kinh doanh để thích ứng.

1.2. Khái quát pháp luật về hoạt động tín dụng của Quỹ tín dụng nhân dân

1.2.1. Khái niệm pháp luật về hoạt động tín dụng của QTDND

Hoạt động tín dụng là một trong những chức năng cốt lõi và thiết yếu của Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND), thể hiện ở việc cung cấp vốn cho các thành viên thông qua nhiều hình thức như cho vay, bảo lãnh tín dụng và chiết khấu giấy tờ có giá. Thông qua hoạt động tín dụng, QTDND góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, cải thiện đời sống của người dân, đặc biệt tại khu vực nông thôn.

Pháp luật về hoạt động tín dụng của QTDND là hệ thống các quy phạm pháp lý điều chỉnh mối quan hệ phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động tín dụng giữa QTDND, thành viên vay vốn, và cơ quan quản lý nhà nước. Hệ thống pháp luật này bao gồm Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã và các văn bản dưới luật do Ngân hàng Nhà nước ban hành. Mục tiêu của các quy định này là đảm bảo hoạt động tín dụng được thực hiện đúng pháp luật, an toàn, minh bạch và hiệu quả; đồng thời bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên tham gia, và góp phần ổn định hệ thống tài chính quốc gia.

Cụ thể, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 là cơ sở pháp lý quan trọng nhất, quy định đầy đủ về hoạt động ngân hàng của các tổ chức tín dụng, trong đó có QTDND. Điều 108 của Luật này nêu rõ QTDND được phép thực hiện các hình thức cấp tín dụng như cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá, và bảo lãnh. Bên cạnh đó, Điều 13 và Điều 88 cũng xác định rõ giới hạn trần lãi suất và mục tiêu tín dụng ưu đãi phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh tại khu vực nông thôn. Song song với đó, Luật Hợp tác xã năm 2023 cũng có vai trò điều chỉnh đối với QTDND với tư cách là một hợp tác xã tín dụng, quy định về quyền, nghĩa vụ của thành viên, nguyên tắc tổ chức và quản lý nội bộ.

Ngoài ra, các văn bản dưới luật như Thông tư số 29/2024/TT-NHNN, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN (và các thông tư sửa đổi bổ sung như Thông tư 06/2023/TT-NHNN và Thông tư 12/2024/TT-NHNN) hướng dẫn cụ thể về các hoạt động cho vay, kiểm soát nội bộ và phân loại nợ. Những quy định pháp lý này không chỉ thiết lập cơ sở hoạt động mà còn đảm bảo tính liên tục, đồng bộ và hiệu quả của hoạt động tín dụng trong thực tiễn vận hành của QTDND.

Như vậy, pháp luật về hoạt động tín dụng của QTDND là tổng hợp các quy phạm pháp luật do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc thừa nhận theo trình tự, thủ tục luật định điều chỉnh quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình cho vay, thu hồi nợ vay giữa quỹ tín dụng nhân dân và khách hàng.

1.2.2. Nội dung pháp luật về hoạt động tín dụng của QTDND

Chế độ pháp lý về hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) tại Việt Nam được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý rõ ràng, bao gồm các quy định trong Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Những quy định này đảm bảo QTDND hoạt động đúng mục tiêu hỗ trợ kinh tế cộng đồng, đồng thời bảo vệ lợi ích của các thành viên và hệ thống tài chính quốc gia.

Hoạt động của QTDND được điều chỉnh bởi một hệ thống pháp lý chặt chẽ, gồm Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn từ Ngân hàng Nhà nước. Những quy định này giúp bảo đảm sự an toàn của hệ thống tài chính và quyền lợi của các thành viên.

Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024: Định nghĩa và xác định QTDND là một loại hình tổ chức tín dụng đặc thù, hoạt động theo nguyên tắc hợp tác xã. Quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức, phạm vi hoạt động, và trách nhiệm tài chính.

Luật Hợp tác xã năm 2023: Đặt nền tảng cho nguyên tắc hoạt động của QTDND với tư cách là một hợp tác xã tín dụng. Xác định quyền và nghĩa vụ của thành viên, cơ chế chia lợi nhuận và xử lý các vấn đề nội bộ.

Các văn bản hướng dẫn của NHNN: Thông tư số 29/2024/TT-NHNN: Hướng dẫn chi tiết về tổ chức và hoạt động của QTDND; Thông tư số 21/2019/TT-NHNN: Quy định về kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và giám sát an toàn trong hoạt động của QTDND. Các nghị định và thông tư khác liên quan đến hoạt động tín dụng, quản lý vốn và huy động vốn như: Nghị định 86/2024/NĐ-CP, ngày 11/7/2024 của Chính Phủ quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái; Thông tư 36/2024/TT-NHNN, ngày 30/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước quy định về phân loại tài sản có của tổ chức tín dụng là hợp tác xã; Thông tư 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt

động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Thông tư 06/2023/TT-NHNN, ngày 28/6/2023 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Thông tư 12/2024/TT-NHNN, ngày 28/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Các quy định pháp lý về tổ chức và quản lý của QTDND như Thông tư 29/2024/TT-NHNN, ngày 28/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước quy định về Quỹ tín dụng nhân dân,...

Trước hết, về phạm vi hoạt động, theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và Thông tư số 29/2024/TT-NHNN, QTDND có thể thực hiện các nghiệp vụ cấp tín dụng như cho vay, bảo lãnh tín dụng, chiết khấu giấy tờ có giá. Tuy nhiên, các hoạt động này chỉ được thực hiện trong phạm vi thành viên và địa bàn hoạt động được phép, nhằm kiểm soát rủi ro và tránh hiện tượng lạm dụng tín dụng. Đặc biệt, theo khoản 1 Điều 88 Luật Các tổ chức tín dụng, hoạt động tín dụng của QTDND phải ưu tiên phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và các ngành nghề truyền thống.

Về quy trình cấp tín dụng, Điều 108 Luật Các tổ chức tín dụng quy định trình tự rõ ràng từ tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, quyết định cho vay, giải ngân, đến giám sát sử dụng vốn. Các bước này phải được thực hiện nghiêm túc, khách quan và tuân thủ nguyên tắc thẩm định tín dụng, bảo đảm sự minh bạch và an toàn cho cả QTDND và người vay. Thông tư 39/2016/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi đã hướng dẫn chi tiết cách thức triển khai các bước này trong thực tiễn.

Về lãi suất và điều kiện cho vay, QTDND được quyền quyết định mức lãi suất trên cơ sở thỏa thuận với người vay, nhưng không vượt quá trần lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định. Theo Điều 13 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024,

QTDND phải tuân thủ cơ chế lãi suất phù hợp, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh và tránh tình trạng cho vay nặng lãi. Điều kiện cho vay cũng được quy định rõ: thành viên phải có mục đích sử dụng vốn hợp pháp, chứng minh được khả năng trả nợ và có biện pháp bảo đảm tín dụng khi cần thiết.

Đối với kiểm soát rủi ro và giới hạn tín dụng, các văn bản pháp lý như Thông tư số 44/2011/TT-NHNN và Nghị định 86/2024/NĐ-CP đã thiết lập các ngưỡng giới hạn về tỷ lệ cho vay tối đa với một khách hàng, tỷ lệ nợ xấu và mức trích lập dự phòng rủi ro bắt buộc. QTDND buộc phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để theo dõi, đánh giá và xử lý các rủi ro phát sinh trong hoạt động tín dụng. Hệ thống này đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự an toàn tài chính và ổn định tổ chức.

Bên cạnh đó, cơ chế giám sát và thanh tra cũng là một phần quan trọng trong nội dung pháp luật điều chỉnh hoạt động tín dụng. Theo Điều 132 Luật Các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước có quyền giám sát thường xuyên và đột xuất đối với QTDND, nhằm đảm bảo các quỹ hoạt động đúng quy định, không vi phạm pháp luật. QTDND có trách nhiệm thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo Thông tư 04/2015/TT-NHNN để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

Cuối cùng, trong trường hợp xảy ra vi phạm, việc xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động tín dụng được quy định tại Điều 146 và 147 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024. Các hành vi như cho vay vượt hạn mức, sử dụng sai mục đích vốn vay, vi phạm quy định về bảo đảm tiền vay sẽ bị xử lý thông qua các biện pháp cảnh cáo, phạt tiền, đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi giấy phép hoạt động.

Tổng thể, nội dung pháp luật về hoạt động tín dụng của QTDND là một hệ thống chặt chẽ, vừa đảm bảo cho hoạt động tín dụng diễn ra an toàn, vừa phù hợp với bản chất đặc thù của mô hình hợp tác xã tín dụng. Đây là cơ sở quan trọng để các QTDND phát triển ổn định, bền vững và góp phần tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 tác giả đã khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về Quỹ tín dụng nhân dân và hoạt động tín dụng của loại hình tổ chức này. Trước hết, tác giả đã làm rõ khái niệm, đặc điểm và vai trò của QTDND, phân tích hoạt động tín dụng của QTDND và các tiêu chí đánh giá chất lượng, hiệu quả của hoạt động này. Tiếp đến, tác giả đã trình bày khung pháp luật điều chỉnh hoạt động tín dụng của QTDND, bao gồm các quy định nền tảng tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và Luật Hợp tác xã năm 2023, cùng hệ thống các văn bản dưới hướng dẫn thi hành. Những nội dung này giúp hiểu rõ cơ sở lý luận và pháp lý để đánh giá, phân tích hiệu quả hoạt động tín dụng của QTDND trong thực tiễn.

Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN MA LÂM, HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

2.1. Giới thiệu về đơn vị nghiên cứu

2.1.1 Lịch sử hình thành QTDND

Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Ma Lâm ra đời và đi vào hoạt động năm 1995 theo Giấy phép số 08-NH/GP, do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Bình Thuận cấp ngày 22 tháng 12 năm 1995 và Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã số 3400176405 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 23/01/1999 và được thay đổi lần thứ 20 ngày 18/05/2023. Quỹ có trụ sở chính đặt tại Khu phố 01, thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Là tổ chức tín dụng hợp tác hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động. Quỹ tín dụng nhân dân Ma Lâm có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu riêng và hạch toán độc lập.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ:

Những năm đầu đi vào hoạt động, Quỹ Tín Dụng gặp nhiều khó khăn như: chưa có trụ sở riêng nên phải thuê văn phòng Ủy ban nhân dân thị trấn Ma Lâm để giao dịch, ban đầu chỉ có 300 thành viên với vốn điều lệ là 84,5 triệu đồng và dư nợ cho vay 800 triệu đồng. Tổng số vốn thành viên đến nay tăng lên là 2.612 với vốn điều lệ 6.000 triệu đồng và dư nợ cho vay 152.363 triệu đồng. Cuối năm 2004, Quỹ đã xây dựng được trụ sở mới với tổng vốn đầu tư xây dựng là 450 triệu đồng.

Cuối năm 2023, tổng nguồn vốn hoạt động 198.071 triệu đồng, tăng trưởng 1,12% so với năm 2021; vốn tự có là 13.214 triệu đồng, tăng trưởng 19,96% so với năm 2021; vốn điều lệ là 6.000 triệu đồng, tăng trưởng 20% so với năm 2021; vốn huy động là 180.760 triệu đồng (năm 2023). Lợi nhuận năm 2023 đạt 1.989 triệu

đồng¹³. Được UBND tỉnh Bình Thuận tặng cờ thi đua và bằng khen (2019-2023) và được huyện Hàm Thuận Bắc công nhận có nhiều đóng góp quan trọng trong nền kinh tế. Quỹ luôn đặt ra mục tiêu phát triển trong tương lai, góp phần vào công cuộc ổn định cuộc sống người dân và phần nào thúc đẩy kinh tế Bình Thuận nói chung và huyện Hàm Thuận Bắc nói riêng.

Bảng 2.1: Kết quả hoạt động kinh doanh của QTDND Ma Lâm (2019-2023)

ĐVT: Triệu đồng %

Chỉ tiêu		2019	2020	2021	2022	2023	Chênh lệch			
							2021/2019		2023/2021	
							Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
Tổng tài sản		165.758	168.239	195.876	196.968	198.071	32.118	19.38%	2.195	1.12%
Tổng nợ phải trả		156.578	158.345	184.861	184.821	185.857	28.283	18.06%	0.996	0.53%
Lợi nhuận		1.224	1.508	1.593	1.666	1.670	369	30.14%	4	0.24%
Dư nợ cho vay		99.234	109.253	100.895	136.695	152.363	1.661	1.67%	51.468	51.01%
Chỉ số sinh lời	ROA	0.69%	0.70%	0,71%	0,72%	0,75%	-	+0,02%	-	+0,04%
	ROE	12%	12.20%	12.46%	12.75%	12.95%	-	+0.46%	-	+0.49%
	Tỷ lệ nợ xấu	0.11%	0.12%	0,37%	0,17%	0,12%	-	0,26%	-	-0, 25%
	Tỷ lệ an toàn vốn	10.21%	10.33%	10,42%	11,13%	11,22%	-	+0,21%	-	+0,08%
Hiệu quả huy động vốn	Tổng VCSH	9.179	9.893	11.015	12.147	13.214	1.836	20%	2.199	19.96%
	Vốn điều lệ	4.500	4.500	5.000	5.500	6.000	500	11.11%	1.000	20%
	Huy động vốn	154.423	158.345	184.861	171.341	180.760	30.438	19.71%	- 25.899	-14%

(Nguồn: Báo cáo tài chính của QTDND Ma Lâm 2019-2023).

¹³ Quỹ tín dụng nhân dân Ma Lâm (2023), Báo cáo tài chính giai đoạn 2019–2023, Hàm Thuận Bắc – Bình Thuận.

2.1.3 Sản phẩm, dịch vụ:

(1) Huy động vốn: Được vay vốn từ các nguồn vốn dự án của Chính phủ, các tổ chức phi Chính phủ. Thông qua Ngân hàng hợp tác xã (NHHT) làm đầu mối, được nhận vốn điều hòa từ NHHT và được khai thác từ các nguồn khác như: Vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước, nhận tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm của thành viên, tổ chức, cá nhân khác bằng đồng Việt Nam, các nguồn vốn ủy thác cho vay theo quy định của NHNN → Nguồn vốn huy động dồi dào sẽ giúp QTDND có khả năng thanh khoản cao, đảm bảo uy tín cho QTDND, góp phần mở rộng kinh doanh và tiến hành các hoạt động cạnh tranh, nâng cao vị thế của QTDND.

(2) Cho vay: Là quan hệ vay mượn về vốn giữa QTDND Ma Lâm với các cá nhân, hộ gia đình, theo nguyên tắc hoàn trả cả vốn và lãi. Đây là hoạt động quan trọng nhất của QTDND Ma Lâm, đem lại lợi nhuận chính cho QTDND. Hoạt động cho vay như: Cho vay thế chấp, tín chấp, cho vay trả góp, cho vay bổ sung vốn kinh doanh, cho vay cán bộ công nhân viên, cho vay mua nhà ở, cho vay cầm cố giấy tờ có giá, cho vay trả góp tiêu dùng sinh hoạt... → Cho vay đảm bảo an toàn nguồn vốn đồng thời đảm bảo khả năng sinh lời của nguồn vốn đó và chiếm 70% doanh thu cho QTDND.

(3) Chăm sóc khách hàng: Đáp ứng nhu cầu về tài chính cho khách hàng trong địa bàn Quỹ hoạt động kinh doanh, đáp ứng nhu cầu đời sống... luôn đồng hành với khách hàng, lên kế hoạch thăm hỏi khách hàng thân thiết, có trách nhiệm với công việc và xây dựng lòng tin với khách hàng. Hiện nay khách hàng đa phần là thành viên của Quỹ, được góp vốn vào Quỹ và được chia lãi vốn góp cũng như chia lợi tức theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của khách hàng đó → Góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm cho QTDND và mang đến tâm lý thoải mái cho khách hàng.

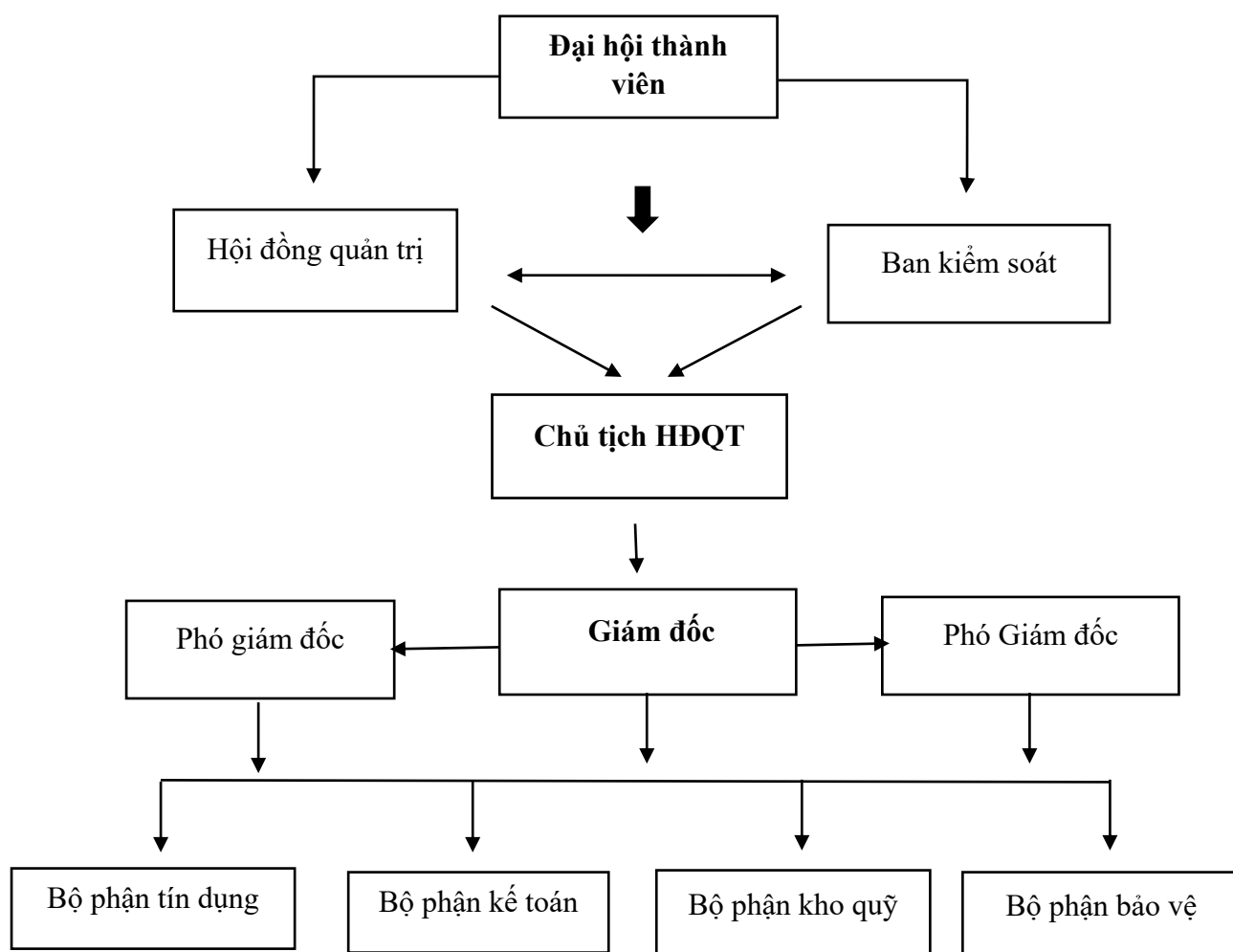
(4) Các dịch vụ khác như: Chuyển tiền điện tử, chuyển tiền gửi tiết kiệm, thanh toán các khoản nợ vay hàng tháng. → Đáp ứng nhu cầu cần chuyển tiền của khách hàng trên địa bàn hiện nay; dịch vụ thanh toán qua quỹ như: Thanh toán tiền

điện và tiền nước → Phù hợp với địa bàn hoạt động trên các huyện chủ yếu trồng thanh long, nên nhu cầu đóng tiền điện là tất yếu. Ngoài ra QTDND còn tham gia các hoạt động khác tại địa phương như: hoạt động từ thiện, đóng góp vào các chương trình phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, đóng góp quỹ từ thiện từ mặt trận huyện, thị trấn... → Đáp ứng nhu cầu cần thiết về mặt tài chính cho khách hàng, giúp giảm thiểu các tổ chức tín dụng đen gây mất trật tự an toàn xã hội.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức

2.1.4.1 Sơ đồ tổ chức

Hình 2.1: Mô hình tổ chức của QTDND Ma Lâm



Chú thích: —————> Chỉ đạo trực tiếp

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

2.1.4.2 Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban

(1) Hội đồng quản trị: Có nhiệm vụ quản trị QTDND đúng pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật. HĐQT có 3 thành viên do Đại hội thành viên bầu. HĐQT có nhiệm vụ và quyền hạn: Quyết định cơ cấu và tổ chức các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của QTDND Ma Lâm. Tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội thành viên. Chuẩn bị báo cáo về kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lãi của QTDND Ma Lâm, báo cáo hoạt động của HĐQT trình Đại hội thành viên. Xử lý các khoản vay không có khả năng thu hồi, xét kết nạp thành viên mới giải quyết việc thành viên ra QTDND Ma Lâm.

(2) Ban giám đốc: Gồm 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc, trong đó vị trí nhiệm vụ được quy định như sau:

Giám đốc Quỹ tín dụng: Có trách nhiệm lãnh đạo, quản lý và điều hành toàn diện mọi hoạt động của Quỹ, theo chế độ thủ trưởng. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý sử dụng vốn, lao động trong toàn Quỹ và chỉ đạo điều hành hoạt động kinh doanh theo đúng chế độ, chính sách pháp luật Nhà nước và Điều lệ Quỹ tín dụng.

Phó Giám đốc Quỹ tín dụng: Giúp việc cho Giám đốc một số công việc cụ thể và chịu trách nhiệm trước Giám đốc cũng như pháp luật Nhà nước về những quyết định của mình trong phạm vi công việc được phân công và được Giám đốc ủy quyền điều hành Quỹ khi Giám đốc đi vắng.

(3) Ban Kiểm soát: Có trách nhiệm kiểm tra và giám sát mọi hoạt động của Quỹ theo đúng pháp luật và Điều lệ Quỹ tín dụng. Ban kiểm soát có 03 người do Đại hội thành viên bầu, trong đó có 01 kiểm soát trưởng chuyên trách, 01 kiểm soát viên chuyên trách và 01 kiểm soát viên không chuyên trách, BKS được Ngân hàng nhà nước chuẩn y danh sách trước khi bầu cử. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu các bộ phận, những người có liên quan cung cấp tài liệu, sổ sách, chứng từ để phục vụ cho việc kiểm tra giám sát hoạt động của các bộ phận trong Quỹ. Đồng thời phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội thành viên về những hoạt động của mình, báo cáo cho Đại hội các hoạt động của Ban trong các kỳ Đại hội thường niên.

(4) Bộ phận kế toán: Gồm 01 kế toán trưởng, 04 giao dịch viên chuyên giao dịch và kế toán thu, chi. Chịu sự quản lý, điều hành của Ban giám đốc. Tham mưu cho Giám đốc Quỹ tín dụng về việc xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm, thực hiện chế độ quản lý theo đúng nguyên tắc và quy định của pháp luật. Thực hiện chế độ báo cáo tài chính hàng tháng, quý, năm; lập quyết toán và báo cáo theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; trích lập, phân phối và sử dụng các quỹ theo đúng nguyên tắc, chế độ quy định. Xây dựng các định mức chi phí, các nội dung, quy chế trong quản lý tài chính, tài sản nguồn vốn của Quỹ; hướng dẫn nghiệp vụ ghi chép sổ sách và quản lý chứng từ, hóa đơn, theo dõi việc thực hiện thu nộp ngân sách nhà nước kịp thời, đầy đủ theo kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ; theo dõi và thực hiện đảm bảo các chỉ tiêu an toàn trong hoạt động của Quỹ theo đúng quy định của NHNN.

(5) Bộ phận tín dụng: Gồm Phó giám đốc là trưởng bộ phận tín dụng, thực đảm trách công tác cho vay, thu nợ, xử lý nợ quá hạn, nợ xấu, thẩm định gia nhập thành viên. Chịu trách nhiệm chính về hoạt động cho vay cùng với 04 cán bộ tín dụng, phân công công việc cho từng cán bộ tín dụng, trình Giám đốc ra quyết định bổ nhiệm. Có kế hoạch cho vay, thu nợ, theo dõi nguồn vốn cho vay và có hướng đề, xuất báo cáo kịp thời cho lãnh đạo những món cho vay có nguy cơ rủi ro cao; nhận hồ sơ vay vốn của các thành viên, kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của từng hồ sơ. Thẩm tra xác minh tất cả các hồ sơ vay vốn, từ đó có hướng đề xuất với Giám đốc cho vay hoặc không cho vay.

(6) Bộ phận Thủ kho-Thủ quỹ: Gồm 01 thủ quỹ, 01 kiểm ngân. Có trách nhiệm thu chi tiền mặt, bảo quản tiền tệ, giấy tờ có giá và tài sản thế chấp của khách hàng. Mở sổ sách ghi chép đầy đủ những khoản thu chi, xuất nhập kho quỹ. Cùng Giám đốc, Kế toán trưởng thực hiện kiểm kê tiền mặt, ấn chỉ, giấy tờ có giá và kho quỹ mỗi ngày.

(7) Bộ phận bảo vệ: Gồm 01 bảo vệ (thuê từ dân quân thị trấn) và 01 bảo vệ trực ca đêm tại Quỹ. Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ theo quy định của Quỹ và quy định của NHNN, cụ thể là giám sát và bảo vệ khách hàng tiền gửi trong việc di chuyển

đến nơi giao dịch. Đảm bảo an ninh tại Quỹ và sự luân chuyển tiền đi và tiền về một cách an toàn.

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật trong hoạt động tín dụng tại Quỹ tín dụng nhân dân Ma Lâm

Việc thực hiện đúng quy trình tín dụng và thu hồi nợ theo pháp luật không chỉ giúp QTDND Ma Lâm kiểm soát rủi ro mà còn tạo niềm tin với khách hàng và cơ quan quản lý. Tuy nhiên, một số quy định pháp luật hiện hành còn nhiều điểm bất cập, gây ảnh hưởng đến tốc độ xử lý hồ sơ và khả năng tiếp cận vốn vay của khách hàng. Điều này đặt ra yêu cầu cần có các giải pháp để vừa đảm bảo tuân thủ pháp luật, vừa nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng của Quỹ trong bối cảnh cạnh tranh hiện nay.

Việc áp dụng pháp luật trong hoạt động tín dụng là nền tảng quan trọng để QTDND Ma Lâm đảm bảo hoạt động hiệu quả, minh bạch và phù hợp với các quy định hiện hành. Quá trình này không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi của cả tổ chức tín dụng và khách hàng mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững của QTDND Ma Lâm. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai pháp luật trong hoạt động tín dụng tại đây vẫn còn gặp phải nhiều khó khăn, thách thức do yếu tố nội tại và khách quan.

2.2.1. Hoạt động cấp tín dụng

Cấp tín dụng là một trong những hoạt động quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân. Để đảm bảo tuân thủ nguyên tắc đảm bảo an toàn, phòng chống rủi ro thì hoạt động cấp tín dụng phải tuân thủ quy trình thủ tục nhất định (theo Điều 7 Thông tư 39/2016/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 06/2023/TT-NHNN về điều kiện vay vốn tại tổ chức tín dụng). Tại Quỹ TDND Ma Lâm, quy trình này căn cứ Điều 108 của Luật Các tổ chức tín dụng 2024, bao gồm các giai đoạn như sau:

- Tiếp nhận hồ sơ vay vốn: Khách hàng chuẩn bị hồ sơ bao gồm giấy tờ cá nhân, giấy tờ chứng minh mục đích vay vốn (kế hoạch kinh doanh, chi phí sản xuất,

tiêu dùng). Tài liệu liên quan đến tài sản bảo đảm (sổ đỏ, giấy tờ xe, hợp đồng thế chấp).

- Thẩm định hồ sơ và khách hàng: Đánh giá năng lực tài chính, lịch sử tín dụng của khách hàng. Thẩm định tính pháp lý và giá trị của tài sản bảo đảm.

- Phê duyệt khoản vay: Ban giám đốc hoặc Hội đồng tín dụng của Quỹ xét duyệt các khoản vay trên cơ sở báo cáo thẩm định. Ra quyết định cấp tín dụng, xác định hạn mức, lãi suất, và thời hạn cho vay.

- Giải ngân và giám sát: Thực hiện giải ngân qua tài khoản hoặc tiền mặt. Theo dõi quá trình sử dụng vốn và khả năng thanh toán của khách hàng.

Nhìn chung, toàn bộ quy trình thẩm định và cấp tín dụng đều tuân thủ các quy định của pháp luật như: Bộ luật Dân sự 2015 về hợp đồng vay tài sản (Điều 463); Quản lý tài sản bảo đảm: Nghị định số 21/2021/NĐ-CP, ngày 19/3/2021 của Chính phủ về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự, Thông tư 06/2020/TT-BTP, ngày 17/12/2020 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn về đăng ký, xử lý tài sản bảo đảm; Luật Các tổ chức tín dụng 2024, đảm bảo lãi suất không vượt trần theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; Kiểm soát hạn mức tín dụng: Đảm bảo không cho vay vượt tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 39/2016/TT-NHNN, Thông tư 06/2023/TT-NHNN, Thông tư 12/2024/TT-NHNN và các quy định pháp lý liên quan.

Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng không tránh khỏi một số tồn tại, hạn chế nhất định:

Về thẩm định tài chính khách hàng: Một số trường hợp cán bộ tín dụng còn chủ quan hoặc thu thập thông tin chưa đầy đủ, dẫn đến đánh giá chưa chính xác năng lực trả nợ. Ví dụ, có khách hàng kinh doanh nhỏ nhưng ngoài ra còn vay “hụi” bên ngoài-những thông tin này cán bộ khó nắm bắt hết. Điều này tiềm ẩn rủi ro khoản vay nếu khách mất khả năng thanh toán do đã gánh nợ nhiều nơi. Đây là vấn đề mà quỹ đang cố gắng khắc phục bằng cách phối hợp với tổ trưởng tổ vay vốn ở địa phương để nắm rõ hoàn cảnh từng hộ vay.

Về tài sản bảo đảm: Hầu hết các khoản vay tại quỹ đều có tài sản đảm bảo, chủ yếu là quyền sử dụng đất (sổ đỏ) của khách hàng. Tuy nhiên, việc định giá tài sản còn chưa sát với giá thị trường-quỹ thường định giá thấp để an toàn, nhưng trong một số trường hợp giá đất biến động mạnh làm giá trị tài sản thực tế thấp đi, dẫn đến tỷ lệ đảm bảo giảm. Khi khách hàng không trả được nợ, xử lý tài sản bảo đảm cũng gặp nhiều khó khăn (thủ tục pháp lý kéo dài, tài sản khó bán), khiến quỹ bị tồn đọng nợ xấu. Pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm (Nghị định 21/2021/NĐ-CP) cho phép QTDND được bán đấu giá tài sản thế chấp hoặc nhận chính tài sản để trừ nợ, nhưng trên thực tế việc này không dễ dàng ở địa phương, nhất là khi người dân quen nghĩ “cầm sổ” chứ không nghĩ quỹ sẽ phát mãi tài sản của họ.

Về quản lý rủi ro nội bộ: Quỹ đã có quy trình tín dụng nhưng khâu giám sát và cảnh báo rủi ro chưa thật sự chặt chẽ. Ví dụ, chưa có hệ thống cảnh báo tự động khi khách hàng chậm trả lãi; cán bộ tín dụng đôi khi chưa theo sát việc nhắc nhở khách trả nợ, dẫn đến một số khoản chuyển quá hạn mới xử lý. Việc đảo nợ (cho vay khoản mới để trả khoản cũ) được pháp luật nghiêm cấm nếu nhằm che giấu nợ xấu, và QTDND Ma Lâm tuyệt đối không làm điều này; tuy nhiên có lúc do nể nang thành viên, quỹ gia hạn nợ nhiều lần dù khả năng trả nợ không rõ ràng, dẫn đến kéo dài khoản nợ xấu. Đây là điểm cần khắc phục trong thời gian tới-đảm bảo việc cơ cấu thời hạn trả nợ phải theo đúng điều kiện cho phép của NHNN và báo cáo đầy đủ. Pháp luật yêu cầu tổ chức tín dụng phân loại nợ và trích lập dự phòng đúng, không được che giấu nợ xấu, do đó quỹ đã ý thức hơn và bắt đầu áp dụng phân loại nợ theo Thông tư 36/2024/TT-NHNN và trích dự phòng theo Nghị định 86/2024/NĐ-CP.

Tóm lại, QTDND Ma Lâm trong hoạt động cấp tín dụng đã tuân thủ tương đối đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành, từ điều kiện cho vay, lãi suất, tài sản bảo đảm đến giới hạn cấp tín dụng. Quỹ đảm bảo lãi suất cho vay không vượt trần do NHNN quy định đối với một số lĩnh vực ưu tiên (hiện trần cho vay ngắn hạn nông nghiệp là 5,5%/năm theo quyết định của NHNN), và nói chung lãi suất các khoản vay của quỹ đều nằm trong phạm vi tự do thỏa thuận. Về giới hạn tín dụng,

QTDND Ma Lâm cũng tuân thủ nguyên tắc không cho một khách hàng vay vượt tỷ lệ an toàn vốn. Với vốn tự có hiện khoảng 5 tỷ đồng, quỹ không cho hộ cá nhân nào vay quá 500-700 triệu (tương đương ~10-14% vốn tự có), đúng theo giới hạn luật định. Những nội dung này được kiểm tra hàng năm bởi Thanh tra NHNN chi nhánh và đến nay quỹ chưa vi phạm.

2.2.2. Hoạt động thu hồi nợ

Hoạt động thu hồi nợ đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc duy trì sự ổn định tài chính và phát triển bền vững của Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) Ma Lâm. Quá trình thu hồi nợ không chỉ đảm bảo bảo vệ quyền lợi hợp pháp của QTDND mà còn giúp duy trì sự công bằng trong mối quan hệ tín dụng giữa quỹ và các thành viên. Trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động, việc áp dụng đúng pháp luật và xây dựng quy định nội bộ để đảm bảo thu hồi nợ hiệu quả là vô cùng cần thiết.

Việc tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình thu hồi nợ giúp QTDND Ma Lâm thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền lợi của mình, đồng thời tránh các vi phạm pháp lý có thể xảy ra khi thực hiện thu hồi nợ. Pháp luật quy định rõ về quyền của tổ chức tín dụng trong việc yêu cầu thanh toán, quyền khởi kiện hoặc quyền xử lý tài sản bảo đảm khi người vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nhờ đó, QTDND Ma Lâm có thể áp dụng các biện pháp hợp pháp, minh bạch để thu hồi nợ, đồng thời tránh được các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình thu hồi nợ.

Việc áp dụng đúng pháp luật cũng giúp đảm bảo tính công bằng trong các giao dịch tín dụng, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên tham gia và xây dựng được niềm tin giữa QTDND và các thành viên. Điều này không chỉ giúp quỹ hoạt động ổn định mà còn góp phần phát triển thị trường tín dụng của khu vực.

Để đảm bảo hoạt động thu hồi nợ thực hiện đúng pháp luật và đạt hiệu quả, QTDND Ma Lâm đã xây dựng các quy định nội bộ rất chi tiết và cụ thể. Các quy định này được soạn thảo dựa trên các văn bản pháp luật như Luật Các tổ chức tín

dụng, Bộ luật Dân sự và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về công tác thu hồi nợ. Quy định nội bộ này không chỉ giúp các cán bộ tín dụng của QTDND Ma Lâm thực hiện công việc một cách thống nhất và chính xác mà còn bảo vệ quyền lợi của cả QTDND và khách hàng vay.

Một trong những quy định quan trọng là quy trình theo dõi và nhắc nợ. Khi khoản vay đến hạn trả nợ mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ, cán bộ tín dụng sẽ thực hiện các bước nhắc nhở qua điện thoại, thư thông báo hoặc gặp mặt trực tiếp để thỏa thuận phương án thanh toán. Quy trình này giúp các khoản nợ không bị bỏ sót và đảm bảo các khoản vay được thu hồi kịp thời.

Ngoài ra, quy định về xử lý tài sản bảo đảm khi khách hàng không trả nợ cũng được quy định rõ trong nội bộ. Nếu khách hàng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, QTDND Ma Lâm có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo các điều khoản trong hợp đồng tín dụng. Việc này không chỉ đảm bảo lợi ích của quỹ mà còn đảm bảo tính hợp pháp và công bằng trong các giao dịch tín dụng.

Quy trình thu hồi nợ tại QTDND Ma Lâm được thực hiện theo một hệ thống các bước rõ ràng và chặt chẽ, nhằm tối đa hóa khả năng thu hồi nợ trong phạm vi pháp luật cho phép (Khoản 4 Điều 20 Thông tư 39/2016/TT-NHNN). Các bước trong quy trình này bao gồm:

- Bước 1: Nhắc nhở nợ quá hạn. Khi khoản vay đến hạn mà khách hàng chưa trả nợ, QTDND Ma Lâm sẽ tiến hành nhắc nhở qua điện thoại, gửi thư thông báo hoặc thông báo chính thức về nghĩa vụ trả nợ. Việc nhắc nhở này sẽ giúp khách hàng nhận thức được tình trạng khoản vay và có thể thỏa thuận gia hạn hoặc điều chỉnh phương thức thanh toán nếu cần thiết.

- Bước 2: Thỏa thuận phương án thanh toán. Nếu khách hàng không thể trả nợ trong một lần, QTDND Ma Lâm sẽ tiến hành đàm phán và tìm ra phương án thanh toán hợp lý. Đây có thể là việc chia nhỏ số tiền nợ hoặc gia hạn thời gian trả nợ. Tuy nhiên, các phương án này phải được sự đồng thuận của cả hai bên và không được vi phạm các quy định pháp lý về tín dụng.

- Bước 3: Xử lý tài sản bảo đảm. Trong trường hợp khách hàng không trả nợ theo các phương án đã thỏa thuận, QTDND Ma Lâm có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm đã được ký kết trong hợp đồng tín dụng. Việc xử lý tài sản bảo đảm sẽ giúp QTDND Ma Lâm thu hồi lại một phần hoặc toàn bộ khoản vay, từ đó giảm thiểu rủi ro tài chính cho quỹ.

- Bước 4: Khởi kiện. Nếu các biện pháp trên không có hiệu quả, QTDND Ma Lâm sẽ tiến hành khởi kiện khách hàng ra tòa án để yêu cầu thanh toán số nợ theo hợp đồng. Việc khởi kiện phải tuân theo các thủ tục pháp lý nghiêm ngặt, nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của QTDND và thực hiện các biện pháp cưỡng chế tài sản nếu cần thiết.

2.2.3. *Dư nợ cho vay*

Dư nợ cho vay là một chỉ tiêu quan trọng để đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động tín dụng của Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) Ma Lâm. Quản lý dư nợ đúng quy định pháp luật không chỉ đảm bảo an toàn tài chính mà còn hạn chế rủi ro tín dụng. Tại QTDND Ma Lâm, công tác quản lý dư nợ được thực hiện qua các giai đoạn chính như sau:

- Phân loại dư nợ theo nhóm nợ: QTDND Ma Lâm thực hiện phân loại dư nợ theo các nhóm: nợ đủ tiêu chuẩn, nợ cần chú ý, nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ và nợ có khả năng mất vốn. Việc phân loại này được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, đảm bảo cơ sở pháp lý để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đúng quy định.

- Theo dõi và kiểm soát dư nợ: Hệ thống quản lý tín dụng của quỹ được thiết lập nhằm giám sát chặt chẽ tình hình dư nợ. Cán bộ tín dụng có trách nhiệm theo dõi định kỳ tình trạng trả nợ của khách hàng, từ đó kịp thời phát hiện các khoản vay có nguy cơ trở thành nợ xấu.

- Giám sát tỷ lệ nợ xấu: QTDND Ma Lâm duy trì tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp hơn 3% tổng dư nợ, phù hợp với quy định tại Thông tư 39/2016/TT-NHNN, Thông

tư 06/2023/TT-NHNN, Thông tư 12/2024/TT-NHNN và các văn bản liên quan. Để đạt được mục tiêu này, quỹ thường xuyên rà soát các khoản vay có nguy cơ và triển khai biện pháp xử lý sớm, chẳng hạn như điều chỉnh phương án trả nợ hoặc bổ sung tài sản bảo đảm.

- Báo cáo dư nợ định kỳ: Định kỳ hàng tháng, QTDND Ma Lâm thực hiện báo cáo tình hình dư nợ lên Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan quản lý liên quan. Báo cáo này bao gồm số liệu về dư nợ tín dụng, tỷ lệ nợ xấu và các khoản vay quá hạn, nhằm đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ pháp luật.

Quy trình quản lý dư nợ tại QTDND Ma Lâm được thực hiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng 2024, Bộ luật Dân sự 2015, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Thông tư 06/2023/TT-NHNN, ngày 28/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2016/TT-NHNN, Thông tư 12/2024/TT-NHNN, ngày 28/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Thực hiện đúng quy trình này giúp quỹ nâng cao hiệu quả tín dụng, giảm thiểu rủi ro tài chính và bảo vệ quyền lợi của các thành viên.

2.2.4. Những khó khăn và vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật

Những vướng mắc này không chỉ làm tăng chi phí vận hành mà còn ảnh hưởng đến tốc độ giải ngân và khả năng mở rộng tín dụng của Quỹ. Việc xử lý tài sản bảo đảm chậm làm tăng tỷ lệ nợ xấu, khiến Quỹ phải trích lập dự phòng cao hơn, từ đó làm giảm lợi nhuận và khả năng phát triển tín dụng trong tương lai. Do đó, cần có giải pháp cải thiện quy trình thẩm định và xử lý nợ để nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm.

2.2.4.1 Khó khăn nội tại:

Hạn chế về năng lực cán bộ tín dụng: Một số cán bộ tín dụng chưa được trang bị đầy đủ kiến thức chuyên sâu về pháp luật tín dụng và các quy định liên quan đến xử lý nợ. Điều này khiến họ gặp khó khăn trong việc thẩm định hồ sơ, xác định mức độ rủi ro tín dụng, và xử lý các tình huống pháp lý phát sinh. Hơn nữa, việc thiếu các chương trình đào tạo định kỳ để nâng cao kỹ năng thẩm định, quản lý tín dụng, và cập nhật kiến thức pháp luật khiến năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ không đáp ứng được yêu cầu thực tế.

Cơ sở hạ tầng công nghệ chưa đáp ứng nhu cầu: Hệ thống công nghệ thông tin tại một số QTDND còn lạc hậu và thiếu đồng bộ, dẫn đến khó khăn trong quản lý, lưu trữ, và tra cứu dữ liệu khách hàng. Việc thiếu công nghệ hiện đại không chỉ làm giảm hiệu quả hoạt động mà còn gây khó khăn trong việc kiểm soát rủi ro tín dụng.

Quy trình tín dụng còn thiếu chặt chẽ: Một số trường hợp, quy trình phê duyệt tín dụng chưa tuân thủ đầy đủ các bước theo quy định. Việc này bao gồm cả thiếu kiểm soát chặt chẽ trong khâu thẩm định, xét duyệt hồ sơ, hoặc quản lý sau giải ngân. Những lỗ hổng này dẫn đến nguy cơ cao về rủi ro tín dụng, nợ xấu và thậm chí là thất thoát vốn.

2.2.4.2 Vướng mắc pháp lý:

Sự chồng chéo trong quy định pháp luật: Các quy định pháp luật về bảo đảm tín dụng, đặc biệt liên quan đến xử lý tài sản thế chấp, còn tồn tại nhiều điểm chưa rõ ràng hoặc mâu thuẫn. Điều này khiến các QTDND gặp khó khăn khi áp dụng pháp luật vào thực tế, nhất là trong các trường hợp tranh chấp tài sản hoặc giải quyết nợ xấu.

Thủ tục xử lý tài sản bảo đảm phức tạp và kéo dài: Trong trường hợp khách hàng không có khả năng trả nợ, quá trình xử lý tài sản bảo đảm thường mất nhiều thời gian, đặc biệt khi phát sinh tranh chấp. Thủ tục pháp lý kéo dài không chỉ làm

tăng chi phí xử lý mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thu hồi vốn, gây khó khăn cho hoạt động của quỹ.

Áp lực cạnh tranh từ các tổ chức tín dụng khác: Các ngân hàng thương mại, với ưu thế vượt trội về vốn, công nghệ, và quy trình quản lý, đang tạo ra áp lực lớn đối với QTDND. Họ thường có khả năng cung cấp các gói tín dụng hấp dẫn với lãi suất thấp hơn, thủ tục nhanh gọn hơn, khiến QTDND gặp khó khăn trong việc giữ chân khách hàng và thu hút nguồn vốn.

2.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến thực tiễn áp dụng pháp luật trong hoạt động của QTDND Ma Lâm

2.3.1. Yếu tố khách quan:

Về môi trường kinh tế: Khi nền kinh tế tăng trưởng cao và ổn định thì mức sống của người dân sẽ được nâng cao, họ kỳ vọng vào các khoản thu nhập trong tương lai nên đi vay nhiều hơn để thỏa mãn cho các nhu cầu của mình về mặt vật chất lẫn tinh thần,... từ đó cho vay tại QTDND được mở rộng. Ngược lại, khi nền kinh tế lâm vào khủng hoảng trì trệ thì thu nhập trong tương lai của người dân cũng có thể bị giảm sút dẫn đến các nhu cầu chi tiêu trong cuộc sống chỉ dừng lại ở mức vừa đủ dẫn đến hoạt động cho vay của QTDND cũng hạn chế hơn.

Về môi trường tự nhiên: Khách hàng vay vốn gặp nhiều rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh như thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh. Điều đó làm người dân bị trì trệ trong công việc dẫn đến thua lỗ và không có tiền trả nợ làm ảnh hưởng nợ xấu.

Về môi trường văn hóa-xã hội: Các yếu tố văn hóa-xã hội như niềm tin, thói quen, tâm lý, trình độ dân trí, phong tục tập quán cũng ảnh hưởng trực tiếp đến mối quan hệ cho vay giữa QTDND Ma Lâm với khách hàng.

Về thái độ và thói quen chi tiêu: Có tác động đáng kể đến hoạt động cho vay, dựa trên cơ sở quyết định của người chi tiêu. Trên địa bàn Hàm Thuận Bắc nói riêng và Việt Nam nói chung, người dân có thói quen tiết kiệm để chi tiêu trong tương lai, các nhu cầu chỉ được thỏa mãn khi đã tích lũy đủ tiền, đảm bảo cuộc sống

ấm no, sung túc, chính vì vậy họ ít có tư tưởng đi vay. Điều này đã hạn chế một phần sự phát triển của hoạt động cho vay tại QTDND Ma Lâm.

Về trình độ dân trí: Đây là yếu tố ảnh hưởng đến việc khách hàng quyết định sử dụng, tiếp cận các sản phẩm hay dịch vụ của QTDND. Ở các nước phát triển, trình độ dân trí cao dẫn đến hoạt động cho vay cũng vì vậy mà phát triển mạnh mẽ.

Về môi trường pháp lý: Kinh doanh trong QTDND là một lĩnh vực chịu sự giám sát chặt chẽ của các cơ quan chức năng như Ngân hàng Nhà nước. Khi hoạt động của QTDND chịu sự quản lý chặt chẽ của pháp luật thì hoạt động cho vay được diễn ra thông suốt hơn và hạn chế những rủi ro trong quá trình các bên tham gia quan hệ tín dụng. Ngược lại, nếu hoạt động của QTDND không có sự can thiệp của pháp luật thì hoạt động cho vay sẽ không được rõ ràng và còn nhiều khe hở khiến người đi vay sẽ không đáp ứng được điều kiện để được QTDND cấp tín dụng, đồng thời việc cho vay bên QTDND sẽ bị hạn chế.

Bên cạnh các yếu tố khách quan về kinh tế, xã hội, môi trường pháp lý chung cũng tạo ra những thách thức đáng kể trong việc áp dụng pháp luật tại QTDND Ma Lâm. Mặc dù hệ thống pháp luật về hoạt động tín dụng ngày càng được hoàn thiện như Luật Các tổ chức tín dụng 2024, Thông tư 39/2016/TT-NHNN, Thông tư 44/2011/TT-NHNN..., nhưng nội dung quy định còn mang tính chuẩn mực cao, chưa thực sự linh hoạt khi áp dụng vào điều kiện thực tế ở khu vực nông thôn. Ví dụ, yêu cầu phải có phương án sử dụng vốn cụ thể, chứng minh khả năng trả nợ và tài sản bảo đảm hợp lệ khiến nhiều hộ dân khó tiếp cận vốn, đặc biệt là lao động tự do, sản xuất nhỏ lẻ không có hồ sơ kinh doanh chính thức. Ngoài ra, quy định về xử lý tài sản bảo đảm theo Nghị định 21/2021/NĐ-CP đã mở rộng quyền tự xử lý tài sản cho bên nhận bảo đảm, song thực tiễn tại địa phương vẫn gặp khó khăn do thủ tục hành chính và thái độ không hợp tác của bên vay. Điều này cho thấy khoảng cách giữa quy định pháp luật và năng lực thực thi ở cấp cơ sở vẫn còn tồn tại, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả tín dụng và khả năng thu hồi nợ của Quỹ.

2.3.2. Yếu tố chủ quan:

Về quy mô vốn và cấp tín dụng của QTDND: Là một nhân tố quan trọng quyết định cấu trúc danh mục cho vay QTDND. Nếu vốn tự có lớn, đó là biểu hiện của một Ngân hàng bền vững và nó quyết định mức cho vay mới. Ngoài ra QTDND cũng thường tìm đến những Ngân hàng có uy tín với chất lượng dịch vụ, những tiện ích và sự an toàn.

Về chính sách tín dụng: Bao gồm các yếu tố như hạn mức tín dụng, lãi suất, kỳ hạn, phương thức vay,... đều tác động trực tiếp đến việc thực hiện các hoạt động của QTDND. Với chính sách hợp lý, đúng đắn, linh hoạt và đa dạng sẽ thu hút được nhiều khách hàng đến vay và ngược lại.

Về hoạt động thẩm định tín dụng: QTDND sẽ tiến hành thẩm định về tư cách pháp nhân, đánh giá tình hình tài chính, mục đích vay, phương án sản xuất kinh doanh và giá trị tài sản đảm bảo người vay. Trên cơ sở đó, QTDND sẽ quyết định cho vay hay không, nếu cho vay thì mức vay là bao nhiêu, điều này phụ thuộc vào vốn của QTDND có tại thời điểm vay và giá trị tài sản đảm bảo. Quá trình thẩm định phải chặt chẽ mới giúp QTDND đảm bảo cho khoản vay, tuy nhiên nếu vướng quá nhiều thủ tục phức tạp sẽ làm cho người vay mất nhiều thời gian và họ sẽ nản lòng.

Về chất lượng cán bộ tín dụng: Chất lượng cán bộ cao thì mới đáp ứng được yêu cầu công việc, mới thực hiện tốt việc thẩm định. Mặt khác, cán bộ tín dụng phải có đạo đức nghề nghiệp tốt nếu không để lại những tổn hại lớn cho QTDND.

Về cơ sở vật chất kỹ thuật: Việc trang bị đầy đủ các công nghệ, thiết bị hiện đại phù hợp với nhu cầu xã hội và phù hợp với nhu cầu của QTDND. Đó là yếu tố để giúp QTD có thể nâng cao khả năng cạnh tranh, thu hút được nhiều QTDND hơn, từ đó đưa ra được những chiến lược kinh doanh phù hợp với nhu cầu của QTDND nói chung và khách hàng vay nói riêng.

Rất rõ ràng. Vì mục 2.3 của bạn là phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng pháp luật tại QTDND Ma Lâm, gồm: • 2.3.1. Yếu tố khách quan, • 2.3.2. Yếu tố chủ quan, ...và Hội đồng muốn bạn làm rõ mối liên hệ giữa các quy định pháp

luật và những vướng mắc, hạn chế thực tế, thì bạn có thể bổ sung nội dung như sau ngay trong từng mục 2.3.1 và 2.3.2, cuối mỗi mục để liên kết lý luận với thực tiễn.

— Bổ sung vào cuối mục 2.3.1. Yếu tố khách quan Bên cạnh các yếu tố khách quan về kinh tế, xã hội, môi trường pháp lý chung cũng tạo ra những thách thức đáng kể trong việc áp dụng pháp luật tại QTDND Ma Lâm. Mặc dù hệ thống pháp luật về hoạt động tín dụng ngày càng được hoàn thiện như Luật Các tổ chức tín dụng 2024, Thông tư 39/2016/TT-NHNN, Thông tư 44/2011/TT-NHNN..., nhưng nội dung quy định còn mang tính chuẩn mực cao, chưa thực sự linh hoạt khi áp dụng vào điều kiện thực tế ở khu vực nông thôn. Ví dụ, yêu cầu phải có phương án sử dụng vốn cụ thể, chứng minh khả năng trả nợ và tài sản bảo đảm hợp lệ khiến nhiều hộ dân khó tiếp cận vốn, đặc biệt là lao động tự do, sản xuất nhỏ lẻ không có hồ sơ kinh doanh chính thức. Ngoài ra, quy định về xử lý tài sản bảo đảm theo Nghị định 21/2021/NĐ-CP đã mở rộng quyền tự xử lý tài sản cho bên nhận bảo đảm, song thực tiễn tại địa phương vẫn gặp khó khăn do thủ tục hành chính và thái độ không hợp tác của bên vay. Điều này cho thấy khoảng cách giữa quy định pháp luật và năng lực thực thi ở cấp cơ sở vẫn còn tồn tại, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả tín dụng và khả năng thu hồi nợ của Quỹ.

— Bổ sung vào cuối mục 2.3.2. Yếu tố chủ quan Từ góc độ nội tại của QTDND Ma Lâm, những hạn chế về nhân sự, năng lực quản trị và công nghệ thông tin cũng góp phần làm suy giảm hiệu quả áp dụng pháp luật vào thực tiễn. Mặc dù pháp luật đã quy định rõ trách nhiệm giám sát nội bộ của Ban kiểm soát (Khoản 1 Điều 92 Luật Các tổ chức tín dụng 2024), song năng lực chuyên môn của đội ngũ này tại Quỹ còn hạn chế. Việc kiểm tra đôi khi mang tính hình thức, chưa phát hiện sớm các sai phạm hoặc rủi ro tiềm ẩn trong cấp tín dụng.

Ngoài ra, nghĩa vụ báo cáo định kỳ theo Thông tư 04/2015/TT-NHNN cũng chưa được thực hiện đầy đủ do hạn chế về kỹ năng và phần mềm hỗ trợ. Điều này dẫn đến việc QTDND Ma Lâm không đáp ứng được yêu cầu minh bạch hóa thông tin và giám sát từ cơ quan quản lý. Từ đó có thể thấy, không chỉ nội dung pháp luật mà cả năng lực thực hiện của chủ thể áp dụng – ở đây là cán bộ và bộ máy QTDND – đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo pháp luật được thực thi hiệu quả.

2.4. Đánh giá tổng quan về hiệu quả hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm

2.4.1. Những ưu điểm của hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm

Quỹ tín dụng nhân dân Ma Lâm đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong hoạt động tín dụng, thể hiện qua sự tăng trưởng ổn định về quy mô vốn huy động và dư nợ tín dụng qua các năm. Quy trình tín dụng được xây dựng dựa trên các quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo tính minh bạch và hợp pháp trong việc cung cấp dịch vụ tín dụng cho khách hàng. Tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức thấp và trong ngưỡng an toàn, cho thấy Quỹ đã có sự kiểm soát tốt đối với rủi ro tín dụng, góp phần bảo vệ tài sản và uy tín của tổ chức.

Bên cạnh đó, Quỹ tín dụng đã thực sự trở thành một kênh hỗ trợ tài chính quan trọng cho người dân địa phương, đặc biệt là các hộ gia đình và cá nhân tại khu vực nông thôn. Các khoản vay không chỉ giúp khách hàng cải thiện đời sống mà còn hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của huyện Hàm Thuận Bắc. Đội ngũ cán bộ tín dụng, mặc dù còn hạn chế, vẫn nỗ lực trong việc tiếp cận khách hàng và hỗ trợ kịp thời các nhu cầu vay vốn.

Ngoài ra, hệ thống pháp luật điều chỉnh về hoạt động tín dụng ngày càng hoàn thiện dần. Hoạt động của QTDND luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, đặc biệt là Luật Hợp tác xã năm 2012, Luật Hợp tác xã năm 2023, Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Luật sửa đổi Luật các Tổ chức tín dụng năm 2017, Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024, Thông tư 29/2024/TT-NHNN quy định về Quỹ tín dụng nhân dân, Thông tư 36/2024/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có của tổ chức tín dụng là hợp tác xã và các quy định khác của pháp luật. Điều này không chỉ đảm bảo hoạt động tín dụng được thực hiện đúng pháp luật mà còn tạo dựng niềm tin với khách hàng và các cơ quan quản lý.

Hoạt động huy động vốn được mở rộng: QTDND được thực hiện huy động tiền gửi và cho vay phục vụ thành viên, khách hàng; dịch vụ cầm đồ; thực hiện dịch

vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ thông qua hệ thống CF-ebank của Ngân hàng hợp tác và các dịch vụ Ngân hàng khác.

Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động của NHNN Chi nhánh tỉnh Bình Thuận, của cấp ủy chính quyền địa phương, sự nỗ lực, đoàn kết của tập thể cán bộ nhân viên QTDND và một yếu tố quan trọng đó là sự tin tưởng của khách hàng, thành viên, những người đã tuân thủ đúng các quy định của QTDND, đã hợp tác với QTDND góp phần thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu đã đề ra.

2.4.2. Những hạn chế của hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, hoạt động tín dụng của quỹ TDND Ma Lâm còn tồn tại những hạn chế nhất định. Những hạn chế này có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau như diễn biến của thị trường tài chính tiền tệ, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn hoạt động của QTDND, yếu tố chủ quan khác.

Về bản chất, QTDND là tổ chức kinh tế độc lập, hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả hoạt động. Trong khi đó, hoạt động của Quỹ mang tính nghiệp vụ Ngân hàng rất sâu nhưng việc hướng dẫn nghiệp vụ cho quỹ, công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất...nhằm hạn chế rủi ro cho hoạt động còn hạn chế. Quy định pháp luật trao quyền tự chủ cho các tổ chức tín dụng nói chung, trong đó có QTDND. Tuy nhiên, so với các loại hình tổ chức tín dụng khác thì QTDND nói chung và QTDND Ma Lâm nói riêng có quy mô nhỏ, vốn điều lệ không cao, nghiệp vụ tín dụng được thực hiện trong phạm vi khá hẹp, chỉ chủ yếu nhận tiền gửi và cho vay bằng đồng VN.

Trong khi đó, việc cơ cấu lại tổ chức nhân sự, thay thế các thành viên quản lý, cán bộ tín dụng, kiểm soát hạn chế về năng lực, chưa đáp ứng tiêu chuẩn trình độ, đạo đức...còn khó khăn. Do vậy, việc chủ động điều chỉnh chiến lược, kế hoạch kinh doanh phù hợp với diễn biến của thị trường và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn hoạt động còn khó khăn; Triển khai việc nâng cao năng lực tài

chính, quản trị điều hành, kiểm soát; nâng cao chất lượng tín dụng, phòng ngừa rủi ro còn hạn chế.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản trị, quản lý tài chính, hạch toán, kế toán và chế độ báo cáo theo quy định còn hạn chế.

Vì vậy, việc đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ, phát huy tối đa lợi thế trong hoạt động của QTDND nhằm nâng cao khả năng tiếp cận vốn và các dịch vụ tài chính cho thành viên, góp phần phát triển kinh tế, hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi, bảo đảm an sinh xã hội ở địa phương chưa nhiều.

Hiện nay toàn hệ thống Quỹ tín dụng nói chung đang gặp khó khăn trong việc gia nhập, cho ra thành viên và cho vay thành viên. Theo quy định khi khách hàng có nhu cầu gia nhập, xin ra thành viên thì phải sau khi thông qua Đại hội thành viên quyết định mới chính thức được là thành viên và lúc này sẽ được vay vốn hoặc chấm dứt tư cách thành viên. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động cho vay trong bối cảnh cạnh tranh hiện nay.

2.5. Kết quả khảo sát thực tiễn về hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm

2.5.1. Mục tiêu và phương pháp khảo sát

Nhằm đánh giá thực trạng hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm và xác định các giải pháp nâng cao hiệu quả, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát hai nhóm đối tượng chính, bao gồm lãnh đạo, nhân viên QTDND Ma Lâm và khách hàng vay vốn tại Quỹ.

Phương pháp khảo sát được thực hiện thông qua bảng hỏi và phỏng vấn bán cấu trúc nhằm thu thập thông tin định lượng và định tính. Các câu hỏi tập trung vào ba nội dung chính: (i) đánh giá thực trạng hoạt động tín dụng, (ii) nhận diện những khó khăn và hạn chế trong quá trình cấp tín dụng, và (iii) đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm.

Tổng số phiếu khảo sát được phát ra là 70, trong đó có 20 phiếu dành cho lãnh đạo và nhân viên QTDND Ma Lâm, và 50 phiếu dành cho khách hàng vay vốn

tại Quỹ. Kết quả khảo sát sau khi tổng hợp được phân tích nhằm làm cơ sở đề xuất giải pháp trong chương tiếp theo.

2.5.2. Đánh giá của lãnh đạo và nhân viên QTDND Ma Lâm

Kết quả khảo sát cho thấy, 85% nhân viên cho rằng quy trình thẩm định hồ sơ vay vốn còn phức tạp, yêu cầu nhiều loại giấy tờ, dẫn đến kéo dài thời gian xử lý và gây khó khăn cho khách hàng tiếp cận vốn. Một nhân viên tín dụng chia sẻ: “Có khách hàng phải bổ sung hồ sơ 2-3 lần mới đủ điều kiện trình phê duyệt, điều này ảnh hưởng đến cả tiến độ công việc lẫn uy tín của Quỹ.”

70% lãnh đạo nhận định rằng mặc dù hoạt động tín dụng tại Quỹ tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước, nhưng vẫn tồn tại nhiều thủ tục hành chính chưa tinh gọn, ảnh hưởng đến hiệu suất công việc. Đáng chú ý, 50% nhân viên phản ánh rằng hồ sơ vay vốn thường không đầy đủ ngay từ lần nộp đầu tiên - điều này cho thấy sự thiếu nhất quán trong hướng dẫn và hỗ trợ khách hàng.

Về mức cho vay, 65% nhân viên cho rằng hạn mức hiện hành chưa phù hợp với nhu cầu thực tế, nhất là các hộ kinh doanh nhỏ đang muốn mở rộng quy mô. Ngoài ra, 70% lãnh đạo xác nhận tỷ lệ nợ quá hạn có xu hướng tăng trong năm qua, phản ánh rủi ro tín dụng ngày càng đáng lo ngại nếu không có biện pháp kiểm soát chặt chẽ.

2.5.3. Đánh giá của khách hàng vay vốn

Phản hồi từ khách hàng cho thấy nhiều điểm cần cải thiện trong quy trình tín dụng tại QTDND Ma Lâm. Cụ thể, 78% khách hàng nhận xét thời gian xét duyệt hồ sơ và giải ngân còn chậm, thường kéo dài từ 5-7 ngày. Một khách hàng bày tỏ: “Tôi nộp hồ sơ vay vốn để mua phân bón chuẩn bị mùa vụ, nhưng giải ngân chậm nên phải vay nóng bên ngoài với lãi cao.” Ngoài ra, 50% khách hàng cho rằng có sự chênh lệch rõ rệt về tốc độ xử lý hồ sơ giữa các chi nhánh, gây cảm giác thiếu công bằng.

Về lãi suất, 65% khách hàng cho rằng lãi suất vay tại Quỹ vẫn cao hơn một số ngân hàng thương mại, song họ vẫn chấp nhận vì khó tiếp cận vốn từ các kênh khác. Đáng lưu ý, 80% khách hàng đề xuất QTDND nên mở rộng thêm các hình thức vay linh hoạt như tín chấp hoặc tiêu dùng nhỏ lẻ

Ngoài ra, một tỉ lệ lớn khách hàng mong muốn cải tiến thủ tục vay vốn (60%), tăng cường tư vấn tài chính cá nhân (75%) và có các sản phẩm vay phù hợp với mùa vụ nông nghiệp (55%). Một khách hàng chia sẻ: “Nếu Quỹ có gói vay dành riêng cho sản xuất theo mùa, chúng tôi sẽ chủ động hơn nhiều trong kế hoạch đầu tư.”

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 đã phân tích thực trạng hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm, làm rõ những kết quả đạt được cũng như các hạn chế còn tồn tại. Mặc dù Quỹ đã đóng góp tích cực vào việc cung cấp tín dụng và hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương, nhưng vẫn đối mặt với nhiều thách thức như hạn chế trong công tác thẩm định, kiểm soát rủi ro, quản lý nợ xấu và tuân thủ pháp luật.

Những bất cập này bắt nguồn từ cả yếu tố khách quan như chính sách tín dụng, môi trường pháp lý, sự cạnh tranh của các tổ chức tín dụng khác, lẫn yếu tố chủ quan như năng lực nhân sự, ứng dụng công nghệ thông tin và cơ chế kiểm soát nội bộ chưa hoàn thiện. Những vấn đề này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải có các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng của QTDND Ma Lâm.

Chương 3 sẽ đề xuất các giải pháp cụ thể, bao gồm nâng cao năng lực thẩm định tín dụng, cải thiện cơ chế quản trị rủi ro, xử lý nợ xấu hiệu quả hơn, tăng cường ứng dụng công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh. Những giải pháp này sẽ giúp Quỹ hoạt động bền vững hơn, đảm bảo an toàn tài chính và nâng cao chất lượng dịch vụ tín dụng.

Chương 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN MA LÂM, HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

3.1. Định hướng giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của QTDND Ma Lâm

Sau khi phân tích thực trạng hoạt động tín dụng tại Quỹ Tín dụng nhân dân (QTDND) Ma Lâm ở chương 2, có thể thấy Quỹ giữ vai trò quan trọng trong hỗ trợ vốn cho thành viên, góp phần phát triển kinh tế địa phương. Đặc thù hoạt động trong khu vực nông thôn nơi kênh tín dụng chính thức còn hạn chế, QTDND Ma Lâm đã trở thành điểm tựa tài chính giúp các hộ gia đình, cá nhân phát triển sản xuất kinh doanh và cải thiện đời sống. Thực tiễn hệ thống QTDND Việt Nam cho thấy các quỹ quy mô nhỏ nhưng hiệu quả sử dụng vốn khá cao, tỷ suất sinh lời thường nhỉnh hơn trung bình ngành ngân hàng và tỷ lệ nợ xấu thấp. Điều này khẳng định mô hình QTDND, nếu được quản lý tốt, sẽ hoạt động an toàn, bền vững và đóng góp tích cực vào mục tiêu giảm nghèo và hạn chế tín dụng đen ở nông thôn.

Tuy nhiên, QTDND Ma Lâm cũng đang đứng trước nhiều thách thức trong bối cảnh mới. Nền kinh tế hội nhập và biến động đòi hỏi các tổ chức tín dụng, kể cả QTDND, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật và chuẩn mực an toàn. Cạnh tranh trên thị trường tài chính ngày càng gay gắt: ngay tại địa bàn huyện đã xuất hiện sự hiện diện của nhiều ngân hàng thương mại và các QTDND khác, tạo áp lực lớn về thu hút khách hàng. Bên cạnh đó, những biến động kinh tế - xã hội (như suy giảm nhu cầu vay vốn do ảnh hưởng thị trường, sự xuất hiện của kênh đầu tư mới như bất động sản, tiền ảo, cùng nạn tín dụng phi chính thức) đã ảnh hưởng đến nhu cầu vay và khả năng trả nợ của người dân. Chính điều này khiến không ít QTDND rơi vào tình trạng dư thừa vốn tạm thời do không cho vay được hết nguồn vốn huy động. Mặt khác, công nghệ tài chính phát triển khiến khách hàng kỳ vọng dịch vụ nhanh chóng, thuận tiện hơn, đòi hỏi QTDND phải đổi mới để đáp ứng. Đồng thời,

các yêu cầu về an toàn hoạt động ngày càng nâng cao sau một số vụ việc vi phạm tại một số QTDND thời gian qua.

Trước bối cảnh đó, định hướng phát triển hoạt động tín dụng của QTDND Ma Lâm là nâng cao hiệu quả đi đôi với đảm bảo an toàn, bền vững. Quỹ cần hướng tới mục tiêu mở rộng quy mô tín dụng hợp lý, đáp ứng tốt hơn nhu cầu vay vốn của thành viên nhưng vẫn kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng. Cụ thể, QTDND Ma Lâm đặt ra các mục tiêu: (1) An toàn: tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và tỷ lệ an toàn do Ngân hàng Nhà nước (NHNN) quy định, giữ tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp (dưới 1% tổng dư nợ, duy trì tốt như mức 0,69% cuối năm 2023 của hệ thống), đảm bảo thanh khoản và an toàn vốn; (2) Hiệu quả: nâng cao tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA) và vốn chủ sở hữu (ROE), phân đầu tăng trưởng tín dụng ổn định và sử dụng vốn hiệu quả hơn, duy trì mức sinh lời cao như xu hướng chung của khối QTDND; (3) Phục vụ thành viên: cải thiện chất lượng dịch vụ, thời gian xử lý hồ sơ nhanh hơn, lãi suất cạnh tranh hợp lý, từ đó thu hút thêm thành viên mới và tăng sự hài lòng, gắn kết của thành viên hiện hữu; (4) Phát triển bền vững: xây dựng QTDND Ma Lâm thành một tổ chức tài chính hợp tác minh bạch, uy tín, có năng lực quản trị tốt và tầm nhìn dài hạn, tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững và đóng góp nhiều hơn cho cộng đồng địa phương.

Để hiện thực hóa định hướng và mục tiêu trên, QTDND Ma Lâm cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp trọng tâm. Các giải pháp này vừa giải quyết các hạn chế đã nêu ở chương 2 (như một số bất cập trong quản trị, thẩm định tín dụng, ứng dụng công nghệ thông tin, v.v.), vừa tận dụng các cơ hội để thúc đẩy hoạt động tín dụng phát triển. Mỗi nhóm giải pháp dưới đây được lựa chọn dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn, có phân tích lý do đề xuất, điều kiện thực hiện và tác động kỳ vọng. Song song đó, Quỹ cần có lộ trình triển khai phù hợp theo từng giai đoạn (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn) nhằm đảm bảo tính khả thi và hiệu quả.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm

3.2.1. Tăng cường tuân thủ quy định pháp luật trong hoạt động tín dụng và tài chính

Lý do lựa chọn giải pháp: Tuân thủ pháp luật là nền tảng cốt lõi để QTDND hoạt động hợp pháp, an toàn và bền vững. Chương 2 đã chỉ ra việc tuân thủ không chỉ là yêu cầu bắt buộc mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả tín dụng. Thực tế trong hệ thống QTDND, một số quỹ đã vi phạm nghiêm trọng các quy định pháp luật do yếu kém trong quản trị và đạo đức, dẫn đến rủi ro cao và có trường hợp bị xử lý kỷ luật, ảnh hưởng uy tín cả hệ thống. Do đó, đối với QTDND Ma Lâm, tăng cường tuân thủ pháp luật sẽ giúp phòng ngừa rủi ro pháp lý, tránh các chế tài bất lợi (phạt tiền, hạn chế hoạt động), đồng thời tạo dựng niềm tin cho thành viên và cơ quan quản lý. Việc hoạt động đúng khuôn khổ pháp lý còn giúp Quỹ nắm bắt được các chính sách hỗ trợ của Nhà nước khi cần thiết.

Nội dung giải pháp: Trước hết, QTDND Ma Lâm phải quán triệt đầy đủ và cập nhật kịp thời các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động tín dụng và tài chính. Cụ thể, bao gồm Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và các văn bản hướng dẫn; Luật Kế toán 2015; Luật Phòng, chống rửa tiền 2022; cùng các thông tư, nghị định chuyên ngành do NHNN, Bộ Tài chính ban hành. Lãnh đạo Quỹ cần tổ chức phổ biến kiến thức pháp luật cho toàn thể cán bộ, nhân viên, đảm bảo mọi người nắm rõ quy định về nghiệp vụ của mình.

Về quản lý vốn chủ sở hữu: Tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu về vốn điều lệ, quỹ dự trữ và phân phối lợi nhuận. Theo Luật Các tổ chức tín dụng, QTDND phải duy trì mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định và chỉ được thay đổi sau khi được NHNN chấp thuận. Việc quản lý lợi nhuận để trích lập các quỹ dự phòng, quỹ dự trữ bắt buộc tuân theo hướng dẫn tại Thông tư 04/2015/TT-NHNN về chế độ tài chính đối với QTDND. Quỹ cần đảm bảo mọi khoản lợi nhuận chưa phân phối hoặc

lỗi lũy kế được hạch toán đúng và chỉ sử dụng cho các mục đích theo luật định, tránh tình trạng phân phối lợi nhuận trái phép ảnh hưởng đến vốn tự có.

Về hoạt động huy động và cho vay: QTDND Ma Lâm phải tuân thủ trần lãi suất huy động, cho vay bằng VNĐ do NHNN quy định từng thời kỳ, tránh cạnh tranh không lành mạnh về lãi suất. Quỹ chỉ được thực hiện các nghiệp vụ tín dụng trong phạm vi luật cho phép (cho vay thành viên, bảo lãnh, chiết khấu giấy tờ có giá...). Mọi quy trình cấp tín dụng phải tuân theo quy định của luật và hướng dẫn của NHNN: từ khâu tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt cho vay, giải ngân đến thu nợ đều cần quy định rõ ràng bằng văn bản nội bộ và thực hiện nghiêm túc. Đặc biệt, quy định về điều kiện cho vay (thành viên phải có phương án sử dụng vốn khả thi, có tài sản bảo đảm nếu cần, không có nợ xấu tại thời điểm vay...) phải được áp dụng nhất quán nhằm đảm bảo chất lượng tín dụng và tính hợp pháp của khoản vay. Quỹ cũng cần thực thi đầy đủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn như tỷ lệ vốn tối thiểu, giới hạn cấp tín dụng đối với một khách hàng, nhóm khách hàng,... theo Luật Các tổ chức tín dụng và thông tư hướng dẫn. Chẳng hạn, Luật Các tổ chức tín dụng (2024) giới hạn tỷ lệ dư nợ cho vay tối đa trên vốn tự có đối với một khách hàng, nhằm tránh tập trung rủi ro-QTDND phải tuân thủ giới hạn này để phân tán rủi ro tín dụng.

Về quản lý tài chính và kế toán: Thực hiện nghiêm Luật Kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) trong ghi chép sổ sách, lập báo cáo tài chính. Mọi nghiệp vụ phát sinh về tài sản, nguồn vốn phải được phản ánh trung thực, không che giấu nợ xấu hay tổn thất. Quỹ cần lập báo cáo tài chính định kỳ đúng hạn gửi NHNN và cơ quan thuế, đảm bảo tính minh bạch. Các khoản doanh thu từ lãi tín dụng, phí dịch vụ, lãi đầu tư... phải ghi nhận đúng kỳ kế toán, có chứng từ hợp lệ theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp. Đồng thời, chấp hành quy định của NHNN về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng xử lý rủi ro tín dụng; không tùy tiện đảo nợ hay che giấu nợ xấu. Ngoài ra, đối với việc quản lý tiền gửi, QTDND Ma Lâm cần tuân theo quy định tại Thông tư 21/2019/TT-NHNN về tỷ lệ tối thiểu tiền gửi từ thành viên trên

tổng tiền gửi, nhằm đảm bảo Quỹ phục vụ chủ yếu cho thành viên của mình và duy trì tính chất hợp tác xã.

Điều kiện thực hiện: Để giải pháp tuân thủ pháp luật được thực thi hiệu quả, trước hết ban lãnh đạo Quỹ phải đề cao tinh thần thượng tôn pháp luật và làm gương trong chấp hành. Cần phân công một bộ phận (hoặc cán bộ) chuyên trách cập nhật văn bản pháp luật mới, tham mưu cho Hội đồng quản trị điều chỉnh quy chế nội bộ phù hợp. Quỹ nên xây dựng sổ tay pháp lý nội bộ hoặc cẩm nang hướng dẫn các quy định chính yếu liên quan từng mảng hoạt động (huy động vốn, cho vay, kế toán...) để nhân viên dễ tra cứu và tuân thủ. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác kiểm tra nội bộ định kỳ về việc chấp hành quy định tại các phòng ban; nếu phát hiện vi phạm phải chấn chỉnh, xử lý kịp thời theo quy chế thưởng phạt. Việc tổ chức các khóa tập huấn, mời chuyên gia từ NHNN hoặc Hiệp hội QTDND Việt Nam hướng dẫn về luật mới (như Luật Các tổ chức tín dụng 2024, Luật Hợp tác xã 2023,...) cũng rất cần thiết để nâng cao hiểu biết pháp lý cho cán bộ, nhân viên. Ngoài ra, xây dựng văn hóa doanh nghiệp tuân thủ-mọi quyết định kinh doanh đều phải cân nhắc khía cạnh pháp lý trước tiên.

Tác động dự kiến: Khi tuân thủ tốt khuôn khổ pháp luật, QTDND Ma Lâm sẽ giảm thiểu rủi ro pháp lý và tài chính. Quỹ tránh được nguy cơ bị xử phạt hay đình chỉ hoạt động do vi phạm, từ đó không gián đoạn kinh doanh và tiết kiệm chi phí do lỗi vi phạm gây ra. Uy tín của Quỹ được củng cố trong mắt thành viên và đối tác, tạo niềm tin để thu hút thêm nhiều người gửi tiền và vay vốn. Về dài hạn, sự tuân thủ giúp Quỹ hoạt động ổn định, an toàn hơn, góp phần trực tiếp nâng cao hiệu quả tín dụng: chất lượng tín dụng cải thiện, nợ quá hạn giảm, lợi nhuận tăng bền vững. Bên cạnh đó, QTDND Ma Lâm sẽ nằm trong định hướng chung của NHNN về củng cố hệ thống QTDND, có thể nhận được hỗ trợ hoặc đánh giá cao từ cơ quan quản lý khi cần mở rộng dịch vụ. Tóm lại, tuân thủ pháp luật vừa là yêu cầu bắt buộc, vừa mang lại lợi ích thiết thực, tạo nền tảng cho các giải pháp khác phát huy tác dụng.

3.2.2. Nâng chất lượng thẩm định tín dụng và quản lý nghiệp vụ cho vay

Lý do lựa chọn giải pháp: Chất lượng thẩm định tín dụng quyết định trực tiếp đến chất lượng danh mục cho vay và hiệu quả hoạt động tín dụng của Quỹ. Thực trạng tại QTDND Ma Lâm cho thấy tuy tỷ lệ nợ xấu giai đoạn 2019-2023 duy trì ở mức rất thấp (dưới 0,4%), nhưng đã có thời điểm tăng cao hơn bình thường (0,37% năm 2021) do ảnh hưởng dịch bệnh và hạn chế trong khâu thẩm định, giám sát khoản vay. Việc nâng cao chất lượng thẩm định sẽ giúp sàng lọc khách hàng tốt hơn, hạn chế rủi ro tín dụng và giảm thiểu nợ xấu trong tương lai. Bên cạnh đó, quản lý nghiệp vụ cho vay bài bản, đúng quy trình sẽ đảm bảo tính hợp pháp của từng khoản cho vay và tăng hiệu quả sử dụng vốn. Với sự cạnh tranh hiện nay, Quỹ cũng cần cải tiến quy trình nghiệp vụ để phục vụ khách hàng nhanh chóng hơn nhưng vẫn kiểm soát rủi ro, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh. Ngoài ra, pháp luật (Luật Các tổ chức tín dụng, Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay,...) ngày càng chú trọng quy định về thẩm định và giám sát tín dụng, đòi hỏi Quỹ phải tuân thủ nghiêm (như yêu cầu thẩm định khả năng trả nợ, mục đích sử dụng vốn, tài sản bảo đảm hợp pháp...). Vì vậy, nâng cao nghiệp vụ thẩm định và quản lý tín dụng vừa đáp ứng yêu cầu pháp lý, vừa xuất phát từ nhu cầu nội tại nhằm nâng cao hiệu quả cho vay.

Nội dung giải pháp: Trọng tâm là hoàn thiện quy trình thẩm định tín dụng và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ tín dụng. Cụ thể, QTDND Ma Lâm cần rà soát lại toàn bộ quy trình cho vay hiện có, đối chiếu với các quy định mới nhất của NHNN để bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp. Quy trình chuẩn cần bao gồm các bước: tiếp cận và hướng dẫn khách hàng lập hồ sơ vay; thu thập thông tin và tài liệu cần thiết; thẩm định tại chỗ (khảo sát cơ sở kinh doanh hoặc mục đích sử dụng vốn của khách); phân tích tài chính và đánh giá rủi ro khách hàng; lập báo cáo thẩm định với đề xuất cho vay/ từ chối; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; ký kết hợp đồng và giải ngân; theo dõi sau giải ngân. Mỗi bước cần có quy định rõ ràng về trách nhiệm

của cán bộ phụ trách và thời gian xử lý, tránh tình trạng kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ. Quỹ nên xây dựng các biểu mẫu thẩm định chuẩn (về thu nhập, phương án kinh doanh, định giá tài sản bảo đảm,...) để cán bộ áp dụng thống nhất, nâng cao tính khách quan của quá trình thẩm định.

Bên cạnh quy trình, con người là yếu tố then chốt quyết định chất lượng thẩm định. Do đó, Quỹ cần tập trung nâng cao trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của cán bộ tín dụng. Trước hết, tiến hành đánh giá, phân loại năng lực đội ngũ cán bộ hiện tại: những ai yếu về kiến thức thẩm định hoặc kinh nghiệm xử lý hồ sơ phức tạp cần được đào tạo bổ sung. Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về phân tích tài chính khách hàng, kỹ năng nhận biết và phòng ngừa rủi ro tín dụng, cập nhật quy định pháp luật về cho vay. Có thể mời các chuyên gia từ NHNN chi nhánh, ngân hàng hợp tác (Co-opBank) hoặc các ngân hàng bạn để chia sẻ kinh nghiệm thẩm định. Đồng thời, đào tạo về quy định phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố trong hoạt động tín dụng theo Luật Phòng, chống rửa tiền 2022-mọi cán bộ thẩm định phải nắm vững các nguyên tắc nhận biết khách hàng và dấu hiệu giao dịch đáng ngờ. Quỹ cần thiết lập quy trình kiểm tra chéo: ví dụ, khoản vay trên một hạn mức nhất định hoặc tiềm ẩn rủi ro cao phải do ít nhất hai cán bộ thẩm định độc lập và được phê duyệt bởi hội đồng tín dụng hoặc Giám đốc Quỹ. Điều này giúp giảm thiểu sai sót hoặc thông đồng trong thẩm định.

Song song với nâng cao chất lượng thẩm định, Quỹ phải hoàn thiện công tác quản lý nghiệp vụ tín dụng một cách hiện đại và hiệu quả. Áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với khách hàng (dựa trên lịch sử quan hệ với Quỹ, uy tín trả nợ, tình hình tài chính...) để phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro, từ đó có chính sách cho vay và giám sát phù hợp. Xây dựng hạn mức tín dụng cho từng khách hàng hoặc nhóm khách hàng ngay từ đầu (theo Luật Các tổ chức tín dụng), đảm bảo tổng dư nợ không vượt quá khả năng tài chính của khách, đồng thời tuân thủ giới hạn tập trung tín dụng của Quỹ. Quản lý danh mục cho vay theo ngành nghề, lĩnh vực để tránh tập trung quá mức vào một ngành có rủi ro cao. Chẳng hạn, nếu trong huyện có nhiều thành viên vay lĩnh vực nông nghiệp, Quỹ cần theo dõi sát

diễn biến thị trường nông sản và có kế hoạch dự phòng khi xảy ra bất lợi (thiên tai, dịch bệnh).

Ngoài ra, ứng dụng công nghệ thông tin cũng hỗ trợ mạnh cho quản lý nghiệp vụ cho vay (sẽ được trình bày kỹ hơn ở mục 3.2.7). Cụ thể, Quỹ nên sử dụng phần mềm quản lý tín dụng để theo dõi lịch trả nợ, tự động cảnh báo các khoản sắp đến hạn hoặc quá hạn. Thiết lập báo cáo tín dụng định kỳ (hàng tuần hoặc tháng) gửi Ban lãnh đạo, trong đó nêu rõ tăng trưởng dư nợ, tình hình nợ quá hạn, các khoản vay lớn, khoản vay có dấu hiệu bất thường,... để kịp thời có biện pháp xử lý.

Điều kiện thực hiện: Giải pháp này đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng và công cụ hỗ trợ phù hợp. Thứ nhất, QTDND Ma Lâm cần bố trí ngân sách cho công tác đào tạo cán bộ tín dụng hàng năm (chi phí mời giảng viên, tài liệu, hỗ trợ đi lại nếu học ngoài). Có thể tranh thủ các chương trình đào tạo miễn phí hoặc chi phí thấp do NHNN chi nhánh hoặc Hiệp hội QTDND tổ chức. Thứ hai, Quỹ cần xây dựng hoặc nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin nội bộ hỗ trợ thẩm định và quản lý tín dụng. Nếu nguồn lực hạn chế, có thể phối hợp với Ngân hàng Hợp tác xã để sử dụng chung nền tảng (ví dụ hệ thống CF-eBank có module quản lý tín dụng liên thông). Việc mua sắm phần mềm, thiết bị phải cân đối với khả năng tài chính và thực hiện theo lộ trình (ưu tiên triển khai các chức năng giám sát nợ trước, các chức năng nâng cao như chấm điểm tín dụng bằng AI có thể thực hiện sau). Thứ ba, cần sự cam kết của lãnh đạo trong việc thực thi quy trình nghiêm túc: thưởng phạt phân minh với cán bộ tín dụng dựa trên chất lượng công việc (khen thưởng nếu thẩm định tốt, tỷ lệ nợ quá hạn thấp; kỷ luật nếu để xảy ra vi phạm quy trình hay cho vay sai đối tượng). Đồng thời, tạo môi trường chia sẻ kinh nghiệm giữa các cán bộ, ví dụ họp định kỳ rút kinh nghiệm các hồ sơ khó, từ chối cho vay hoặc hồ sơ có vấn đề để cùng học hỏi.

Tác động dự kiến: Khi chất lượng thẩm định được nâng cao, rủi ro tín dụng sẽ giảm do Quỹ lựa chọn được những khách hàng tốt hơn và cấu trúc khoản vay phù hợp hơn với khả năng của họ. Tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn dự kiến giữ ở mức rất thấp,

ổn định dưới 0,5% (thậm chí tiệm cận 0% trong điều kiện thuận lợi). Danh mục cho vay lành mạnh giúp Quỹ giảm chi phí dự phòng rủi ro, qua đó tăng lợi nhuận. Mặt khác, quy trình nghiệp vụ được chuẩn hóa và ứng dụng CNTT sẽ tăng tốc độ xử lý hồ sơ, nâng cao sự hài lòng của khách hàng. Thành viên sẽ đánh giá cao Quỹ nếu tiếp cận vốn nhanh chóng, thủ tục rõ ràng minh bạch-điều này giúp thu hút thêm khách hàng vay, mở rộng thị phần tín dụng. Thực tế hiện nay, nhiều QTDND gặp khó khăn do nhu cầu vay giảm, nhưng nếu Quỹ Ma Lâm tạo được uy tín về thẩm định nhanh và cho vay an toàn, hợp lý, thì có thể tăng trưởng tín dụng cao hơn trung bình ngành. Hơn nữa, việc quản lý danh mục chặt chẽ giúp Quỹ kịp thời nhận diện dấu hiệu rủi ro (như khách hàng trả chậm, vùng có dịch bệnh ảnh hưởng mùa màng...) để chủ động hỗ trợ khách hàng hoặc thu hồi nợ sớm, tránh tổn thất lớn. Tổng thể, giải pháp này sẽ cải thiện chất lượng tài sản có của Quỹ, là nền móng cho hiệu quả hoạt động tín dụng cao và bền vững.

3.2.3. Hoàn thiện cơ chế xử lý nợ xấu và quản lý rủi ro tín dụng

Lý do lựa chọn giải pháp: Mặc dù QTDND Ma Lâm hiện có tỷ lệ nợ xấu rất thấp, việc xây dựng một cơ chế xử lý nợ xấu hiệu quả và hệ thống quản trị rủi ro chủ động là không thể thiếu để bảo vệ thành quả và đối phó với những bất trắc trong tương lai. Kinh nghiệm từ hệ thống QTDND cho thấy rủi ro tín dụng có thể gia tăng nhanh chóng nếu lơ là: một số Quỹ tăng trưởng “nóng” đã bộc lộ nợ xấu vượt tầm kiểm soát. Hơn nữa, bản thân QTDND Ma Lâm trong giai đoạn khó khăn (ví dụ năm 2021) cũng phát sinh nợ xấu cao hơn bình thường, đòi hỏi các biện pháp cơ cấu lại kịp thời. Do đó, Quỹ cần một cơ chế bài bản để theo dõi, phân loại và xử lý các khoản nợ có vấn đề ngay từ sớm, giảm thiểu thiệt hại khi phát sinh nợ xấu. Ngoài ra, quy định pháp luật hiện hành (Thông tư 11/2021/TT-NHNN về quản lý rủi ro trong hoạt động tổ chức tín dụng Thông tư 02/2013/TT-NHNN về phân loại nợ và trích lập dự phòng, Thông tư 03/2023/TT-NHNN về cơ cấu lại thời hạn trả nợ...) yêu cầu các tổ chức tín dụng phải có hệ thống quản lý rủi ro và phương án xử lý nợ xấu đáp ứng tiêu chuẩn. Tuân thủ những quy định này sẽ giúp QTDND Ma

Lâm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng thông qua việc hạn chế tổn thất và tối ưu hóa thu hồi các khoản đã cho vay.

Nội dung giải pháp: Trước hết, Quỹ cần thiết lập một tổ (hoặc bộ phận) quản lý nợ xấu chuyên trách. Tổ này chịu trách nhiệm thường xuyên rà soát danh mục cho vay để phát hiện những khoản nợ có dấu hiệu bất thường (trả chậm, kỳ hạn cơ cấu lại, giá trị tài sản bảo đảm suy giảm...). Định kỳ hàng tháng, tổ phải lập báo cáo phân loại nợ theo 5 nhóm (nợ đủ tiêu chuẩn, cần chú ý, dưới tiêu chuẩn, nghi ngờ, có khả năng mất vốn) theo đúng tiêu chí Thông tư 02/2013/TT-NHNN và trình Ban giám đốc. Những khoản nợ nhóm 2 (cần chú ý) trở lên cần được theo dõi đặc biệt. Đối với mỗi khoản nợ xấu (nhóm 3-5), phải xây dựng hồ sơ theo dõi riêng, bao gồm: nguyên nhân phát sinh nợ xấu (chủ quan, khách quan), biện pháp đã thực hiện (nhắc nợ, gia hạn, khởi kiện...), tài sản bảo đảm hiện có và khả năng thu hồi. Từ đó, đề xuất phương án xử lý phù hợp cho từng khoản. Ví dụ, với khách hàng có thiện chí và khó khăn tạm thời, Quỹ có thể xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ (giãn nợ) theo Thông tư 03/2023/TT-NHNN để hỗ trợ họ vượt qua giai đoạn khó khăn. Việc cơ cấu phải tuân thủ đúng điều kiện (khách hàng bị giảm doanh thu do sự kiện bất khả kháng, có phương án trả nợ mới khả thi...) và được phê duyệt chặt chẽ nhằm tránh lợi dụng để che giấu nợ xấu. Trường hợp khách hàng mất khả năng trả nợ, Quỹ cần nhanh chóng chuyển nhóm nợ và thực hiện các biện pháp thu hồi: phát mại tài sản bảo đảm theo đúng thủ tục pháp luật (theo Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị định 21/2021/NĐ-CP về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ), hoặc khởi kiện ra tòa nếu cần thiết. Quỹ nên phối hợp chặt chẽ với cơ quan thi hành án, tòa án địa phương để đẩy nhanh quá trình xử lý tài sản và thu hồi nợ.

Song song, Quỹ phải xây dựng hệ thống quản trị rủi ro tín dụng chủ động. Điều này bao gồm: (1) Chính sách tín dụng thận trọng: thiết lập các giới hạn về mức cho vay theo ngành, lĩnh vực có rủi ro cao; giới hạn tỷ lệ cho vay không có tài sản bảo đảm; tiêu chí định lượng cho phép về tỷ lệ nợ xấu tối đa, v.v. Những giới hạn này đảm bảo Quỹ không mở rộng tín dụng quá mức vào các mảng rủi ro và có thể coi là “hàng rào” an toàn. (2) Quy trình đánh giá rủi ro định kỳ: Định kỳ (quý hoặc

bán niên), Quỹ tiến hành stress test (kiểm tra sức chịu đựng) danh mục tín dụng trước các kịch bản giả định (ví dụ lãi suất tăng 2%, giá nông sản giảm 10%, v.v.) để ước tính tác động đến tỷ lệ nợ xấu. Từ kết quả đó, Ban quản trị sẽ có điều chỉnh kịp thời trong chính sách cho vay (như thắt chặt điều kiện với ngành rủi ro cao). (3) Ứng dụng công nghệ trong cảnh báo sớm rủi ro: triển khai các tiện ích CNTT (ví dụ hệ thống theo dõi lịch sử trả nợ, tích điểm tín dụng nội bộ) để phát hiện sớm khách hàng có dấu hiệu xấu. Chẳng hạn, nếu một khách hàng chậm trả lãi 10 ngày, hệ thống sẽ cảnh báo cán bộ tín dụng phụ trách để làm việc với khách hàng ngay, tránh để chuyển thành nợ quá hạn. (4) Phân công rõ trách nhiệm quản lý rủi ro: Mỗi cán bộ tín dụng chịu trách nhiệm chất lượng tín dụng của danh mục khách hàng mình quản lý; trưởng phòng tín dụng chịu trách nhiệm chung trước Ban điều hành; đồng thời Ban kiểm soát nội bộ giám sát độc lập việc tuân thủ quy trình quản lý rủi ro. Thiết lập cơ chế báo động nội bộ khi các chỉ tiêu rủi ro vượt ngưỡng (ví dụ nợ nhóm 2 vượt 5% dư nợ, nợ xấu vượt 1%...) để toàn bộ hệ thống tập trung xử lý.

Ngoài ra, Quỹ cần tận dụng sự hỗ trợ của các đơn vị liên kết trong xử lý rủi ro. Cụ thể, phối hợp với Ngân hàng Hợp tác xã và Hiệp hội QTDND để cập nhật các kinh nghiệm, biện pháp xử lý nợ xấu hiệu quả mà các đơn vị khác đã áp dụng. Nếu có khoản nợ xấu lớn vượt khả năng tự xử lý, có thể đề xuất NHNN và Co-opBank hỗ trợ (thông qua Quỹ bảo toàn hoặc tái cấp vốn có điều kiện để cơ cấu lại khoản vay). Việc chia sẻ thông tin khách hàng xấu giữa các QTDND (thông qua trung tâm thông tin tín dụng CIC của NHNN) cũng rất cần thiết để tránh trường hợp một khách hàng bị nợ xấu ở Quỹ này nhưng vẫn vay ở Quỹ khác.

Điều kiện thực hiện: Để thực hiện tốt cơ chế này, nhân sự và hệ thống là yếu tố then chốt. Trước hết, QTDND Ma Lâm phải có đủ nhân lực có kỹ năng để đảm nhiệm công tác quản lý nợ xấu và rủi ro. Có thể bổ nhiệm một cán bộ chuyên trách (hoặc kiêm nhiệm nếu quy mô nhỏ) có kinh nghiệm về xử lý nợ làm tổ trưởng quản lý nợ xấu. Người này cần am hiểu pháp luật về tín dụng, quy trình tố tụng, xử lý tài sản bảo đảm để tham mưu các bước xử lý phù hợp. Thứ hai, về hệ thống, Quỹ cần đầu tư hoặc nâng cấp phần mềm quản lý khoản vay có tính năng phân loại nợ tự

động và theo dõi chi tiết từng khoản nợ xấu. Nếu chưa có, ít nhất phải duy trì file theo dõi Excel cập nhật hàng tuần về tình trạng từng khoản vay. Thứ ba, Quỹ cần dành một phần lợi nhuận hằng năm để trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ theo quy định (tối thiểu bằng mức yêu cầu của Thông tư 02/2013/TT-NHNN). Quỹ dự phòng đầy đủ sẽ tạo nguồn tài chính dự trữ để xử lý khi khoản vay không thu được, giúp bảo toàn vốn điều lệ. Tuy việc trích lập dự phòng làm giảm lợi nhuận trước mắt, nhưng về lâu dài lại là yếu tố đảm bảo an toàn tài chính. Thứ tư, cần hợp tác tốt với chính quyền địa phương và các cơ quan pháp luật: tranh thủ sự hỗ trợ của chính quyền trong việc vận động khách hàng trả nợ, cũng như phối hợp nhanh với tòa án, thi hành án khi xử lý nợ, tránh kéo dài gây mất mát tài sản. Cuối cùng, không thể thiếu sự giám sát của HĐQT: Hội đồng quản trị Quỹ cần thường xuyên chất vấn Ban điều hành về tình hình nợ xấu, đưa ra các nghị quyết chuyên đề khi tỷ lệ nợ xấu có chiều hướng tăng, đảm bảo cả bộ máy cùng vào cuộc quản lý rủi ro.

Tác động dự kiến: Với cơ chế xử lý nợ xấu và quản trị rủi ro chủ động, QTDND Ma Lâm sẽ luôn giữ được tỷ lệ nợ xấu ở mức rất thấp, thậm chí ngay cả khi môi trường kinh doanh bất lợi. Nợ quá hạn được kiểm soát tốt đồng nghĩa với nguồn vốn quay vòng nhanh, Quỹ không bị ứ đọng vốn ở các khoản khó đòi, từ đó có thêm nguồn lực để cho vay mới, nâng cao doanh số và thu nhập lãi. Việc xử lý kịp thời cũng giúp giảm chi phí theo đuổi nợ xấu (chi phí pháp lý, quản lý tài sản...) và tránh mất vốn. Một khi rủi ro tín dụng được kiểm chế, uy tín và xếp hạng của Quỹ trong hệ thống sẽ nâng lên, có lợi cho việc hợp tác với các tổ chức khác (ví dụ dễ nhận vốn hỗ trợ điều hòa từ Co-opBank nếu cần). Quan trọng hơn, thành viên và người gửi tiền sẽ yên tâm khi thấy Quỹ hoạt động an toàn, qua đó tiếp tục ủng hộ và sử dụng dịch vụ của Quỹ. Về dài hạn, cơ chế quản lý rủi ro hiệu quả sẽ tạo sức đề kháng cho QTDND Ma Lâm trước các cú sốc kinh tế (hạn hán, dịch bệnh, biến động thị trường...), giúp Quỹ không những trụ vững mà còn có thể tận dụng cơ hội (ví dụ khi ngân hàng thương mại thắt chặt cho vay thì Quỹ vẫn cho vay được do kiểm soát tốt rủi ro). Tóm lại, giải pháp này đảm bảo tính bền vững trong hiệu quả

hoạt động tín dụng của Quỹ, giảm thiểu khả năng đổ vỡ hoặc thua lỗ lớn do tín dụng gây ra.

3.2.4. Nâng cao năng lực quản trị và kiểm soát nội bộ của QTDND

Lý do lựa chọn giải pháp: Năng lực quản trị điều hành có ý nghĩa quyết định đến sự thành bại trong hoạt động của mọi tổ chức tín dụng, đặc biệt với QTDND là mô hình hợp tác xã tín dụng quy mô nhỏ nhưng tính chất hoạt động ngân hàng đầy đủ. Chương 2 đã đề cập một số hạn chế trong công tác quản trị tại QTDND Ma Lâm, chẳng hạn như hệ thống quy chế nội bộ chưa đầy đủ, phân định trách nhiệm chưa thật rõ ràng hoặc hoạt động kiểm soát nội bộ chưa sâu sát. Nếu những hạn chế này không được khắc phục, các giải pháp về chuyên môn tín dụng có thể không được thực thi triệt để, thậm chí rủi ro đạo đức có thể phát sinh (ví dụ phê duyệt cho vay không đúng quy định). Thực tiễn hệ thống QTDND đã ghi nhận một số trường hợp lãnh đạo Quỹ yếu kém dẫn đến vi phạm pháp luật và gây mất an toàn Quỹ. Ngược lại, những Quỹ hoạt động tốt thường đi đôi với Ban quản trị, Ban điều hành có năng lực, tâm huyết và hệ thống kiểm soát nội bộ vững mạnh. Do vậy, nâng cao năng lực quản trị và kiểm soát nội bộ tại QTDND Ma Lâm là yêu cầu cấp thiết để đảm bảo các mục tiêu chiến lược được triển khai hiệu quả và phòng ngừa rủi ro hệ thống. Bên cạnh đó, pháp luật (Luật Các tổ chức tín dụng, Thông tư 13/2018/TT-NHNN về hệ thống kiểm soát nội bộ tại tổ chức tín dụng¹⁴) cũng đặt ra những chuẩn mực tối thiểu về quản trị mà Quỹ phải đáp ứng (như cơ cấu tổ chức, chức năng của HĐQT, Ban kiểm soát, quy tắc ứng xử của người quản lý...). Việc nâng cao quản trị giúp QTDND Ma Lâm tuân thủ các chuẩn mực này, tránh bị xếp loại yếu kém hay bị áp dụng biện pháp xử lý của NHNN.

Nội dung giải pháp: Trước hết, cần kiện toàn cơ cấu tổ chức và quy chế quản trị nội bộ của QTDND Ma Lâm. Hội đồng quản trị (HĐQT) Quỹ cần rà soát lại các quy định nội bộ hiện hành, bao gồm Điều lệ Quỹ, quy chế cho vay, quy chế tài

¹⁴ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018, Điều 4, Điều 5.

chính, quy trình kiểm toán nội bộ, v.v. Những văn bản nào chưa đầy đủ hoặc lạc hậu so với luật mới phải được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới. Chẳng hạn, cập nhật Điều lệ để phù hợp Luật Các tổ chức tín dụng 2024 về nhiệm kỳ, số lượng thành viên HĐQT, quyền hạn của Ban kiểm soát; ban hành quy định phân cấp phán quyết tín dụng mới nếu hạn mức phán quyết cũ không còn phù hợp với quy mô vốn hiện nay. Mọi quy định nội bộ cần đảm bảo phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn giữa HĐQT (định hướng chiến lược, phê duyệt các chính sách lớn), Ban Điều hành (quản lý hàng ngày và chịu trách nhiệm kết quả kinh doanh), Ban Kiểm soát (giám sát độc lập hoạt động Quỹ) và các phòng ban nghiệp vụ. Tránh tình trạng chồng chéo hoặc bỏ trống trách nhiệm dẫn đến thiếu kiểm soát.

Tiếp theo, chú trọng nâng cao vai trò và năng lực của HĐQT và Ban Kiểm soát. HĐQT cần phát huy vai trò định hướng chiến lược, giám sát việc thực hiện mục tiêu do Đại hội thành viên đề ra. Các quyết sách quan trọng về tín dụng (ví dụ thay đổi lãi suất cho vay, phê duyệt cho vay vượt một tỷ lệ nào đó so với vốn tự có) cần được thảo luận kỹ lưỡng và thông qua biểu quyết HĐQT, đảm bảo tính dân chủ và tuân thủ tôn chỉ “tương trợ” của QTDND. Thành viên HĐQT nên được tạo điều kiện tham gia các khóa bồi dưỡng về quản trị ngân hàng, quản trị rủi ro do NHNN hoặc Hiệp hội tổ chức để nâng cao hiểu biết và kỹ năng lãnh đạo. Ban Kiểm soát (BKS) của Quỹ phải thực sự phát huy chức năng kiểm tra, giám sát độc lập. BKS nên xây dựng chương trình kiểm tra định kỳ hàng quý, trong đó kiểm tra chọn mẫu một số hồ sơ tín dụng, kiểm tra quỹ tiền mặt, đối chiếu công nợ, xác suất để kịp thời phát hiện sai sót hoặc gian lận (nếu có). Kết quả kiểm tra được báo cáo trước HĐQT và Đại hội thành viên, đồng thời kiến nghị các biện pháp chấn chỉnh cụ thể. Nếu năng lực BKS còn hạn chế, Quỹ có thể cân nhắc thuê kiểm toán độc lập hàng năm để bổ sung một kênh đánh giá nữa về tính lành mạnh của hoạt động.

Tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ: Ban điều hành QTDND Ma Lâm cần thiết lập một hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB) hữu hiệu đáp ứng các tiêu chí của Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Hệ thống này bao gồm môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin-truyền thông và giám sát. Cụ thể, Quỹ

phải có các quy trình kiểm soát cho từng hoạt động chính: ví dụ kiểm soát kép trong duyệt chi tiền (một người lập phiếu, một người phê duyệt, một người chi tiền), kiểm soát đối chiếu quỹ cuối ngày, kiểm soát tuân thủ quy trình cho vay như đã nêu ở mục 3.2.2... Mỗi nhân viên cần hiểu rõ kiểm soát nội bộ không chỉ là trách nhiệm của Ban kiểm soát, mà là của mọi cấp trong tổ chức. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp đề cao tính trung thực, minh bạch và tinh thần trách nhiệm. Bên cạnh kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro doanh nghiệp cũng nên được chú ý: Quỹ có thể lập danh sách các rủi ro hoạt động (operational risks) như rủi ro công nghệ, rủi ro pháp lý, rủi ro đạo đức... và có phương án dự phòng (ví dụ dự phòng CNTT khi mất điện, kế hoạch nhân sự thay thế khi cán bộ chủ chốt nghỉ việc đột xuất).

Ngoài ra, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị cũng rất hữu ích: sử dụng phần mềm nhân sự để quản lý chấm công, phép, đánh giá hiệu quả nhân viên một cách khách quan; phần mềm kế toán để kiểm soát chi phí, doanh thu theo thời gian thực; phần mềm quản lý văn bản để đảm bảo các chỉ đạo của HĐQT được truyền đạt đầy đủ và lưu trữ hệ thống. Những điều này giúp giảm sai sót do con người và tăng tính minh bạch, hiệu quả trong điều hành¹⁵.

Điều kiện thực hiện: Nâng cao quản trị đòi hỏi trước hết sự quyết tâm từ ban lãnh đạo cao nhất. HĐQT và Giám đốc Quỹ phải nhận thức rõ tầm quan trọng của việc củng cố quản trị, từ đó dành thời gian và nguồn lực thích đáng cho công tác này (ví dụ họp HĐQT thường xuyên hơn, mời chuyên gia tư vấn cải tiến quản trị nếu cần). Quỹ có thể tham khảo mô hình quản trị của các QTDND xuất sắc (những quỹ được NHNN xếp hạng A nhiều năm liền) để học hỏi. Thêm vào đó, cần đầu tư cho đào tạo quản trị: cử cán bộ quản lý tham gia các lớp về quản trị ngân hàng, kiểm toán nội bộ, quản trị công ty. Nếu nhân sự hiện tại của BKS chưa đủ trình độ, có thể mạnh dạn mời nhân sự mới có chuyên môn (ví dụ người từng làm kiểm toán ngân hàng nghỉ hưu tại địa phương) tham gia Ban kiểm soát nhằm nâng cao chất

¹⁵ Thông tư số 19/2022/TT-NHNN, ngày 28/12/2022, Điều 6.

lượng. Về hệ thống KSNB, Quỹ cần xây dựng cảm nang hoặc sổ tay KSNB, trong đó mô tả các quy trình kiểm soát chính và phổ biến đến từng nhân viên. Thiết lập kênh thông tin để nhân viên có thể phản ánh những bất cập trong vận hành (có thể ẩn danh) nhằm giúp lãnh đạo phát hiện vấn đề về kiểm soát. Bên cạnh đó, kinh phí cho hoạt động kiểm soát nội bộ cũng phải được đảm bảo: ví dụ kinh phí kiểm toán nội bộ, mua sắm phần mềm quản lý, trả lương tương xứng cho cán bộ kiểm soát để họ yên tâm công tác.

Tác động dự kiến: Khi năng lực quản trị điều hành và kiểm soát nội bộ được nâng cao, hiệu quả hoạt động tín dụng sẽ được hỗ trợ một cách gián tiếp nhưng mạnh mẽ. Quỹ sẽ có một bộ máy vận hành trơn tru, minh bạch, các quyết định tín dụng được đưa ra nhanh nhưng vẫn cân trọng nhờ có hệ thống quy định rõ ràng và giám sát chặt chẽ. Rủi ro gian lận, thất thoát trong hoạt động cho vay (như lập hồ sơ không, dùng tiền sai mục đích...) giảm thiểu, giúp bảo toàn tài sản. Một cơ cấu quản trị tốt cũng giúp Quỹ phản ứng nhanh trước thay đổi môi trường: HĐQT có tầm nhìn chiến lược sẽ định hướng kịp thời khi thị trường có biến động (ví dụ chủ động điều chỉnh cơ cấu tín dụng khi lãi suất biến động hoặc đối thủ cạnh tranh thay đổi chính sách). Về uy tín, QTDND Ma Lâm sẽ được đánh giá cao bởi cơ quan quản lý và thành viên nếu chứng tỏ được quản trị minh bạch, dân chủ-đây là yếu tố then chốt tạo niềm tin cho người gửi tiền. Ngoài ra, hiệu quả làm việc của nhân viên cũng tăng khi họ làm việc trong hệ thống có kỷ luật, có hướng dẫn rõ ràng, biết trách nhiệm và quyền hạn của mình; từ đó họ đóng góp tốt hơn vào kết quả chung, cụ thể là phục vụ khách hàng hiệu quả hơn. Tóm lại, giải pháp quản trị sẽ tạo bệ đỡ để các giải pháp nghiệp vụ (3.2.1 đến 3.2.3) triển khai thành công, đồng thời ngăn ngừa các rủi ro tiềm ẩn, đảm bảo sự phát triển ổn định dài hạn của QTDND Ma Lâm.

3.2.5. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực của QTDND Ma Lâm

Lý do lựa chọn giải pháp: Nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi quyết định chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động của QTDND. Đối với QTDND Ma Lâm, đội

ngũ cán bộ nhân viên không những phải am hiểu nghiệp vụ tín dụng ngân hàng mà còn cần gắn bó với địa bàn, thấu hiểu thành viên. Chương 2 đã đánh giá năng lực nhân sự của Quỹ còn hạn chế ở một số mặt, như thiếu nhân sự có trình độ cao về phân tích tài chính, công nghệ thông tin; công tác đào tạo chưa thường xuyên, chế độ đãi ngộ chưa thật sự cạnh tranh so với các ngân hàng khác trên địa bàn. Nếu không đầu tư phát triển nguồn nhân lực, Quỹ khó có thể thực hiện hiệu quả các giải pháp chuyên môn đã đề ra, bởi mọi quy trình, công nghệ suy cho cùng đều do con người vận hành. Hơn nữa, trong bối cảnh cạnh tranh nhân lực ngành ngân hàng khá gay gắt, các ngân hàng thương mại thường thu hút nhân sự giỏi bằng lương cao, QTDND nếu không có chiến lược giữ chân người tài sẽ bị chảy máu chất xám, gây ảnh hưởng dài hạn. Vì vậy, cần thiết phải triển khai các giải pháp phát triển nguồn nhân lực một cách toàn diện: từ tuyển dụng, đào tạo, sử dụng đến đãi ngộ, xây dựng môi trường làm việc. Một đội ngũ nhân sự chất lượng sẽ giúp nâng cao hiệu suất công việc, sáng tạo trong hoạt động tín dụng và phục vụ thành viên tốt hơn, qua đó tăng hiệu quả tín dụng. Đồng thời, việc tuân thủ các quy định pháp luật về lao động (Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội...) trong quá trình sử dụng lao động sẽ giúp Quỹ tránh tranh chấp lao động, tạo sự an tâm cho nhân viên và hình ảnh văn minh của tổ chức.

Nội dung giải pháp:

Thứ nhất, đánh giá và quy hoạch nhân sự: QTDND Ma Lâm cần tiến hành rà soát, phân loại cán bộ nhân viên hiện có theo các tiêu chí như trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, kỹ năng và hiệu quả công việc. Dựa trên đánh giá này, Quỹ xác định những vị trí còn thiếu hoặc yếu (ví dụ: thiếu cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, cán bộ pháp chế; hay một số cán bộ tín dụng cần bổ sung kiến thức phân tích kinh doanh). Từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo và tuyển dụng phù hợp. Đối với nhân sự tại chỗ, lập kế hoạch đào tạo ngắn hạn (dưới 1 năm) và dài hạn (1-3 năm) cho từng nhóm: chẳng hạn, cán bộ tín dụng đào tạo thêm về thẩm định dự án; kế toán đào tạo cập nhật chế độ kế toán mới; thủ quỹ, giao dịch viên đào tạo về kỹ năng khách hàng. Còn với những mảng thiếu nhân lực (như CNTT), cần đưa vào kế

hoạch tuyển dụng nhân sự mới có chuyên môn tương ứng hoặc luân chuyển nội bộ nếu có người phù hợp. Quỹ cũng nên tính đến kế hoạch kế nhiệm cho các vị trí chủ chốt (Giám đốc, Trưởng phòng tín dụng...) để phòng trường hợp cán bộ nghỉ hưu hoặc chuyển công tác, để hoạt động không bị gián đoạn.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng: Trên cơ sở kế hoạch, Quỹ triển khai các chương trình đào tạo cụ thể. Có thể kết hợp nhiều hình thức: đào tạo nội bộ (lãnh đạo hoặc cán bộ giỏi kèm cặp hướng dẫn đồng nghiệp, tổ chức buổi chia sẻ kinh nghiệm ngay tại Quỹ), đào tạo bên ngoài (cử người tham dự các khóa học do NHNN, Co-opBank, Học viện Ngân hàng, v.v. tổ chức). Nội dung đào tạo cần bám sát nhu cầu thực tiễn và định hướng phát triển của Quỹ. Chẳng hạn, trong bối cảnh Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và nhiều quy định mới có hiệu lực, Quỹ nên cho toàn thể cán bộ tham dự lớp cập nhật kiến thức pháp luật về tín dụng, đảm bảo mọi người hiểu đúng và áp dụng thống nhất. Đối với cán bộ lãnh đạo và nguồn quy hoạch, chú trọng bồi dưỡng kỹ năng quản trị chiến lược, quản lý rủi ro để chuẩn bị cho họ năng lực gánh vác trọng trách cao hơn. Bên cạnh kiến thức chuyên môn, cũng cần đào tạo các kỹ năng mềm như giao tiếp khách hàng, tư vấn tài chính, xử lý tình huống-những kỹ năng này giúp nâng cao chất lượng phục vụ và tạo sự khác biệt của Quỹ so với ngân hàng lớn (Quỹ gần gũi, tận tình hơn). Để khuyến khích học tập, Quỹ có thể hỗ trợ một phần chi phí và thời gian cho nhân viên tự học các chứng chỉ nghề nghiệp (ví dụ: chứng chỉ tín dụng, kế toán viên, tin học nâng cao). Kết quả đào tạo cần được đánh giá thông qua kiểm tra cuối khóa hoặc theo dõi sự tiến bộ trong công việc, đảm bảo việc học thực sự đem lại kỹ năng mới áp dụng vào hoạt động tín dụng.

Thứ ba, cải thiện chế độ đãi ngộ và môi trường làm việc: Một trong những yếu tố quan trọng giữ chân nhân tài là chế độ lương thưởng và phúc lợi. QTDND Ma Lâm nên xem xét xây dựng chính sách lương, thưởng cạnh tranh so với mặt bằng trên địa bàn. Mức lương có thể chưa bằng ngân hàng thương mại lớn, nhưng cần tương xứng với hiệu quả công việc và đảm bảo cuộc sống ổn định cho nhân viên. Định kỳ khảo sát mức lương trên thị trường địa phương để điều chỉnh cho phù

hợp, tránh để nhân viên giỏi rời đi chỉ vì thu nhập. Bên cạnh lương, áp dụng thưởng hiệu suất: ví dụ thưởng cuối năm dựa trên kết quả hoàn thành chỉ tiêu huy động, cho vay; thưởng nóng khi thu hồi được nợ xấu khó đòi; thưởng sáng kiến cải tiến quy trình. Về phúc lợi, Quỹ có thể bổ sung các chế độ như hỗ trợ chi phí học tập (nếu nhân viên học cao học, lớp ngắn hạn), mua bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên ngoài bảo hiểm y tế bắt buộc, hỗ trợ tài chính khi gia đình nhân viên gặp khó khăn, v.v... Đồng thời, quan tâm đời sống tinh thần: tổ chức du lịch, sinh hoạt tập thể, động viên khen thưởng kịp thời những đóng góp của nhân viên. Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở: khuyến khích cán bộ đề xuất ý tưởng cải tiến sản phẩm dịch vụ, quy trình làm việc; lắng nghe phản hồi của nhân viên về chính sách Quỹ. Khi nhân viên cảm thấy được coi trọng và có cơ hội phát triển, họ sẽ gắn bó và cống hiến nhiều hơn.

Thứ tư, tuân thủ pháp luật về lao động: Trong quá trình quản trị nhân sự, Quỹ phải đảm bảo các quyền lợi cơ bản của người lao động theo quy định (hợp đồng lao động rõ ràng, đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, giờ làm việc, nghỉ phép, chế độ thai sản...). Điều này không chỉ để tránh các rắc rối pháp lý, mà còn thể hiện uy tín của Quỹ đối với nhân viên. Quỹ cũng nên phổ biến Bộ luật Lao động 2019 và các quy định liên quan cho cán bộ quản lý để thực hiện đúng (ví dụ quy định về làm thêm giờ, kỷ luật lao động). Một khía cạnh khác là văn hóa kỷ luật: áp dụng nội quy lao động nghiêm minh nhưng nhân văn, tạo thói quen đúng giờ, tuân thủ quy trình ở mọi cấp nhưng không tạo áp lực bất hợp lý. Nếu nhân viên vi phạm, xử lý theo quy trình kỷ luật công bằng; nếu có thành tích xuất sắc, biểu dương công khai. Có như vậy, đội ngũ nhân sự của Quỹ mới hoạt động đồng bộ, hiệu quả và gắn kết lâu dài.

Điều kiện thực hiện: Phát triển nhân lực đòi hỏi nguồn lực tài chính và thời gian, do đó Quỹ cần bố trí ngân sách phù hợp cho hoạt động này. Một tỷ lệ nhất định trên tổng chi phí (ví dụ 2-5%) nên dành cho đào tạo và phát triển nhân viên mỗi năm-coi đây là khoản đầu tư cho tương lai hơn là chi phí. Ngoài ra, sự cam kết của lãnh đạo rất quan trọng: Ban lãnh đạo phải coi trọng công tác cán bộ, trực tiếp tham gia định hướng và theo dõi kế hoạch đào tạo. Nên giao trách nhiệm cho phòng

hành chính-nhân sự (hoặc người phụ trách nhân sự) lập kế hoạch và tổ chức thực hiện, báo cáo kết quả định kỳ. Trong quá trình thực hiện, có thể gặp thách thức như thiếu thời gian (do nhân sự ít phải kiêm nhiều việc)-Quỹ cần sắp xếp lịch hoạt động hợp lý để vẫn đào tạo mà không ảnh hưởng công việc (ví dụ luân phiên cử người đi học, hoặc tổ chức học vào cuối tuần nếu có thể). Về tài chính, nếu lợi nhuận hạn chế, Quỹ có thể tìm kiếm hỗ trợ từ các dự án, tổ chức: hiện nay Hiệp hội QTDND và Ngân hàng Hợp tác thường có các chương trình hỗ trợ đào tạo, hoặc các dự án quốc tế như STEP trước đây cũng đã hỗ trợ nhiều về nâng cao năng lực cán bộ QTDND. Tích cực tham gia các chương trình này sẽ giảm gánh nặng chi phí cho Quỹ. Cuối cùng, đo lường hiệu quả sau mỗi giai đoạn là cần thiết: ví dụ, sau 1 năm triển khai, đánh giá tỷ lệ nhân viên đạt chứng chỉ, tỷ lệ nghỉ việc có giảm không, sự hài lòng của nhân viên qua khảo sát nội bộ... Từ đó điều chỉnh giải pháp cho phù hợp thực tế.

Tác động dự kiến: Với một đội ngũ nhân sự được đào tạo tốt, làm việc hăng hái và gắn bó, QTDND Ma Lâm sẽ có những bước chuyển biến tích cực rõ rệt trong hoạt động tín dụng. Trước hết, chất lượng phục vụ khách hàng được nâng cao: cán bộ tín dụng có kiến thức sẽ tư vấn phương án vay tối ưu cho thành viên, xử lý hồ sơ nhanh nhẹn; giao dịch viên thân thiện và chuyên nghiệp tạo thiện cảm với người gửi tiền. Điều này thu hút thêm khách hàng đến với Quỹ, mở rộng thị phần tín dụng và huy động. Thứ hai, hiệu suất lao động tăng lên: cùng một khối lượng công việc nhưng làm trong thời gian ngắn hơn hoặc làm được nhiều việc hơn, nhờ ứng dụng các kỹ năng và công nghệ mới học được. Kết quả là chi phí hoạt động trên một đồng vốn huy động hoặc dư nợ cho vay giảm, cải thiện tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR) của Quỹ. Thứ ba, nguồn nhân lực mạnh giúp sáng tạo sản phẩm dịch vụ mới: nhân viên có thể đề xuất những ý tưởng như phát triển dịch vụ thu hộ, chi hộ cho thành viên, hay triển khai gói cho vay linh hoạt... tạo thêm nguồn thu nhập ngoài lãi. Một ví dụ thực tiễn, nhiều QTDND cơ sở trước đây chỉ biết huy động và cho vay truyền thống, nhưng sau khi cán bộ được tập huấn về marketing đã chủ động quảng bá, kết nối được nhiều thành viên hơn. Tương tự, Quỹ Ma Lâm có thể tận dụng kiến thức

mới để nâng cao uy tín (nêu ở mục 3.2.6) và ứng dụng công nghệ (mục 3.2.7). Cuối cùng, một tập thể nhân viên đoàn kết, thạo việc sẽ giảm tải đáng kể cho lãnh đạo, giúp Ban giám đốc có thời gian tập trung vào hoạch định chiến lược thay vì phải xử lý sự vụ hằng ngày. Đây chính là nền tảng cho phát triển bền vững: nhân sự vững- hoạt động tín dụng hiệu quả và ổn định.

3.2.6 Nâng cao uy tín và năng lực cạnh tranh của Quỹ tín dụng

Lý do lựa chọn giải pháp: Uy tín của QTDND Ma Lâm trên thị trường địa phương quyết định khả năng thu hút thành viên, người gửi tiền và khách hàng vay vốn. Dù Quỹ hoạt động theo mô hình hợp tác xã, nhưng trong môi trường cạnh tranh hiện nay, QTDND cũng phải cạnh tranh với các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng khác để giữ và mở rộng thị phần. Chương 2 chỉ ra rằng Quỹ đã đạt được một số thành tựu và được khen thưởng ở địa phương, tuy nhiên mức độ nhận biết của người dân về Quỹ có thể còn hạn chế so với ngân hàng lớn. Bên cạnh đó, như đã phân tích, nhiều QTDND hiện nay rơi vào tình trạng dư thừa vốn huy động do khó cho vay, một phần nguyên nhân là chưa tiếp cận được hết nhu cầu tiềm năng trong cộng đồng. Để giải quyết, Quỹ cần đẩy mạnh các hoạt động nâng cao uy tín, quảng bá hình ảnh và phát triển thành viên. Một quỹ tín dụng có uy tín cao sẽ tạo được lòng tin, từ đó người dân an tâm gửi tiền và vay vốn; uy tín cũng là “thương hiệu” giúp Quỹ khác biệt trong mắt khách hàng trước các đối thủ cạnh tranh. Ngoài ra, nâng cao năng lực cạnh tranh không chỉ là về lãi suất, sản phẩm, mà còn ở chất lượng dịch vụ, sự thấu hiểu khách hàng-những điểm mạnh vốn có của QTDND cần được phát huy. Trong bối cảnh có nhiều ngân hàng hiện diện gần khu vực Quỹ, nếu không cải thiện lợi thế cạnh tranh, QTDND Ma Lâm có nguy cơ mất dần khách hàng về tay đối thủ. Do đó, giải pháp tập trung vào uy tín và cạnh tranh là mảnh ghép quan trọng để đảm bảo hiệu quả hoạt động tín dụng được duy trì và mở rộng.

Nội dung giải pháp:

Trước hết, QTDND Ma Lâm phải thể hiện cam kết tuân thủ các chuẩn mực hoạt động minh bạch, an toàn nhằm tạo dựng niềm tin. Cụ thể, Quỹ cần công khai

minh bạch thông tin đến thành viên và khách hàng: công bố đầy đủ báo cáo tài chính năm đã kiểm toán trong Đại hội thành viên, thông báo rõ ràng về lãi suất huy động, cho vay, các loại phí... Việc minh bạch giúp thành viên thấy Quỹ hoạt động hiệu quả, đúng pháp luật và không có khuất tất. Thực hiện đúng và đủ các cam kết tài chính với thành viên: trả lãi tiền gửi đúng hạn, tạo điều kiện cho thành viên rút vốn góp khi chấm dứt tư cách theo đúng Điều lệ, hỗ trợ khó khăn tạm thời cho thành viên (như khoan nợ, giãn nợ khi thiên tai) một cách công khai, công bằng. QTDND Ma Lâm cũng nên mở rộng cánh cửa kết nạp thành viên mới, không hạn chế vô lý bất cứ ai trên địa bàn có nhu cầu và đủ điều kiện theo Điều lệ, bởi thành viên chính là khách hàng và là “đồng chủ sở hữu”-phát triển thành viên là phát triển Quỹ.

Thứ hai, nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng theo hướng chuyên nghiệp và tận tâm. Quỹ có thể áp dụng phương châm phục vụ như đã nêu trong định hướng là “tận tâm phục vụ, nhiệt tình chia sẻ”. Mọi giao dịch với khách hàng cần được thực hiện nhanh chóng, chính xác; cán bộ nhân viên giao tiếp lịch sự, thân thiện, sẵn sàng tư vấn. Đặc biệt, do đặc thù thành viên phần lớn là người dân địa phương, Quỹ nên duy trì văn hóa gần gũi, hiểu biết hoàn cảnh từng khách hàng để có thể hỗ trợ phù hợp (ví dụ biết hộ nông dân nào sắp vào vụ thu hoạch để nhắc nợ đúng lúc dòng tiền về, hay thăm hỏi gia đình thành viên gặp khó khăn). Song song, đa dạng hóa sản phẩm tín dụng và dịch vụ tài chính để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao. Ngoài các khoản vay truyền thống, Quỹ có thể nghiên cứu triển khai thêm sản phẩm như cho vay tiêu dùng nhỏ lẻ, cho vay trả góp linh hoạt, hoặc các dịch vụ tiện ích như thu hộ tiền điện nước cho thành viên (những thứ này tăng sự gắn kết khách hàng, cho thấy Quỹ phục vụ nhiều mặt của đời sống). Tuy nhiên, mọi sản phẩm mới phải trong khuôn khổ pháp luật cho phép và được NHNN chấp thuận nếu cần.

Thứ ba, tăng cường công tác tiếp thị, tuyên truyền phát triển thành viên. Kinh nghiệm nhiều QTDND cho thấy, việc đến gần dân, sát dân để tuyên truyền về vai trò Quỹ rất hiệu quả trong thu hút thành viên mới. QTDND Ma Lâm nên phân công

cán bộ phụ trách địa bàn, thường xuyên đi cơ sở (từng thôn/xóm, khu phố) gặp gỡ người dân, giới thiệu về các sản phẩm tín dụng, lãi suất của Quỹ và lắng nghe nhu cầu của họ. Đặc biệt, tập trung vào các hộ kinh doanh nhỏ, hộ nông dân có tiềm năng nhưng chưa tiếp cận dịch vụ ngân hàng-đây là đối tượng phù hợp để trở thành thành viên và vay vốn Quỹ (vì ngân hàng lớn thường ít cho vay khoản nhỏ lẻ). Kết hợp với chính quyền thôn/xã tổ chức các buổi tọa đàm, sinh hoạt lồng ghép giới thiệu về QTDND, chia sẻ những câu chuyện thành công của thành viên vay vốn để tạo sự tin tưởng lan tỏa. Ngoài kênh trực tiếp, có thể sử dụng truyền thông địa phương: ví dụ, đặt biển hiệu tại trụ sở và các điểm giao dịch phụ (nếu có) với thông điệp ngắn gọn về sứ mệnh Quỹ; phát tờ rơi tại chợ phiên, trung tâm huyện; viết bài trên bản tin huyện về đóng góp của Quỹ cho phát triển kinh tế xã hội địa phương. Việc xây dựng thương hiệu QTDND Ma Lâm nên gắn liền với hình ảnh một tổ chức tài chính cộng đồng đáng tin cậy, vì lợi ích của thành viên, góp phần đẩy lùi tín dụng đen¹⁶. Có thể nhấn mạnh vai trò của Quỹ trong các phong trào phát triển nông thôn mới, hỗ trợ vốn cho thanh niên khởi nghiệp... để người dân hiểu rõ giá trị Quỹ mang lại.

Thứ tư, duy trì và phát triển các mối quan hệ đối tác nhằm nâng cao vị thế của Quỹ. QTDND Ma Lâm cần gắn kết chặt chẽ trong hệ thống: tuân thủ nguyên tắc liên kết hệ thống với Ngân hàng Hợp tác (gửi tiền nhàn rỗi vào NHHT thay vì tổ chức khác), tích cực tham gia sinh hoạt Hiệp hội QTDND tỉnh Bình Thuận. Qua đó, Quỹ vừa nâng cao uy tín (vì được nhìn nhận là thành viên tích cực của hệ thống), vừa có thêm sự hỗ trợ khi cần (ví dụ nhờ NHHTX hỗ trợ thanh khoản, nhờ hiệp hội tư vấn pháp lý...). Ngoài hệ thống, Quỹ có thể hợp tác với các tổ chức đoàn thể địa phương (Hội nông dân, Hội phụ nữ) để triển khai các chương trình cho vay theo nhóm hộ, qua đó mở rộng tiếp cận khách hàng. Những hoạt động cộng đồng như tài trợ nhỏ cho chương trình khuyến học, xây nhà tình thương... trong khả năng tài chính cũng giúp nâng cao hình ảnh Quỹ trong mắt công chúng.

¹⁶ Nguyễn Minh Kiều (2020), Quản trị ngân hàng thương mại, NXB Tài Chính, tr 272.

Điều kiện thực hiện: Để nâng cao uy tín và cạnh tranh, yếu tố quan trọng là sự nhất quán trong hoạt động và nguồn lực dành cho marketing. Trước hết, Quỹ phải đảm bảo thực thi đúng những gì đã cam kết với thành viên, tức là duy trì chất lượng hoạt động ổn định. Không để xảy ra các sự cố mất tiền, mất thanh khoản, hay xung đột lợi ích giữa Quỹ và thành viên, vì chỉ một vụ việc tiêu cực cũng có thể làm xói mòn niềm tin xây dựng lâu nay. Thứ hai, cần đào tạo kỹ năng giao tiếp, chăm sóc khách hàng cho nhân viên (liên hệ với giải pháp 3.2.5), bởi nhân viên chính là “đại sứ thương hiệu” khi tiếp xúc hằng ngày với khách. Thứ ba, QTDND Ma Lâm nên dành một khoản ngân sách cho hoạt động tiếp thị, tuyên truyền (có thể trích từ quỹ phúc lợi, quỹ marketing nếu có). Tuy nguồn lực hạn chế, nhưng những hoạt động nhỏ hiệu quả như in tờ rơi, tổ chức hội thảo khách hàng... rất đáng để đầu tư. Có thể xin phép NHNN chi nhánh để mở rộng thêm điểm giao dịch lưu động ở các xã chưa có (nếu luật cho phép) nhằm tăng sự hiện diện. Thứ tư, theo dõi phản hồi của khách hàng: thiết lập sổ góp ý hoặc khảo sát sự hài lòng của thành viên hàng năm, qua đó biết được điểm nào Quỹ còn yếu để cải thiện (ví dụ nhiều người phản nản thủ tục phức tạp thì phải đơn giản hóa). Bên cạnh đó, Quỹ cần linh hoạt trong cạnh tranh về lãi suất và sản phẩm: thường xuyên so sánh lãi suất của mình với các ngân hàng trên địa bàn, nếu quá cao hoặc quá thấp đều điều chỉnh cho phù hợp với định hướng (cao quá khó cạnh tranh cho vay, thấp quá khó huy động vốn). Tương tự, nếu ngân hàng có sản phẩm mới (như cho vay qua thẻ, qua mobile app) thì Quỹ cũng nghiên cứu áp dụng ở mức độ phù hợp (kết hợp giải pháp CNTT).

Tác động dự kiến: Khi uy tín của QTDND Ma Lâm được nâng cao, cộng đồng địa phương sẽ coi Quỹ là lựa chọn hàng đầu khi có nhu cầu tài chính. Điều này có thể đo lường qua sự gia tăng số lượng thành viên năm sau cao hơn năm trước, tiền gửi huy động tăng trưởng ổn định (phản ánh niềm tin gửi tiền), và dư nợ cho vay mở rộng vì nhiều người tìm đến Quỹ vay vốn thay vì tìm đến tín dụng phi chính thức. Với chiến lược nâng cao năng lực cạnh tranh, Quỹ có thể giữ chân khách hàng hiện hữu trước sự chèo kéo của ngân hàng lớn, đồng thời chiếm lĩnh thêm những phân khúc thị trường ngách mà ngân hàng chưa vươn tới (như cho vay

các hộ tiểu thương nhỏ lẻ). Thương hiệu QTDND Ma Lâm được củng cố sẽ mang lại lợi thế lâu dài: chi phí cho hoạt động huy động sẽ giảm vì người dân tự tìm đến gửi tiền (thay vì phải tăng lãi suất để hút vốn); mặt khác, Quỹ có thể cho vay với lãi suất hợp lý mà thành viên vẫn chấp nhận vì tin tưởng dịch vụ và muốn ủng hộ Quỹ. Đặc biệt, uy tín cao sẽ giúp Quỹ đứng vững trong giai đoạn khó khăn: chẳng hạn, nếu kinh tế suy thoái chung, người gửi tiền có xu hướng rút về ngân hàng lớn, nhưng nếu Quỹ tạo niềm tin mạnh, thành viên sẽ tiếp tục gắn bó, tránh được hiện tượng rút vốn ồ ạt. Tóm lại, giải pháp này bổ trợ cho các giải pháp khác ở chỗ: Quỹ càng uy tín, càng dễ triển khai các kế hoạch nâng cao hiệu quả tín dụng do có sự đồng thuận và ủng hộ từ cộng đồng thành viên.

3.2.7. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tín dụng

Lý do lựa chọn giải pháp: Cuộc cách mạng số đang làm thay đổi căn bản phương thức hoạt động của ngành ngân hàng. Đối với QTDND Ma Lâm, việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào hoạt động tín dụng không chỉ giúp tăng hiệu quả quản lý, giảm chi phí vận hành mà còn nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp tới thành viên. Hiện nay, nhiều ngân hàng đã cung cấp dịch vụ trực tuyến, thanh toán không tiền mặt phát triển nhanh; nếu QTDND vẫn làm việc thủ công, hồ sơ giấy, bắt khách hàng đến tận quầy giao dịch sẽ dần mất sức hút. Hơn nữa, ứng dụng CNTT giúp Quỹ kiểm soát rủi ro tốt hơn nhờ các hệ thống cảnh báo sớm, phân tích dữ liệu. Thực tế cho thấy, ngân hàng số là lực đẩy quan trọng cho sự phát triển bền vững của hệ thống QTDND trong tương lai. Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam đã và đang mở rộng kết nối chuyển giao dịch vụ ngân hàng điện tử (như hệ thống thanh toán CF-eBank) tới các QTDND đủ điều kiện, đây là cơ hội để QTDND Ma Lâm bắt kịp xu thế và nâng cao năng lực cạnh tranh. Nếu Quỹ chỉ cung ứng các sản phẩm tín dụng truyền thống mà không hiện đại hóa dịch vụ, thì ngay cả việc duy trì hoạt động ổn định cũng khó khăn, chưa nói đến phát triển. Bởi vậy, đẩy mạnh CNTT trong hoạt động tín dụng là giải pháp tất yếu để QTDND Ma Lâm bắt nhịp

xu hướng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Nội dung giải pháp:

Trước hết, xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu khách hàng và thông tin tín dụng tập trung. QTDND Ma Lâm cần đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa cho tất cả hồ sơ thành viên và khách hàng vay vốn. Thay vì lưu trữ phân tán trên giấy tờ hoặc file rời rạc, một phần mềm quản lý quan hệ khách hàng (CRM) hoặc module tín dụng trong hệ thống core banking sẽ giúp tập hợp đầy đủ thông tin: từ thông tin cá nhân, lịch sử giao dịch, dư nợ, tài sản bảo đảm, đến lịch sử trả nợ của mỗi khách hàng. Hệ thống này cho phép cán bộ được phân quyền có thể tra cứu nhanh khi cần (ví dụ khi thẩm định hồ sơ mới có thể xem ngay khách hàng này đã từng vay chưa, có chấp hành tốt không). Việc chia sẻ dữ liệu giữa các bộ phận (tín dụng, kế toán, kho quỹ) cũng thuận tiện, giảm sai sót so với nhập liệu thủ công nhiều lần. Tuy nhiên, đi đôi với số hóa dữ liệu, Quỹ phải tuân thủ chặt chẽ các quy định về bảo mật thông tin khách hàng theo Luật An toàn thông tin mạng 2015 và các quy định của NHNN. Cần thiết lập các biện pháp bảo vệ hệ thống: phân quyền truy cập, thường xuyên sao lưu dữ liệu, cài đặt tường lửa, phần mềm diệt virus để tránh nguy cơ mất mát hoặc lộ lọt dữ liệu khách hàng.

Hai là, ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu lớn (Big Data) trong hoạt động tín dụng ở mức độ phù hợp. Với quy mô QTDND, Quỹ có thể chưa tự phát triển các giải pháp AI phức tạp, nhưng có thể sử dụng những công cụ sẵn có hoặc từ đối tác (ví dụ: sử dụng dữ liệu từ Trung tâm thông tin tín dụng CIC của NHNN kết hợp thuật toán chấm điểm tín dụng để đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng). AI có thể hỗ trợ tự động phân tích lịch sử tín dụng và các dữ liệu liên quan nhằm xếp hạng tín dụng hoặc dự báo xác suất vỡ nợ của khách hàng mới, từ đó trợ giúp cán bộ trong quyết định cho vay. Big Data (dữ liệu lớn) cũng có thể được tận dụng từ chính cơ sở dữ liệu Quỹ và nguồn bên ngoài để tìm ra xu hướng: chẳng hạn phân tích dữ liệu giao dịch để nhận biết thời điểm

khách hàng thường gửi tiền hoặc rút tiền, qua đó Quỹ điều chỉnh kế hoạch vốn; hoặc phân tích nhu cầu vay theo mùa vụ để chuẩn bị nguồn vốn kịp thời. Việc ứng dụng các công nghệ này cần có lộ trình: trước mắt có thể phối hợp với Co-opBank hoặc các công ty fintech nhỏ để thử nghiệm trên quy mô hẹp, dần dần mở rộng khi hiệu quả rõ rệt.

Ba là, triển khai dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho khách hàng của QTDND Ma Lâm. Hiện Ngân hàng Hợp tác xã đã phát triển dịch vụ CF-eBank-một nền tảng ngân hàng điện tử kết nối các QTDND. QTDND Ma Lâm nên chủ động đăng ký tham gia hệ thống này để cung cấp cho thành viên các tiện ích hiện đại như: dịch vụ internet banking, mobile banking, cho phép khách hàng kiểm tra số dư tiền gửi, lịch trả nợ, chuyển khoản giữa các tài khoản trong hệ thống ngay trên điện thoại. Ngoài ra, CF-eBank còn có tính năng cho vay thấu chi qua thẻ ghi nợ cho thành viên QTDND tham gia hệ thống thẻ. Việc tham gia hệ thống chung sẽ tiết kiệm chi phí phát triển so với việc Quỹ tự làm ứng dụng riêng. Bên cạnh đó, Quỹ có thể cung cấp các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt cho khách hàng: phát hành thẻ ATM nội địa liên kết với Co-opBank để thành viên rút tiền tại ATM và quét thẻ POS; triển khai dịch vụ thanh toán hóa đơn (điện, nước, điện thoại) tại quầy hoặc qua ứng dụng; dịch vụ chuyển tiền nhanh 24/7 liên ngân hàng (thông qua kết nối với hệ thống Napas hoặc Co-opBank). Khi khách hàng thấy rằng gửi tiền ở QTDND vẫn sử dụng được các tiện ích hiện đại không thua kém ngân hàng lớn, họ sẽ yên tâm gắn bó với Quỹ hơn. Tuy nhiên, để đảm bảo an toàn, Quỹ cần đào tạo khách hàng cách sử dụng dịch vụ số an toàn, nâng cao nhận thức về bảo mật (ví dụ không chia sẻ OTP, đặt mật khẩu mạnh...).

Bốn là, hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin của chính QTDND Ma Lâm. Quỹ cần đầu tư nâng cấp hệ thống máy tính, mạng nội bộ, đường truyền để đảm bảo kết nối thông suốt cả trong nội bộ và với hệ thống bên ngoài (NHNN, Co-opBank). Đặc biệt, trang bị máy chủ và thiết lập hệ thống sao lưu dữ liệu định kỳ (có thể sao lưu dữ liệu hàng ngày lên điện toán đám mây hoặc thiết bị lưu trữ ngoài đặt tại nơi an toàn) để đề phòng sự cố. Nâng cấp phần mềm core banking (phần

mềm giao dịch ngân hàng hợp tác xã cung cấp cho QTDND) lên phiên bản mới nhất, tích hợp các phân hệ kế toán, tín dụng, tiền gửi để xử lý tự động nhiều tác vụ. Đồng thời trang bị thiết bị mạng hiện đại, có hỗ trợ kỹ thuật của nhà cung cấp uy tín để đảm bảo an ninh mạng và tốc độ xử lý. Việc bảo trì hệ thống cũng rất quan trọng: Quỹ nên ký hợp đồng bảo trì định kỳ với đơn vị chuyên nghiệp, hoặc nếu có điều kiện thì tuyển một cán bộ CNTT tại chỗ.

Cuối cùng, ứng dụng CNTT trong quản lý nội bộ: Triển khai các công cụ văn phòng điện tử, như lưu trữ văn bản, tài liệu trên hệ thống đám mây (Google Drive, OneDrive có bảo mật) để lãnh đạo và nhân viên có thể truy cập khi cần thiết, tăng hiệu quả làm việc từ xa (nếu sau này mở rộng hoặc trong tình huống dịch bệnh). Sử dụng phần mềm kế toán, phần mềm nhân sự như đã đề cập ở mục 3.2.4 để tăng độ chính xác và tiết kiệm thời gian. Hướng tới mô hình văn phòng không giấy tờ cho các nghiệp vụ nội bộ: ví dụ, các báo cáo, tờ trình nội bộ được luân chuyển qua email hoặc hệ thống quản lý thay vì in giấy.

Điều kiện thực hiện: Ứng dụng CNTT đòi hỏi kinh phí đầu tư ban đầu và đào tạo con người sử dụng thành thạo. Do đó, QTDND Ma Lâm cần lập kế hoạch tài chính cho chuyển đổi số theo từng giai đoạn, tránh dàn trải gây thiếu hụt vốn. Trước tiên nên tận dụng các giải pháp có sẵn từ đối tác (Co-opBank, hiệp hội) để tiết kiệm chi phí. Ví dụ, tham gia CF-eBank có thể chỉ tốn phí kết nối ban đầu và phí thường niên nhỏ, thay vì tự làm ứng dụng tốn hàng trăm triệu. Tìm hiểu các chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho các tổ chức tài chính vi mô, có thể từ NHNN hoặc các dự án quốc tế, để xin tài trợ một phần thiết bị/ phần mềm. Về nhân sự, cần đào tạo kỹ năng số cho đội ngũ: từ kỹ năng cơ bản như sử dụng phần mềm mới, bảo mật thông tin, đến tư duy phân tích dữ liệu. Một số nhân viên lớn tuổi có thể gặp khó khăn khi chuyển từ làm sổ sách giấy sang máy tính, Quỹ nên kiên nhẫn đào tạo kèm cặp hoặc bố trí họ sang vị trí phù hợp hơn, đồng thời tuyển thêm nhân sự trẻ am hiểu công nghệ. An ninh mạng cũng phải được chú trọng: cần có quy trình quản lý rủi ro CNTT, ví dụ định kỳ thay đổi mật khẩu, phân quyền rõ ràng, kế hoạch dự phòng khi hệ thống gặp sự cố (có thể hoạt động thủ công tạm thời và nhập liệu bổ sung sau).

Quỹ cũng nên tuân thủ các hướng dẫn của NHNN về an toàn CNTT cho các tổ chức tín dụng. Ngoài ra, việc thuyết phục khách hàng sử dụng dịch vụ điện tử cũng cần thời gian, do đó Quỹ nên có các chương trình hướng dẫn, thậm chí ưu đãi (miễn phí chuyển khoản những tháng đầu) để khuyến khích thành viên trải nghiệm.

Tác động dự kiến: Việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT sẽ mang lại bước tiến lớn trong hiệu quả hoạt động tín dụng của QTDND Ma Lâm. Trước hết, hiệu suất xử lý công việc nội bộ tăng: nhiều công đoạn thẩm định, theo dõi khoản vay, báo cáo được tự động hóa sẽ giảm thời gian và sai sót, cho phép cán bộ tín dụng phục vụ nhiều khách hàng hơn trong cùng thời gian. Thứ hai, giảm chi phí vận hành: ví dụ, việc áp dụng ngân hàng điện tử sẽ giảm tần suất khách hàng đến quầy, Quỹ có thể tinh giản một số khâu hoặc tiết kiệm chi phí in ấn giấy tờ; việc lưu trữ số hóa cũng giảm không gian và nhân lực quản lý hồ sơ. Thứ ba, nâng cao trải nghiệm khách hàng: thành viên sẽ hài lòng khi có thể truy cập tài khoản mọi lúc mọi nơi, thanh toán tiện lợi, từ đó gắn bó hơn với Quỹ. Những khách hàng trẻ, người đi làm có thể sẽ tham gia Quỹ khi thấy dịch vụ hiện đại, mở rộng tệp khách hàng khỏi phạm vi chỉ những nông dân truyền thống. Điều này đóng góp vào mở rộng tín dụng và huy động vốn. Thứ tư, cải thiện quản trị rủi ro: như phân tích, CNTT cho phép phát hiện sớm rủi ro, lưu vết mọi giao dịch, khó có gian lận mà không bị phát hiện. Nhờ đó nợ xấu giảm, an ninh tài sản tốt hơn. Thứ năm, bắt nhịp chuyển đổi số sẽ giúp QTDND Ma Lâm giữ vững vị thế trong hệ thống: Quỹ nào chuyển đổi số tốt sẽ được NHNN, NHHT đánh giá cao, có thể được ưu tiên kết nối các dịch vụ mới. Về dài hạn, Quỹ có thể tích lũy dữ liệu và kinh nghiệm để phát triển các sản phẩm tín dụng số hóa (như xét duyệt cho vay online đối với khoản vay nhỏ, giải ngân qua tài khoản tức thời). Như vậy, công nghệ sẽ trở thành đòn bẩy cho tăng trưởng: hỗ trợ các mục tiêu tăng dư nợ, tăng doanh thu phí, giảm tỷ lệ chi phí/thu nhập, đưa QTDND Ma Lâm tiến gần hơn đến mô hình một tổ chức tài chính vi mô hiện đại, hiệu quả cao.

3.3 Tầm nhìn chiến lược dài hạn và lộ trình triển khai các giải pháp

Tầm nhìn chiến lược dài hạn: Trên cơ sở các giải pháp đã đề ra, QTDND Ma Lâm hướng đến tầm nhìn trở thành tổ chức tài chính hợp tác hàng đầu trên địa bàn, hoạt động an toàn, hiệu quả và gắn bó cộng đồng. Trong 5-10 năm tới, Quỹ phấn đấu mở rộng quy mô đi đôi với đảm bảo chất lượng: tổng nguồn vốn, dư nợ tín dụng tăng trưởng ổn định (bình quân 10-15%/năm), nhưng tỷ lệ nợ xấu luôn dưới 1% và tuân thủ nghiêm mọi tỷ lệ an toàn do NHNN quy định. QTDND Ma Lâm sẽ đóng vai trò trụ cột tài chính cho kinh tế hộ gia đình và kinh tế hợp tác của huyện, là kênh dẫn vốn tin cậy cho các thành viên và góp phần hạn chế tín dụng đen trong khu vực. Về dịch vụ, Quỹ định hướng phát triển theo mô hình ngân hàng hợp tác hiện đại nhưng gần gũi: cung ứng đa dạng sản phẩm tín dụng vi mô và dịch vụ tài chính tiện ích cho thành viên, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số để mọi thành viên, kể cả ở nông thôn, cũng được tiếp cận dịch vụ ngân hàng hiện đại với chi phí hợp lý. Về tổ chức, tầm nhìn xây dựng QTDND Ma Lâm trở thành một đơn vị có năng lực quản trị xuất sắc, tuân thủ chuẩn mực cao về minh bạch và an toàn, là thành viên tiêu biểu trong hệ thống QTDND Việt Nam. Quỹ không chỉ chăm lo lợi ích kinh tế của thành viên mà còn tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, nâng cao giá trị hợp tác xã và đóng góp vào phát triển bền vững của địa phương. Tầm nhìn này phù hợp với định hướng chung của NHNN về phát triển hệ thống QTDND an toàn, hiệu quả, gắn với mục tiêu tài chính toàn diện và xây dựng nông thôn mới.

Lộ trình triển khai các giải pháp: Để hiện thực hóa tầm nhìn và các giải pháp, QTDND Ma Lâm cần một lộ trình khoa học, phân chia theo từng giai đoạn, với mục tiêu cụ thể cho từng chặng. Dự kiến lộ trình triển khai như sau:

Giai đoạn 1: Ngắn hạn (2024 - 2025)-Củng cố nền tảng an toàn và nâng cao chất lượng hoạt động nội bộ. Trong 1-2 năm đầu, ưu tiên các giải pháp mang tính nền tảng dễ thực hiện với nguồn lực sẵn có. Cụ thể: hoàn thiện ngay hệ thống quy chế nội bộ, đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật (giải pháp 3.2.1 và 3.2.4); tổ chức các đợt tập huấn ngắn hạn về thẩm định tín dụng, quản trị rủi ro cho toàn

thể nhân viên (3.2.2); thành lập tổ quản lý nợ xấu và xây dựng quy trình xử lý nợ xấu chuẩn (3.2.3). Song song, bắt đầu số hóa dữ liệu bước đầu (3.2.7): mua sắm thiết bị máy chủ, chuyển dần hồ sơ tín dụng sang file mềm; kết nối thử nghiệm với hệ thống CF-eBank để triển khai một số dịch vụ đơn giản như chuyển tiền, tra cứu tài khoản. Trong giai đoạn này, Quỹ đặt mục tiêu giữ ổn định hoạt động, không để phát sinh vấn đề lớn, chuẩn hóa mọi mặt hoạt động. Các chỉ tiêu cụ thể có thể là: tỷ lệ nợ xấu $\leq 0,5\%$; xây dựng xong ít nhất 80% các quy trình/quy chế quan trọng; đào tạo 100% nhân viên về kiến thức luật mới; hoàn thiện cơ sở dữ liệu điện tử cho ít nhất 50% khách hàng. Đây là giai đoạn “dọn nhà”, tạo đà cho bước phát triển tiếp theo.

Giai đoạn 2: Trung hạn (2026 - 2028)-Tăng tốc phát triển hiệu quả và mở rộng dịch vụ. Trong 3 năm tiếp theo, tập trung triển khai các giải pháp có tác động trực tiếp đến tăng trưởng và hiệu quả tín dụng, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và marketing. Về tín dụng: áp dụng triệt để hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và các công cụ quản lý rủi ro hiện đại (3.2.2 và 3.2.3) để mở rộng dư nợ đi đôi với kiểm soát chất lượng. Phấn đấu tăng trưởng dư nợ mỗi năm khoảng 12-15%, nhưng tỷ lệ nợ nhóm 2 duy trì dưới 2%, nợ xấu dưới 0,7%. Về nhân sự: xây dựng được đội ngũ kế thừa, tuyển mới những vị trí chuyên môn cần thiết (CNTT, marketing); tất cả nhân viên tín dụng chủ chốt đều có chứng chỉ chuyên môn hoặc qua các khóa đào tạo nâng cao (3.2.5). Về công nghệ: hoàn thiện kết nối ngân hàng điện tử-mục tiêu trong giai đoạn này, 50-70% giao dịch đơn giản (như chuyển tiền, gửi tiền tiết kiệm) của thành viên có thể thực hiện qua kênh điện tử (internet banking, mobile) chứ không cần đến quầy (3.2.7). Đồng thời, triển khai một số ứng dụng AI thử nghiệm trong thẩm định tín dụng các khoản vay nhỏ. Về uy tín và cạnh tranh: đẩy mạnh chiến dịch truyền thông địa phương, mỗi năm tăng ít nhất 15% số lượng thành viên mới (3.2.6). Quỹ có thể đặt mục tiêu đến 2028, số thành viên tăng từ ~2.600 hiện nay lên ~3.500, tổng vốn huy động tăng tương ứng để đảm bảo nguồn cho vay. Giai đoạn này cũng sẽ đánh giá lại các giải pháp: những gì hiệu quả sẽ tiếp tục, những gì chưa phù hợp sẽ điều chỉnh. Ví dụ, nếu nhận thấy dịch vụ mới nào không được

người dân đón nhận, Quỹ sẽ điều chỉnh cách tiếp cận hoặc thay đổi sản phẩm phù hợp hơn.

Giai đoạn 3: Dài hạn (sau 2028)-Phát triển bền vững và mở rộng quy mô cao hơn. Giai đoạn này, QTDND Ma Lâm hướng tới mức độ trưởng thành mới: trở thành đơn vị dẫn đầu trong cụm QTDND của tỉnh về hiệu quả hoạt động. Các giải pháp về công nghệ và quản trị tiếp tục được nâng lên tầm cao hơn. Mục tiêu đến 2030, Quỹ có thể cung cấp hầu hết các dịch vụ ngân hàng cơ bản cho thành viên như một ngân hàng thu nhỏ: thành viên ở nhà có thể gửi tiền, vay vốn online (đối với các khoản vay nhỏ đã có lịch sử tốt), thanh toán mọi hóa đơn qua ứng dụng; Quỹ tham gia tích cực vào hệ sinh thái thanh toán không tiền mặt của địa phương. Hiệu quả tín dụng thể hiện qua các con số như ROA đạt $>1\%$, ROE $>15\%$ (cao hơn hiện nay khoảng 0,7% và 13%), tỷ lệ nợ xấu luôn nằm trong top thấp nhất hệ thống QTDND. Quỹ có thể xem xét mở rộng địa bàn hoạt động nếu luật cho phép (ví dụ mở phòng giao dịch ở xã lân cận chưa có QTDND để kết nạp thêm thành viên)-đây là một chiến lược dài hạn nhằm tăng quy mô. Về quản trị, hướng tới mô hình quản trị theo thông lệ tốt của quốc tế: hoạt động của HĐQT và Ban Kiểm soát chuyên nghiệp, thậm chí có thể mời thành viên độc lập có kinh nghiệm tham gia HĐQT để nâng cao tính khách quan. Quỹ cũng xây dựng được văn hóa doanh nghiệp đề cao sáng tạo và trách nhiệm xã hội. Giai đoạn này, các giải pháp tập trung vào duy trì cải tiến liên tục: công nghệ thay đổi nhanh sẽ tiếp tục đầu tư, nhân sự gắn bó lâu dài sẽ tiếp tục bồi dưỡng để kế tục, rủi ro mới nảy sinh sẽ có biện pháp ứng phó kịp thời. Nói cách khác, sau 2028, QTDND Ma Lâm vận hành theo một chu trình quản trị hiện đại: có chiến lược-có hệ thống triển khai-đo lường kết quả-điều chỉnh chiến lược, đảm bảo phát triển ổn định và bền vững.

Trong suốt lộ trình trên, điều quan trọng là Quỹ phải giám sát và đánh giá thường xuyên việc thực hiện các giải pháp. Đưa các chỉ tiêu về hiệu quả tín dụng (như tăng trưởng dư nợ, tỷ lệ nợ xấu, thu nhập lãi thuần, số lượng thành viên mới...) vào theo dõi định kỳ hàng quý, hàng năm so với mục tiêu đề ra. Nếu kết quả chưa đạt, phân tích nguyên nhân để kịp thời hiệu chỉnh giải pháp hoặc bổ sung giải

pháp mới. Đồng thời, chia sẻ kết quả và kinh nghiệm đạt được với cơ quan quản lý và các QTDND bạn để nhận phản hồi và hỗ trợ khi cần. Lãnh đạo QTDND Ma Lâm cần bám sát tầm nhìn chiến lược đã đặt ra, làm kim chỉ nam cho mọi quyết định lớn, tránh chạy theo những lợi ích ngắn hạn mà ảnh hưởng đến mục tiêu dài hạn.

Nhìn chung, với tầm nhìn chiến lược rõ ràng và lộ trình triển khai cụ thể, các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm trở thành một tổ chức tín dụng hợp tác vững mạnh, hoạt động hiệu quả song hành cùng sự phát triển của cộng đồng địa phương.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương 3 đã đề xuất một hệ thống giải pháp toàn diện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm trên cơ sở định hướng mục tiêu rõ ràng và kết quả phân tích thực trạng (Chương 2). Các nhóm giải pháp từ tuân thủ pháp luật, nâng cao thẩm định tín dụng, quản trị rủi ro, đến phát triển nhân lực, uy tín thương hiệu và ứng dụng công nghệ thông tin được trình bày một cách logic, có trọng tâm. Mỗi giải pháp đều được luận giải về lý do lựa chọn, điều kiện thực hiện cũng như tác động dự kiến đối với hoạt động của Quỹ, kèm theo dẫn chứng thực tiễn và quy định pháp lý liên quan để tăng tính thuyết phục.

Tổng hợp các giải pháp trên cho thấy muốn nâng cao hiệu quả tín dụng, QTDND Ma Lâm cần một cách tiếp cận đa chiều: vừa củng cố nội lực (quản trị, nhân sự, công nghệ), vừa mở rộng hoạt động an toàn (phát triển dịch vụ, thành viên trên nền tảng kiểm soát rủi ro tốt). Thực hiện đồng bộ các giải pháp sẽ giúp Quỹ hoạt động ngày càng chuyên nghiệp, hiệu quả, gia tăng thu nhập và lợi nhuận, đồng thời duy trì được sứ mệnh tương trợ thành viên và an toàn hệ thống. Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận rằng phạm vi nghiên cứu có hạn nên chưa thể đi sâu vào lượng hóa tác động từng giải pháp hay giải quyết tất cả vấn đề phát sinh. Trong bối cảnh môi trường kinh doanh luôn biến động, QTDND Ma Lâm cần tiếp tục cập nhật, hoàn thiện các giải pháp, đặc biệt chú trọng yếu tố định lượng để đo lường hiệu quả.

Những hạn chế này mở ra hướng nghiên cứu tiếp theo, chẳng hạn xây dựng mô hình kinh tế lượng đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến hiệu quả tín dụng, hoặc nghiên cứu so sánh với các QTDND khác để rút ra bài học. Mặc dù vậy, chương 3 đã cơ bản hoàn thành mục tiêu đề ra, góp phần định hướng cho QTDND Ma Lâm những bước đi vững chắc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng trong những năm tới.

PHẦN III KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

* Kết luận

Sau quá trình nghiên cứu, đề tài đã hệ thống hóa các cơ sở lý luận về hoạt động tín dụng tại Quỹ tín dụng nhân dân, làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tín dụng cũng như những quy định pháp luật liên quan. Bên cạnh đó, đề tài đã phân tích thực trạng hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm, chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân của các vấn đề này. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng, bao gồm việc tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật, hoàn thiện quy trình thẩm định và quản lý rủi ro tín dụng, nâng cao năng lực quản trị điều hành, đầu tư phát triển nguồn nhân lực và ứng dụng công nghệ vào hoạt động quản lý tín .

Đề tài đã có những đóng góp quan trọng đối với QTDND Ma Lâm, giúp Quỹ có cái nhìn tổng thể về hiệu quả tín dụng, từ đó xác định những điểm cần cải thiện và đưa ra chiến lược phù hợp. Các giải pháp đề xuất trong đề tài góp phần nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng, giảm thiểu rủi ro, tối ưu hóa quy trình cấp tín dụng và thu hồi nợ, đồng thời nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh của Quỹ trong hệ thống các tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và đào tạo nguồn nhân lực cũng giúp Quỹ hoạt động chuyên nghiệp, minh bạch hơn, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Tuy nhiên, đề tài vẫn còn một số hạn chế như chưa đi sâu vào phân tích định lượng để đánh giá tác động cụ thể của các yếu tố đến hiệu quả tín dụng, chưa so sánh với các Quỹ tín dụng khác để có cái nhìn toàn diện hơn. Ngoài ra, nghiên cứu chưa đề cập sâu đến tác động của các chính sách pháp luật mới đối với hoạt động tín dụng và chưa khai thác nhiều về các mô hình tín dụng sáng tạo, phù hợp với xu hướng tài chính hiện đại. Đây sẽ là những hướng nghiên cứu tiếp theo nhằm hoàn thiện hơn các giải pháp nâng cao hiệu quả tín dụng tại các Quỹ tín dụng nhân dân trong giai đoạn tới.

*** Kiến nghị về hoàn thiện pháp luật liên quan đến hoạt động tín dụng của Quỹ tín dụng nhân dân**

Trên cơ sở tổng hợp các quy định pháp luật hiện hành, đối chiếu với thực tiễn áp dụng tại Quỹ tín dụng nhân dân Ma Lâm, tác giả nhận thấy một số bất cập và hạn chế trong hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động tín dụng của QTDND. Vì vậy, để bảo đảm hiệu lực thi hành của pháp luật cũng như phù hợp với đặc thù hoạt động của QTDND, đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, sửa đổi và bổ sung một số nội dung sau:

Thứ nhất, về sự thiếu thống nhất giữa Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và Luật Hợp tác xã năm 2023 trong việc xác định quyền và nghĩa vụ của thành viên QTDND. Cụ thể, khoản 30 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng quy định QTDND là tổ chức tín dụng hoạt động theo mô hình hợp tác xã, trong khi khoản 7 Điều 4 Luật Hợp tác xã lại quy định hợp tác xã có tính tự chủ, tự nguyện. Tuy nhiên, pháp luật chưa có văn bản hướng dẫn xử lý tình huống khi thành viên vi phạm nghĩa vụ tín dụng - ví dụ như không trả nợ - sẽ bị xử lý như khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng hay thành viên vi phạm nghĩa vụ của hợp tác xã.

Kiến nghị: Cần có Thông tư liên tịch giữa Ngân hàng Nhà nước và Bộ Kế hoạch - Đầu tư để hướng dẫn cụ thể vấn đề này nhằm tránh xung đột pháp luật và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên liên quan.

Thứ hai, về cơ chế xử lý tài sản bảo đảm và nợ xấu. Khoản 1 Điều 7 và Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN (được sửa đổi bởi Thông tư 06/2023/TT-NHNN và Thông tư 12/2024/TT-NHNN) quy định chung cho tổ chức tín dụng nhưng chưa đề cập đến đặc thù pháp lý của QTDND - vốn có điều kiện hoạt động nhỏ, phạm vi hẹp, tài sản bảo đảm chủ yếu là bất động sản hoặc tín chấp.

Kiến nghị: Sửa đổi, bổ sung Thông tư 39 theo hướng xây dựng phụ lục riêng về quy trình xử lý nợ xấu và tài sản bảo đảm đối với QTDND, nhằm tạo điều kiện thực thi dễ dàng, phù hợp với điều kiện địa phương và năng lực cán bộ cơ sở.

Thứ ba, về quy định phân loại tài sản có và trích lập dự phòng rủi ro. Điều 4 và Điều 5 Thông tư 36/2024/TT-NHNN đang yêu cầu QTDND tuân thủ các tiêu chí phân loại và dự phòng như các tổ chức tín dụng thương mại, trong khi phần lớn QTDND không có đủ nhân sự và hệ thống đánh giá rủi ro tương xứng.

Kiến nghị: Ngân hàng Nhà nước nên ban hành hướng dẫn riêng về phân loại tài sản có cho QTDND, áp dụng tiêu chí đơn giản hơn, có tính khả thi và tương thích với điều kiện thực tiễn tại cơ sở.

Thứ tư, khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định giới hạn cấp tín dụng tối đa là 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng. Quy định này khiến QTDND khó đáp ứng nhu cầu vốn cho các mô hình sản xuất nông nghiệp quy mô vừa ở địa phương.

Kiến nghị: Xem xét điều chỉnh mức trần cho vay tối đa đối với QTDND lên 25% vốn tự có trong một số trường hợp đặc thù, hoặc ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng linh hoạt cho khách hàng là hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất nông nghiệp.

Thứ năm, mặc dù Điều 132 và 133 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 đã quy định trách nhiệm giám sát của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng, tuy nhiên hoạt động thanh tra hiện vẫn mang tính định kỳ, chưa kịp thời hỗ trợ phòng ngừa vi phạm pháp luật trong hoạt động tín dụng tại QTDND.

Kiến nghị: Ngân hàng Nhà nước cần ban hành quy chế giám sát sớm đối với QTDND, đồng thời tăng cường tổ chức tập huấn pháp luật và hỗ trợ tư vấn pháp lý định kỳ cho đội ngũ cán bộ pháp chế, cán bộ tín dụng cơ sở.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu trong nước

1. Bộ Tài Chính (2014), *Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*.
2. Bộ Tư pháp (2020), *Thông tư 06/2020/TT-BTP, ngày 17/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp*.
3. Chính phủ (2021), *Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định thi hành Bộ Luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự*.
4. Chính phủ (2024), *Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/7/2024 về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái*.
5. Lương Hữu Phúc, Lê Nguyễn Đoàn Khôi (2021), “Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam”, *Tạp chí Ngân hàng*, số 21/2021 tr.45-52.
6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2016), *Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng*.
7. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2018), *Thông tư số 09/2018/TT-NHNN ngày 30/3/2018 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã*.
8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2018), *Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*.

9. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2019), *Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.*
10. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2021), *Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng ngoài nhà nước.*
11. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2023), *Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.*
12. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2024), *Thông tư 12/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.*
13. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2024), *Thông tư số 29/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 quy định về quỹ tín dụng nhân dân.*
14. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2024), *Thông tư số 36/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 quy định về phân loại tài sản có của tổ chức tín dụng là hợp tác xã.*
15. Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Thu Thủy (2014), *Quản trị ngân hàng thương mại*, NXB Tài chính, Hà Nội.
16. Quốc hội (2015), *Luật số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 Bộ Luật Dân sự.*
17. Quốc hội (2022), *Luật số 14/2022/QH15 ngày 15/11/2022 Luật phòng, chống rửa tiền.*
18. Quốc hội (2023), *Luật số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023 Luật Hợp tác xã.*

19. Quốc hội (2024), *Luật số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 Luật các tổ chức tín dụng*.
20. Quỹ tín dụng nhân dân Ma Lâm (2023), *Báo cáo tài chính từ năm 2019-2023, Bình Thuận*.

Tài liệu nước ngoài

1. Lehtinen, U. & Lehtinen, J. R. (1982). *Service Quality: A Study of Quality Dimensions*. Service Management Institute.
2. Parasuraman, A., Zeithaml, V. A., & Berry, L. L. (1985). *A conceptual model of service quality and its implications for future research*. Journal of Marketing, 49(4), 41-50.
3. Parasuraman, A., Zeithaml, V. A., & Berry, L. L. (1988). *SERVQUAL: A multiple-item scale for measuring consumer perceptions of service quality*. Journal of Retailing, 64(1), 12-40.

Phụ lục 1

PHIẾU KHẢO SÁT DÀNH CHO NHÂN VIÊN VÀ LÃNH ĐẠO QTDND MA LÂM

Mục đích: Thu thập ý kiến đánh giá mức độ áp dụng pháp luật trong hoạt động tín dụng tại QTDND Ma Lâm

1. Thông tin cá nhân (không bắt buộc)

Họ và tên:

Chức vụ: ☐ Lãnh đạo ☐ Nhân viên tín dụng ☐ Nhân viên kế toán ☐ Nhân viên khác

Thâm niên làm việc: ☐ Dưới 1 năm ☐ 1-3 năm ☐ 4-6 năm ☐ Trên 6 năm

***Nội dung khảo sát**

1. Đánh giá của Anh/Chị về mức độ tuân thủ pháp luật trong quy trình cấp tín dụng tại Quỹ?

☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Kém

2. Các quy định pháp luật hiện hành có gây khó khăn trong công việc của Anh/Chị không?

☐ Có ☐ Không

3. Theo Anh/Chị, đâu là nguyên nhân chính khiến việc áp dụng pháp luật trong hoạt động tín dụng chưa hiệu quả?

☐ Quy định pháp luật chưa sát với thực tế

☐ Thiếu đào tạo chuyên sâu về luật

☐ Thiếu hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý

☐ Khác:

4. Đề xuất của Anh/Chị để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong hoạt động tín dụng:

.....

.....

Phụ lục 2

PHIẾU KHẢO SÁT DÀNH CHO KHÁCH HÀNG VAY VỐN

Mục đích: Đánh giá mức độ hài lòng và sự phù hợp của hoạt động tín dụng tại Quỹ với nhu cầu thực tế.

1. Thông tin cá nhân(không bắt buộc)

Họ và tên:

Độ tuổi: ☐ 18-30 ☐ 31-45 ☐ 46-60 ☐ Trên 60

Nghề nghiệp: ☐ Nông dân ☐ Tiểu thương ☐ Công nhân ☐ Nhân viên văn phòng ☐ Khác:

Bạn đã sử dụng dịch vụ vay vốn tại QTDND Ma Lâm bao lâu?

☐ Dưới 1 năm

☐ 1-3 năm

☐ 4-6 năm

☐ Trên 6 năm

* Nội dung khảo sát

1. Anh/Chị đánh giá thế nào về thủ tục vay vốn tại QTDND Ma Lâm?

☐ Rất đơn giản ☐ Bình thường ☐ Phức tạp ☐ Rất phức tạp

2. Thời gian giải ngân có đáp ứng kịp thời nhu cầu của Anh/Chị không?

☐ Có ☐ Không

3. Mức lãi suất cho vay của QTDND theo Anh/Chị là:

☐ Hợp lý ☐ Cao ☐ Thấp

4. Anh/Chị có hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình khi ký hợp đồng tín dụng không?

☐ Rõ ☐ Chưa rõ ☐ Không rõ

5. Đề xuất của Anh/Chị để cải thiện hoạt động cho vay tại QTDND:

.....
.....

Phụ lục 3

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Kết quả khảo sát cán bộ QTDND Ma Lâm

Câu hỏi	Rất tốt / Có / Quy định chưa sát thực tế	Tốt / Không / Thiếu đào tạo luật	Trung bình / Khác	Kém
Mức độ tuân thủ pháp luật	55.6%	33.3%	11.1%	0.0%
Khó khăn do pháp luật	44.4%	44.4%	11.1%	0.0%
Nguyên nhân chính gây khó khăn	33.3%	55.6%	11.1%	0.0%

2. Kết quả khảo sát khách hàng vay vốn tại QTDND Ma Lâm

Câu hỏi	Rất đơn giản / Có / Hợp lý / Rõ	Bình thường / Không / Cao / Chưa rõ	Phức tạp / Thấp / Không rõ	Rất phức tạp
Thủ tục vay vốn	60.0%	25.0%	10.0%	5.0%
Thời gian giải ngân kịp thời	50.0%	30.0%	15.0%	5.0%
Mức lãi suất	40.0%	35.0%	20.0%	5.0%
Hiểu rõ hợp đồng tín dụng	55.0%	20.0%	20.0%	5.0%